THÔNG TIN NGHIÊN CỨU
BẢO TỒN DI SẢN

Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An
Chi hội Khoa học Lịch sử Hội An
Chi hội Văn nghệ Dân gian Quảng Nam

Chỉ đạo nội dung
Phạm Phú Ngọc
Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Chịu trách nhiệm biên soạn
Quảng Văn Quý
Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Ban Biên soạn
Quảng Văn Quý
Tống Quốc Hưng
Nguyễn Chí Trung
Trần Văn An
Phùng Tấn Đông
Võ Hồng Việt
Phạm Phước Tịnh

Trình bày
Võ Hồng Việt
Nguyễn Văn Thịnh

Thiết kế bìa
Trần Quang Ngọc

Tập 01 (61) - 2023

❀ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Sự kết nối của công ty Đông Ấn Anh ở Hội An (thế kỷ XVII - thế kỷ XVIII) - TS. Nguyễn Thị Vĩnh Linh 2
- Trà và việc buôn trà ở Hội An, Quảng Nam trong lịch sử - CN. Nguyễn Văn Thịnh 8
- Làng Thanh Châu - ThS. Nguyễn Chí Trung 13
- Mắt Cửa ở Hội An - CN. Trần Văn An 19
- Những bức hoành phi của Bố chánh sứ Nguyễn Tường Vĩnh ở Hội An, Quảng Nam - ThS. Phạm Phước Tịnh 23
- Văn chỉ Minh Hương ở Hội An - CN. Trần Phương 27
- Một bức bình phong đặc sắc tại Hội An - KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc 37
- Đặc sắc Tết Nguyên tiêu ở Hội An - CN. Trần Thị Lệ Xuân - CN. Võ Hồng Việt 41
- Nghề may trang phục áo dài ở Hội An - CN. Trần Thị Lệ Xuân 45
- Vài nét về nghề làm nhà tre dừa Cẩm Thanh - CN. Võ Hồng Việt - CN. Lê Thị Ngọc Hương 50
- Bánh lăn ở Hội An - ThS. Thái Thị Liễu Chi 57
- Bánh mì phố Hội - Câu chuyện khẩu vị - CN. Khiếu Thị Hoài 60
- Phát triển du lịch xanh ở làng gốm Thanh Hà - CN. Trương Hoàng Vinh 68

❀ Thông tin tư liệu

- Thông tin về Địa bạ xã Phước An - Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản 72
- Một số thông tin về dân đinh, hạng đinh, tuyển binh qua tài liệu lưu trữ Hán Nôm ở Hội An - CN. Lê Thị Lưu 78

❀ Tin tức - Sự kiện

❀ Văn bản pháp quy

❀ Di sản đó đây

SỰ KẾT NỐI CỦA CÔNG TY ĐÔNG ẤN ANH Ở HỘI AN (THẾ KỶ XVII - THẾ KỶ XVIII)

TS. Nguyễn Thị Vĩnh Linh

Được thành lập vào năm 1600, Công ty Đông Ấn Anh (*EIC*)[1] trở thành tổ chức thương mại có quyền lực độc tôn góp phần quan trọng bành trướng sức mạnh hải thương của đế quốc Anh trên toàn châu Á. Là một trong những thương cảng nổi bật của khu vực Đông Nam Á, Hội An với hấp lực riêng của mình đã thu hút sự chú ý của EIC ngay từ những thập niên đầu của thế kỷ XVII.

1. Từ sự hình thành thương điếm Hirado (*Nhật Bản*)

Ở Đông Nam Á, Bantam (*Indonesia*) là thương điếm chính thức đầu tiên được EIC thành lập vào năm 1602[2]. Với tư cách là một trong những trung tâm thương mại nổi tiếng ở khu vực và là một trong những thành phố lớn nhất ở châu Á vào thế kỷ XVII, Bantam đã thu hút hầu hết thương nhân từ bán đảo Ả Rập, Ba Tư, duyên hải Coromandel, Malaysia, Sumatra, Siam, Moluccas (*Maluku*), Trung Quốc và Nhật Bản đến buôn bán. Tại thời điểm này, EIC chủ yếu quan tâm đến việc thu gom gia vị và hạt tiêu, do đó, việc đặt thương điếm ở Bantam sẽ tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thương nhân Anh trong việc kiểm soát quần đảo Hương liệu (*Spice Islands, Indonesia*). Thế nhưng, với nguồn cung ứng ngày càng dồi dào từ thương nhân Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, và Hà Lan, giá cả của các loại gia vị, hương liệu (*nhất là hạt tiêu*) ngày càng giảm. Điều đó đã buộc EIC phải hướng đến các thị trường tiềm năng khác (*đặc biệt là Nhật Bản*) nếu muốn đánh bại các địch thủ châu Âu khác trong cuộc chiến thương mại biển đầy khốc liệt này.

Ngày 18/4/1611, từ Bantam, ba tàu Clove, Thomas và Hector với 262 thủy thủ đoàn của EIC đã lên đường đến Nhật Bản và tháng 6/1613, tàu Clove cập cảng Hirado - một thương cảng trên đảo Honshu đang thuộc quyền quản lý của lãnh chúa Matsura Takanobu (*1592-1637*). Sự chào đón nồng ấm của lãnh chúa Matsura và của chính quyền Mạc phủ đã đặt những nền tảng ban đầu hết sức thuận lợi cho việc thiết lập quan hệ thương mại giữa EIC với Nhật Bản. Với sự cho phép của Mạc phủ, EIC đã quyết định xây dựng thương điếm tại Hirado

[1] EIC là tên viết tắt của English East India Company. Ngày 31/12/1600, Nữ hoàng Elizabeth I của Anh đã cấp một bản điều lệ chính thức cho các thương nhân London giao dịch ở Đông Ấn với hy vọng phá vỡ sự độc quyền của Hà Lan trong buôn bán gia vị tại khu vực mà ngày nay là Indonesia. Từ năm 1600 đến năm 1873, Công ty Đông Ấn trở thành tập đoàn hùng mạnh nhất mà thế giới từng biết đến, họ củng cố sức mạnh bằng quân đội riêng, lãnh thổ riêng và gần như nắm giữ toàn bộ con đường thông thương của một sản phẩm hiện được coi là tinh túy của Anh: Trà.

[2] Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2005), *Tiếp xúc thương mại Việt Nam - Anh thế kỷ XVII* (*thông qua tìm hiểu thương điếm Anh ở Đàng Ngoài*), Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 6 (66), tr.61.

Phố cổ Hội An nhìn từ trên cao - Ảnh: Quang Ngọc

như một đối trọng với thương điếm Hà Lan ở Nhật Bản.[3]

Tuy vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, EIC nhanh chóng nhận ra rằng các sản phẩm mà họ mang tới không hề đáp ứng được thị hiếu của người Nhật Bản. Tận dụng chính sách "*hải cấm*" của triều Minh (*Trung Quốc*), giống như các thương nhân phương Tây khác, thương nhân Anh quyết định trở thành trung gian thực hiện việc mua tơ lụa ở các cảng thị khác và cung cấp nó cho thị trường Nhật Bản để đổi lấy bạc nén. Từ đây, theo các Châu Ấn thuyền (*Shuinsen*)[4], người Anh đã đến Hội An - một trong những cảng thị tập trung cộng đồng thương nhân Nhật Bản - những người đang nắm quyền thống trị thương mại tơ lụa ở Đàng Trong. Theo GS. Nguyễn Văn Kim thì từ năm 1592, khi Mạc phủ quyết định thực thi Châu Ấn thuyền thì quan hệ mậu dịch đường biển ở Đông Nam Á đã được mở rộng và sôi động hẳn lên. Một mạng lưới thương mại hàng hải quốc tế mới được mở ra xuất phát từ Hirado hay Nagasaki ở Nhật đến các cảng thị Đông Nam Á (*trong đó có Hội An*) do thương nhân Nhật Bản đảm nhận. Sau đó hàng hóa được vận chuyển đến Trung Hoa trên các con tàu của thương nhân Hoa. Theo tính toán của Iwao Seiichi thì trong 355 thuyền Châu Ấn rời khỏi Nhật Bản thì hầu hết là đến các cảng thị của Philippines, Đàng Trong (*Cochin-china*), Campuchia, Thái Lan và

[3] Dương Thị Huyền (2017), *Mối quan hệ của thương điếm Anh ở Hirado (1613-1623) với chính quyền Nhật Bản*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, Tập 170, số 10, 2017, tr.116.

[4] Hệ thống shuinsen được thúc đẩy và hoàn thiện khi Ieyasu bắt đầu nắm giữ tước vị tướng quân (*shogun*) vào năm 1603. Điểm khởi đầu của mạng lưới này xuất phát từ Hirado hay Nagasaki nằm về phía Nam Nhật Bản đến các cảng thị Đông Nam Á (*trong đó có Hội An*) do thương nhân Nhật Bản đảm nhận. Sau đó hàng hóa được vận chuyển đến Trung Hoa trên các con tàu của thương nhân người Hoa. Thêm vào đó, năm 1593, Mạc phủ Tokugawa ban hành Châu Ấn trạng (*Shuinjo*) - một loại giấy thông hành đặc biệt, khuyến khích các tàu thuyền lớn đi về các cảng thị tại Đông Nam Á để có thể dễ dàng tiếp xúc, trao đổi hàng hoá với tàu thuyền Trung Quốc.

Đàng Ngoài (*Tonkin*) vì thế khu vực này trở thành "*bạn hàng lớn nhất*" của Nhật Bản[5]. Do đó, đầu thế kỷ XVII là thời điểm mà nền thương mại biển ở Đàng Trong nói chung và tại Hội An nói riêng chịu sự chi phối mạnh mẽ từ thương nhân Nhật Bản và Trung Quốc. Và chính hai thế lực thương nhân này đã trở thành "*cầu nối*" thu hút EIC tìm đến Hội An.

2. Đến sự kết nối thương mại của EIC ở Hội An

Nỗ lực đầu tiên của người Anh trong việc kết nối quan hệ thương mại với Đàng Trong diễn ra vào năm 1613 (*hoặc 1614*) khi Tempest Peacock và Walter Cawarden là hai thương gia được Richard Cocks - Trưởng đại diện của công ty Đông Ấn Anh tại Hirado (*Nhật Bản*) - phái tới Đàng Trong. Hai thương gia này đến Hội An (*Faifo*) trên một chiếc thuyền của người Nhật. Họ mang theo một bức thư của vua James I (*1566-1625*) trình lên chúa Nguyễn kèm với 720 bảng Anh và 1.000 peso (*ước tính theo thời giá hiện hành là 800 bảng Anh*)[6]. Tuy nhiên, cuộc tiếp xúc đầu tiên này kết thúc ngay khi Peacock và Carwarde qua đời trên đường trở về và toàn bộ hàng hóa họ mang theo đều bị mất.[7]

Tiếp tục nỗ lực thiết lập quan hệ với chính quyền Đàng Trong, năm 1617, Richard Cocks lại cử Edmond Sayer và William Adams đến Faifo. Ngày 23/3/1617, sứ đoàn bắt đầu cuộc hành trình đi đến Cochinchina trên thương thuyền "*Gift of God*" cùng với các hàng hóa xa xỉ phẩm và một số mặt hàng đến từ nước Anh như vải khổ rộng, hổ phách và kính mắt với tổng trọng lượng là 1.896 taels (*lượng*)[8]. Những sản phẩm này vốn là hàng tồn kho của EIC tại Hirado. Do đó, thay vì để chúng thối rữa trong kho ở Hirado, EIC dự kiến sẽ bán chúng ở Hội An để giảm tổn thất cho Công ty và tìm thị trường khác cho hàng hóa của Anh. Riêng Adams cũng mang theo một số sản phẩm như đồng, rượu sake (*đồ uống của Nhật Bản*), mawatta (*tơ tằm của Nhật Bản*), áo giáp, giáo, diêm sinh, sa thạch, vải sọc, mũi tên, cỏ xanh, súng cầm tay và kiếm dài[9]. Ngày 03/5/1617, phái đoàn đã tiếp kiến chúa Nguyễn và mang theo những món quà tặng ra mắt gồm vải khổ rộng, vải Ấn Độ, một số kim loại, hàng xa xỉ và da động vật đến từ Nga[10]. Trong cuộc tiếp kiến lần này, EIC đã nhận được lời hứa của chúa Nguyễn về một nền thương mại không giới hạn và phi thuế quan. Tuy nhiên, sứ đoàn dường như không thu được bất kỳ lợi nhuận nào từ việc bán các hàng hoá mang theo và riêng đối với

[5] Nguyễn Tiến Lực (2003), Việt Nam trong lịch sử quan hệ thương mại Nhật Bản - Đông Nam Á, *Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á,* Số 4/46, tr. 16-25.

[6] Li Tana (1998), *Nguyễn Cochinchina - Southern Vietnam in the Seventeenth and Eighteenth Centuries*, New York: Cornell University Press, tr.75.

[7] Tran Ngoc Dung *(2021), Anglo - Vietnamese diplomatic relationship in the seventeenth century: the case of the English East India Company,* International Journal of Asian Studies, tr.4.

[8] Tran Ngoc Dung (2021)*, tài liệu đã dẫn*, tr.4.

[9] Tran Ngoc Dung (2019), *Learning to trade: the English East India company in Tonkin and Cochin-China in the seventeenth century*, A thesis submitted to the University of Birmingham for the Degree of Doctor of Philosophy, University of Birmingham, tr.79.

[10] Tran Ngoc Dung (2019), *tài liệu đã dẫn*, tr.80.

cá nhân Adams, ông đã bị thất thu ít nhất 800 taels (*lượng*) tiền đầu tư[11]. Sau chuyến đi này, EIC đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng khi tiến hành bán Châu Ấn trạng (*Shuinjo*)[12] cho Li Tan. Sau đó, Li Tan đem bán giấy phép này cho các thương nhân Nhật Bản. Vụ việc trên đã được báo cáo lại cho chính quyền Mạc phủ. Vì vậy, thương điếm Anh ở Hirado đã không thể được cấp phép đến buôn bán tại Hội An theo hệ thống Châu Ấn thuyền những năm sau đó. Mãi đến tháng 4/1621, ngay trước khi EIC quyết định ngừng hoạt động tại Hirado, Richard Cock vẫn có nỗ lực để kết nối với Hội An.[13]

Do tác động của nhiều yếu tố khác nhau, trong vòng hơn 70 năm sau đó, EIC không có bất kỳ động thái nào thể hiện mong muốn duy trì hoạt động thương mại thường xuyên với Đàng Trong (*nói chung*) và Hội An (*nói riêng*). Phải đến những năm cuối cùng của thế kỷ XVII, nhận thấy tiềm năng của thị trường Đàng Trong cho mặt hàng tơ lụa và sự cần thiết thành lập một thương điếm đóng vai trò trung gian trong mạng lưới thương mại Đông Á thì EIC mới thúc đẩy trở lại quan hệ với chính quyền chúa Nguyễn.

Ngày 18/8/1695, Thomas Bowyear (*đại diện của EIC*) trên chiếc tàu Delphin đã đến Cù Lao Chàm: "*Ngày 18 vào buổi sáng, chúng tôi thả neo độ 46 sải nước sâu, phía đông các hòn đảo Champello và cách ba dặm*"[14]. Trong lần tiếp xúc này, Thomas Bowyear đã mang theo bức thư của N. Higginson - Trưởng đại diện của EIC tại khu vực Duyên hải Coromandel, Vịnh Bengal, Sumatra và Biển Đông, và một số tặng vật theo đúng nghi thức ngoại giao[15]. Bức thư này nhân danh công ty xin được phép bán những hàng hóa do tàu Delphin chở đến và mua những sản phẩm bản địa. Trong thư, N. Higginson khẳng định rằng người Anh đến không phải vì mục tiêu xâm chiếm thuộc địa mà chỉ đơn thuần là tìm cách thiết lập mối quan hệ thương mại và mang lại lợi ích cho quốc gia nơi họ đến.[16]

Với cá nhân Thomas Bowyear, ông được EIC giao trách nhiệm tìm hiểu khả năng thiết lập một thương điếm của EIC tại Đàng Trong (*Hội An*) kèm theo các đặc quyền mà công ty yêu cầu. Vì không hiểu rõ những điều kiện buôn bán và sản vật ở Đàng Trong, N. Higginson muốn ông xin nhà vua cấp cho một danh mục các loại hàng, số lượng cùng giá cả các loại hàng hóa đã mua và bán. Nếu được chứng tỏ rằng việc buôn bán có thể trở nên thuận lợi thì họ sẽ thành lập một thương điếm, miễn là nhà vua thuận ý ban cho những đặc quyền mà Công ty đã được hưởng ở các nước khác, tức là:

- Nhượng cho một khoảnh đất để xây dựng thương điếm.

[11] Li Tana (1998), *tài liệu đã dẫn*, tr.75.
[12] Một số nguồn tư liệu dịch là Phụng thư tức là văn bản mà Phụng hành (*Buygyo*) cấp cho thuyền buôn từ Nhật Bản ra nước ngoài theo chủ trương của Shogun.
[13] Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2005), *tài liệu đã dẫn*, tr.63.
[14] BAVH (2001), *Những người bạn cố đô Huế, tập VII (1920)*, Nxb Thuận hóa, Huế, tr.238.
[15] Tran Ngoc Dung *(2021), tài liệu đã dẫn*, tr.13.
[16] Tran Ngoc Dung (2019), *tài liệu đã dẫn*, tr.240.

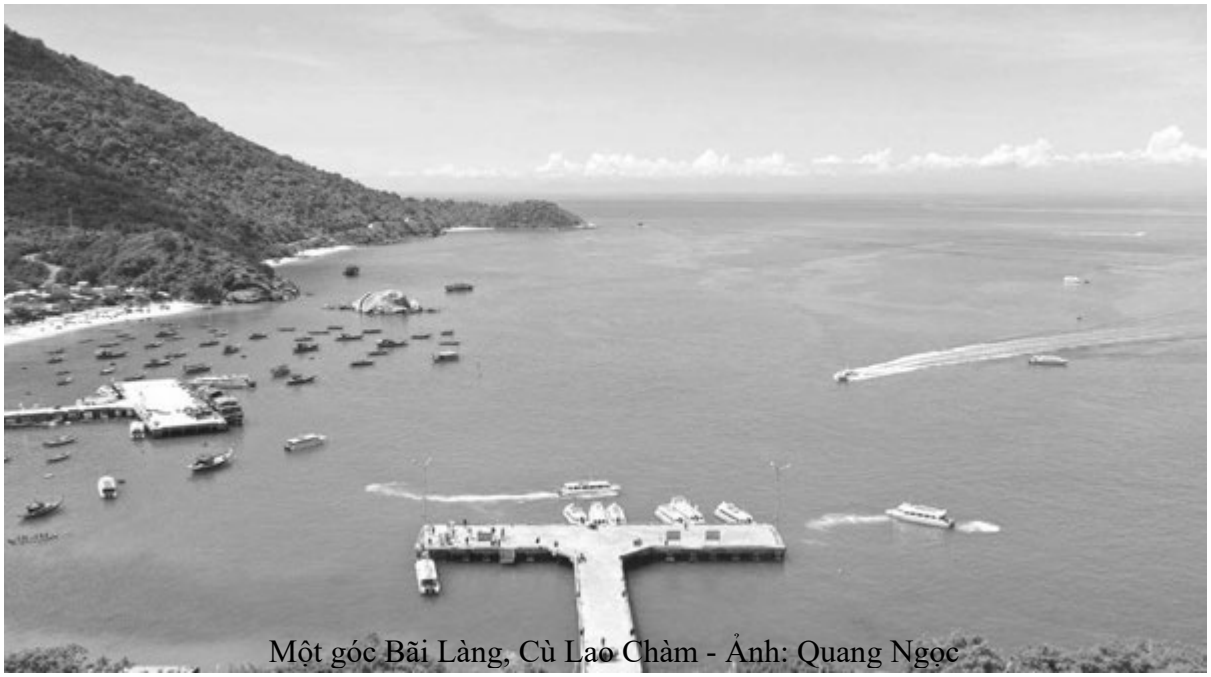
Một góc Bãi Làng, Cù Lao Chàm - Ảnh: Quang Ngọc

- Trưởng thương điếm được quyền xét xử mọi trường hợp liên quan tới người Anh và những trường hợp liên quan tới những mắc míu giữa người Anh và người bản xứ.

- Trưởng thương điếm được quyền xử phạt những người làm tạp dịch và hầu hạ (*trả theo mức lương thông thương trong nước*) khi họ mắc lỗi.

- Được quyền tự do nhập, xuất khẩu hàng hóa mà không phải chịu thuế hải quan.

- Nhượng cho một khoảnh đất trên bờ một con sông hoặc một hòn đảo, có thể xây dựng một bến cảng mới có thể đóng tàu hay sửa chữa tàu.

- Những tàu bè bị dạt vào bờ biển sẽ không bị tịch thu; đoàn thủy thủ cùng hàng hóa phải được người bản xứ tham gia cứu hộ và sẽ được trao cho thương điếm.

- Quyền được chuyển vận miễn thuế những hàng hóa đem vào thương điếm, hoặc từ thương điếm mang ra, và đối với nhân viên thương điếm, họ được quyền đi lại mà không bị bạo hành.[17]

Những chỉ thị riêng của Hội đồng Madras trao cho Bowyear chứa đựng những lời căn dặn thuộc loại khác: ông phải điều tra về các tên và tước vị của nhà vua, hoàng gia, những quan chức chính...; về cách thức cai trị và nhất là những điều có liên quan đến việc buôn bán với người nước ngoài; các quy định về thuế hải quan, tình hình quan hệ (*chiến hoặc hòa*) của Đàng Trong với Đàng Ngoài, Xiêm và Cao Miên; về khả năng đặt liên hệ buôn bán với Nhật Bản, về tầm quan trọng của số vốn đầu tư thương mại; số lượng tàu bè hàng năm, các loại hàng hóa; giá cả các loại hàng hóa sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu; về nền thương mại của người Hà Lan đã có hoặc đang có ở Đàng Trong và thái độ của nhà vua đối với họ; sau hết là lời căn dặn cuối cùng: "*Ông không có nhiệm vụ*

[17] BAVH (2001), *tài liệu đã dẫn*, tr.235.

hoàn tất một hiệp định với nhà vua, mà chỉ được đề xuất và nhận những lời đề nghị".[18]

Ngay từ ngày 21/8/1695, Bowyear cử người được ủy nhiệm lên bộ. Ngày 22, đích thân viên mại biện này khởi hành đi Hội An. Ông liên hệ với các nhà chức trách địa phương và trao cho họ bức thư gửi đến nhà vua. Tàu được dẫn vào cảng và bỏ neo trước trạm quan thuế. Các viên quan tàu vụ tiến hành mọi thủ tục; khám xét hàng hóa chở trên tàu, bốc lên một khoảnh đất thu thập các mẫu để đệ trình lên triều đình.

Ngày 04/10/1995, ông rời Hội An đến Dinh trấn Thanh Chiêm (*ông gọi là Dinh Claye*) và sau đó là Sinoa (*Huế*). Do nhiều công vụ bận rộn, đến ngày 24/2/1696, Bowyear mới trở lại Hội An. Tuy nhiên, thực tế chờ đợi ông lại khá khắc nghiệt khi một phần hàng hoá (*như Sarasse, Beetela, Mulmul, vài chúc-bâu, gỗ đỏ, lưu huỳnh*) không bán được, phần khác bị hư hại hoàn toàn. Bowyear cố gắng hết sức để thu thập số hàng hóa bị thất thoát. Vào ngày 24/3, sau khi đã chuyển lên tàu tất cả những gì ông thu nhặt được trong số các hàng hóa không bán được, ông tỏ ý muốn lên đường. Nhưng vì nhiều lý do khác nhau và nhất là vì gió mùa đã qua đi, người Anh quyết định ở lại Hội An chờ đợi đợt gió mùa tiếp theo. Bowyear tận dụng thời gian lưu lại Hội An để viết bản báo cáo của mình (*đề ngày 30/4/1696*). Bên cạnh việc thuật lại diễn trình của chuyến đi, Bowyear đã dành khá nhiều dung lượng đề cập về Hội An và hoạt động thương mại của cảng thị này. Theo ông: "*Faifo nằm cách cửa sông khoảng ba dặm. Đây là một con đường phố, dọc theo sông, có hai dãy nhà, khoảng chừng 100 ngôi nhà, của người Trung Hoa, ngoại trừ bốn hoặc năm gia đình người Nhật. Mấy người Nhật này, ngày xưa, là cư dân chính yếu, và là những người làm chủ việc bán buôn tại cảng. Nhưng vì số người giảm đi và họ sa sút, nay việc buôn bán là do người Trung Hoa, với mười cho đến mười hai chiếc thuyền là tối thiểu cứ hàng năm đến đây từ Nhật Bổn, Quảng Đông, Xiêm La, Cao Miên, Mani và gần đây là Batavia*".[19]

Trong bản báo cáo, Bowyear đã gửi kèm "*Thư của vua Đàng Trong gửi cho Nathaniel Higginson*". Lá thư này được viết ra bằng những lời lẽ ân cần bày tỏ mọi việc đều được thu xếp rất tốt đẹp và cho phép hy vọng mở ra một tương lai cho quan hệ thương mại giữa hai bên. Thế nhưng, hoặc vì những lời đảm bảo không tỏ ra đủ sức thuyết phục đối với công ty Đông Ấn Anh, hoặc những kết quả từ chuyến đi của tàu Delphin không được tốt như mong đợi nên mọi ý tưởng liên kết thương mại đều không được thực hiện.

Mãi thời kỳ sau này, năm 1777 công ty Anh lại cử Chapman đến điều tra và tiếp theo năm 1793, Barrow cũng đến Đàng Trong. Nhưng thời gian này diễn ra cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn và Nguyễn - Tây Sơn nên việc buôn bán ở Hội An không có kết quả. Thực tế thương mại biển của Anh ở Hội An tuy có nhưng rất hạn chế, gián đoạn, gặp nhiều trở ngại và sớm chấm dứt◈

[18] Charles B. Maybon (2016), *Những người châu Âu ở nước An Nam*, Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb Thế giới, Tp. Hồ Chí Minh, tr.50.

[19] BAVH (2001), *tài liệu đã dẫn*, tr.250.

TRÀ VÀ VIỆC BUÔN TRÀ Ở HỘI AN, QUẢNG NAM TRONG LỊCH SỬ

CN. Nguyễn Văn Thịnh

Trong lịch sử, Quảng Nam từng là trung tâm kinh tế lớn của khu vực với thương cảng Hội An là cửa ngõ xuất khẩu, trung chuyển hàng hoá lớn bậc nhất của xứ Đàng Trong. Theo nhiều nguồn tư liệu, vào thời kỳ phát triển phồn thịnh, nhiều mặt hàng đã được đưa đến Hội An để tiêu thụ, buôn bán, trong đó có nhiều loại danh trà nổi tiếng được đưa từ Trung Quốc, Nhật Bản và nhiều địa phương trong tỉnh và trong cả nước như Hải Phòng, Nam Định, Hà Nội… Mặc dù Quảng Nam không phải là xứ sản xuất trà lớn của Việt Nam, song trong quá khứ, trà là sản vật quan trọng, mang lại nguồn lợi kinh tế cao. Với mong muốn nhận diện, làm rõ hơn giá trị, thương hiệu trà Quảng Nam, đồng thời khẳng định truyền thống, tập quán sử dụng trà cũng như việc buôn bán trà ở Hội An, Quảng Nam, bài viết sẽ góp phần tìm hiểu vấn đề này.

Cách đây hơn 400 năm, người Việt ở Đàng Trong đã biết đến việc uống trà, điều này đã được Cristoforo Borri ghi chép lại trong khoảng thời gian 5 năm (*1618-1622*) lưu trú tại vùng đất Quảng Nam, Quy Nhơn: "*Ban ngày họ có thói quen uống một loại nước rất nóng nấu từ rễ của một loại thảo mộc là chià [trà], tên này cũng được dùng cho đồ uống ấy. Nước trà rất bổ, giúp dạ dày bài tiết tốt và tiêu hoá dễ dàng*"[1]. Borri còn cho biết: "*Người Nhật và người Trung Quốc cũng uống trà, nhưng ở Trung Quốc, thay vì dùng rễ cây thì người ta nấu lá trà, và ở Nhật thì người ta dùng một loại bột từ trà. Tác dụng của các thành phần đó không khác gì nhau, và người ta đều dùng một chữ chià cả*".[2]

Sách *Vân đài loại ngữ* của học giả Lê Quý Đôn biên soạn năm 1773, trong mục Phẩm vật (*300 điều*), đã trích dẫn sách *Trà Kinh* của Lục Vũ đời Đường, ghi chép về trà (*chè*) như sau: "*Điều 127: Sách Trà Kinh nói:* "*Chè là một loại cây quý ở phương Nam, cây như cây qua lô, lá như lá chi tử (dành dành), hoa như hoa tường vi trắng, quả như quả tinh biền lư, nhị như nhị đinh hương, vị rất hàn*".[3]

Về thú uống trà, Phạm Đình Hổ (*1768-1839*) trong *Vũ trung tuỳ bút* ghi chép như sau: "*Thị hiếu của người ta cũng hơi giống người Trung Hoa. Ta sinh trưởng đương lúc thịnh đời đời Cảnh Hưng, trong nước vô sự, các nhà*

[1] Cristoforo Borri (Bản dịch năm 2019), *Xứ Đàng Trong*, Thanh Thư dịch, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.92.

[2] Trà biết đến khá muộn ở Châu Âu. Marco-Polo đã không nhắc tới trà. Thương nhân Bồ Đào Nha thường lui tới các hải cảng Trung Quốc cũng chỉ mới nói đến trà. Đầu thế kỷ XVII, người Hà Lan ở Bantam đã có thói quen uống trà. Người Anh chỉ biết tới trà năm 1615, do một nhân viên của Công ty Đông Ấn ở Firando (Nhật Bản) gửi cho bạn mình ở Macao là thư kèm với "một hộp chaw thượng thạng". Có lẽ cha Borri đã biết thức uống gọi là trà ở Đàng Trong. Cristoforo Borri, *Xứ Đàng Trong*, Bản dịch đã dẫn, tr.92-93.

[3] Lê Quý Đôn (bản dịch 2006), *Vân đại loại ngữ*, Nxb Văn hóa Thông tin, tr.409.

quý tộc, các bậc công hầu, các con em nhà quý thích đều đua chuộng xa xỉ, có khi mua một bộ ấm chén, phí tổn đến vài mươi lạng bạc. Thường có nhiều người đến chơi các hiệu chè, thăm dò các phố buôn, vác tiền hết quan ấy chục khác để mua chè ngon. Lúc ngồi rỗi, pha chè uống với nhau… Kẻ thì ưa thanh hương, người thì thích hậu vị, kén hiệu trỏ tên, mua cho được chè ngon, bày khay chén ra nếm thử".[4]

Dưới thời kỳ chúa Nguyễn, nhiều loại danh trà nổi tiếng từ Trung Quốc và Nhật Bản được đưa đến Hội An, Đàng Trong tiêu thụ, buôn bán. Trong cuốn *Hồi ký về xứ Cochinchine*, Pierre Poivre cho biết: "*Về mặt này, người dân Cochinchine không giàu và cũng không phải là những tay buôn thành thạo. Cho đến nay, họ chỉ buôn bán với người Trung Hoa và người Nhật Bản. Họ tạm thoả mãn với những mặt hàng do người Trung Quốc mang đến: đồng đỏ, đồng bạch, trà, đồ sứ, lụa thêu, dược liệu các loại như cây đại hoàng (rhubarbe), mộc hương (aristoloche), nhân sâm hoàng liên (chélidoine), các loại hương liệu và rễ cây không kể xiết mà lái buôn Trung Hoa đã tìm thấy ở xứ Cochinchine một nơi tiêu thụ lý tưởng…*".[5]

Hóa đơn Trà - Ảnh: Quốc Hưng

Từ một loại thức uống dân gian, trà dần trở thành phẩm vật quan trọng và được triều đình nhà Nguyễn quy định cụ thể trong việc khai thác và sử dụng trong các nghi lễ hoàng triều. Theo *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*, hằng năm, các lễ Chánh đán, Mồng hai và Mồng ba, Đoan dương, Tam nguyên mỗi lễ cúng vàng bạc, hương đèn, trầm trà, cau trầu rượu

[4] Phạm Đình Hổ (bản dịch năm 1960), *Vũ trung tuỳ bút*, Nxb Văn hoá, tr.40.

[5] Tạp chí Kiến thức Ngày nay số 41/1990, *Hồi ký về xứ Cochinchine của Pierre Poivre năm 1744*, GS. Nguyễn Phan Quang trích dịch và giới thiệu, tr.8.

như trên (*chiếu theo lễ cáo vào ngày kỵ*), chỉ ở lễ Chánh đán, Đoan dương mỗi lễ tăng thêm 1 mâm quả phẩm và 1 mâm hào soạn giá 5 quan tiền.[6]

Về việc khai thác trà, triều đình nhà Nguyễn cho Quảng Nam cùng một số tỉnh lập và mộ thêm dân binh cho các đội Thượng trà: "*Năm Tự Đức thứ 25 (1872), các đội Thượng trà ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam và Quảng Ngãi được phép chiêu mộ thêm dân binh, theo đó một khoản trong Phiến trình được chuẩn: Việc mộ binh ở các đội Thượng Trà, Võ Bị, Tư Pháo, thiết nghĩ cho phép các tỉnh thuộc về Tứ trực của phủ Thừa Thiên là Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, hạt nào giản binh đã đủ số mới cho mộ, hạn trong 3 tháng mộ đủ thì thôi*".[7]

Đặc biệt, dưới triều vua Minh Mạng, trong các chuyến tuần du Quảng Nam, vua đều chuẩn y cho mang theo đội Thượng trà: "*Năm thứ 6 (1825) nghị, được chuẩn: lần này ngự giá đi Quảng Nam, phàm đài đệ phẩm vật của vua dùng, và hành trạng các nha: Thượng trà, Thượng thiện, phòng văn thư, Nội giám, Nội vụ, Vũ khố, Thái y viện, hoàng tử, các tước công…*"[8]

Năm thứ 18 (*1837*) nghị, được chuẩn: "*lần này vua đi địa phương Quảng Nam, hoàng tử tước công, thân công đi theo đều cho được cấp 4 tên phu trạm; hoàng tử đã ra ở phủ riêng, đều cấp 3 tên; hoàng tử còn ở trong cung, đều cấp 2 tên; viện Thượng trà, 12 tên; viện Thái y, 4 tên; Nội các, 4 tên; 6 bộ và phủ Nội vụ, đều cấp 2 tên phu trạm; và viện Cơ mật, Đô sát, Vũ khố công việc hơi bận nên chiểu lệ 6 Bộ, đều cấp mỗi nha 2 tên, cho đủ người đài đệ*".[9]

Trà đã trở thành sản vật quan trọng đối với nhiều địa phương của Quảng Nam, dựa vào việc trồng và tiêu thụ trà, người dân đã thu về nguồn lợi lớn. Cùng với nhiều mặt hàng khác, trà được người Hoa ở Hội An thu mua, tập kết và vận chuyển từ vùng thượng nguồn xuống thương cảng Hội An để cung ứng nhu cầu sử dụng của người dân địa phương và xuất khẩu đi các nơi[10]. Camille Paris trong *Du ký Trung Kỳ theo đường cái quan* đã ghi chép lại hoạt động thương mại người Hoa như sau: "*Hội An là một đô thị rộng lớn và cổ xưa bị người Trung Hoa thâu tóm thương mại. Họ điều hành buôn bán trong xứ thông qua những thương nhân chu du khắp nơi thu mua hoa màu tại chỗ và tận dụng lúc thanh toán để giới thiệu cho dân bản địa những hàng hoá họ mang theo...*".[11]

---

[6] Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch năm 2007), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *tập 5*, Nxb Khoa học Xã hội, tr.141.

[7] Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch năm 2009), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *tập 7*, Nxb Khoa học Xã hội, tr.22.

[8] Nội các triều Nguyễn (bản dịch Viện Sử học năm 2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *tập V*, Nxb Thuận Hóa, tr.655

[9] Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *tập V*, Bản dịch đã dẫn, tr.656.

[10] Năm 1862, 81 thùng trà Việt được xuất khẩu qua cảng Sài Gòn. Trong bảng thống kê danh sách 38 món hàng hoá xuất khẩu từ năm 1859 đến 1865, trà là vật phẩm xếp mục thứ 19. Năm 1899 137 kg chè Việt Nam có nguồn gốc từ Quảng Nam được bán tại Pháp. Chè Nụ Việt lần đầu tiên "*trình làng*" ở triển lãm quốc tế Paris năm 1900 và được khách hàng chào đón nồng nhiệt. Theo *Kinh doanh trà trong lịch sử* trích từ sách *Văn Minh Trà Việt* của Trịnh Quang Dũng, Nxb Phụ nữ, năm 2012 (*tamtraviet.vn/van-hoa-tra-viet/kinh-doanh-tra-trong-lich-su.html*).

[11] Camille Paris (bản dịch năm 2021), *Du ký Trung Kỳ theo đường cái quan*, Nguyễn Thuý Yên dịch, Nxb Hồng Đức, tr.113-114.

Trình diễn pha Trà - Ảnh: Phước Tịnh

Trong lịch sử, cũng không ít lần việc tiêu thụ trà bị ảnh hưởng do hoạt động thương mại của người Hoa. Theo *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép, năm Khải Định thứ 5 (*1920*), tháng 10 ngày 21, vua coi triều. Thượng thư bộ Lại kiêm bộ Hộ Nguyễn Hữu Bài tâu nói "*Khánh Hoà bị bão, nhà bị tốc mái rất nhiều, Thanh Hoá cũng bị lụt lớn...*". Vua nói "*Quảng Nam thế nào?*". Nguyễn Hữu Bài tâu nói "*Quảng Nam chỉ có Tiên Phước đói lớn, duyên do là vì hạt ấy trước nay chỉ dựa vào mối lợi của trà và quế. Nay những sản vật ấy không bán được, không có gì tư cấp nên như thế*".[12]

Năm Khải Định thứ 6 (*1921*), tháng 3, huyện Tiên Phước Quảng Nam sau khi mất mùa đói kém dân vẫn chưa yên. Có một hương sư tới kinh điều trần xin tạm đình hương học để giảm phí tổn cho giáo viên, Cơ mật viện vẫn để mặc. Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Hân vào triều nhân thuật lại, vua nói "*Sao lại tạm đình!*", kế nói "*Hạt ấy trước đây đã được chẩn cấp cả chục ngàn đồng, tại sao đến nay vẫn còn kêu ca?*". Thượng thư bộ Lại kiêm bộ Hộ Nguyễn Hữu Bài tâu nói "*Hôm trước người ấy nói với thần về việc điều trần, thần đã hiểu dụ nói Tiên Phước trước nay chạy theo cái lợi trên ngọn, không trồng khoai lúa mà trồng trà quế, mấy năm trà quế không bán được, không có gì ăn*".[13]

Bên cạnh việc thu mua trà từ thượng nguồn của khu vực Quảng Nam, người Hoa ở Hội An còn mua bán, nhập các loại danh trà như thiết Quan Âm, ô

[12] Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch năm 2012), *Đại Nam thực lục chính biên Đệ thất kỷ*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, tr.305.

[13] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên Đệ thất kỷ*, Bản dịch đã dẫn, tr.319.

long, phổ nhĩ, trà tim sen, an cốt trà (*trà liệm*)... cùng với các loại trà cụ như ấm, chén, khay từ nhiều địa phương như Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định... Hiệu buôn Diệp Đồng Nguyên thường mua trà từ các tiệm Quảng Sanh ở Hải Phòng, hay tiệm Vinh Mậu ở Hà Nội, Nam Định, tiệm An Thái ở Hải Phòng với nhiều loại trà phổ biến như liên tâm trà (*trà tim sen*), thiết quan âm... Đặc biệt, trong số bảng kê phẩm vật của xã Minh Hương Hội An cho thấy trà là một trong những lễ vật được triều đình cũng như các Bộ giao cho địa phương mua sắm để phục vụ nhu dụng. Trong bảng kê có ghi chép vào năm 1747 xã Minh Hương Hội An, bên cạnh việc sắm các loại giấy, đèn,... địa phương còn tiến cống lễ vạn thọ của nhà vua là 12 lạng trà ngon.[14]

Tập san Kinh tế Đông Dương (*Bulletin Économique de l'Indochine*), từng đưa ra thống kê trên đất Quảng Nam năm 1913 hiện diện 10 đồn điền của người Pháp, tổng diện tích 3.403ha, trồng chè, lúa, tiêu... Trong đó, Công ty Chè Lombard et Cie chiếm 500ha ở vùng Tùng Sơn, An Ngãi (*Hoà Vang*), đồn điền chè Dela Geau chiếm 420ha ở Đức Phú (*Tam Kỳ*)[15]. Ở Hội An, không chỉ diễn ra hoạt động thu mua, buôn bán trà, những năm 1930, 1931 còn có xưởng sao chế chè đó là xưởng chè De Robe (*gần ngã tư Phan Châu Trinh - Nguyễn Huệ hiện nay*). Đặc biệt, để đảm bảo hoạt động thương mại cũng như trưng bày, quảng cáo các mặt hàng nông nghiệp và thương nghiệp nói chung của Quảng Nam và vùng Tourane (*Đà Nẵng*), bên cạnh chợ cố định, người Pháp đã tổ chức các cuộc chợ phiên tại Hội An vào các năm 1935, 1936, 1937, 1939. Các mặt hàng trưng bày tại chợ phiên rất đa dạng, phong phú, gồm nhiều mặt hàng lâm thổ sản, hải sản, đồ thủ công mỹ nghệ, đồ gia dụng, kỹ thuật... Trong đó, các sản vật trưng bày như trà, hạt tiêu, sáp, quế, bông, mật ong, đậu bắp, khoai, sắn, mè, mía,... có nguồn gốc từ phủ Duy Xuyên, Thăng Bình, Điện Bàn, huyện Hoà Vang, Tiên Phước, Quế Sơn.[16]

Trong quá khứ cũng như hiện nay, trà được người dân Hội An, Quảng Nam sử dụng làm thức uống thường ngày và sử dụng trong các nghi lễ cưới hỏi, lễ mừng thọ, cúng gia tiên, hay lễ tế chư thần, Phật và làm quà tặng… Ngoài ra, trong văn hoá Phật giáo ở Hội An, Quảng Nam cũng như trong dân gian, trà còn được sử dụng trong nghi lễ, tập tục tẩm liệm người quá cố.

Quảng Nam là vùng đất đa dạng, phong phú về sản vật, trong đó trà là loại thổ sản có giá trị cao và được nhiều địa phương trồng, khai thác và tiêu thụ. Các thương nhân, đặc biệt là người Hoa ở Hội An điều hành buôn bán, hoạt động thu mua trà ở miền thượng nguồn Quảng Nam và nhiều địa phương trong cả nước. Trà không chỉ trở thành mặt hàng quan trọng trong mạng lưới thương mại nội vùng, liên vùng mà còn được xuất khẩu ra nước ngoài, từ đó góp phần tạo nên bức tranh thương mại sôi động ở Hội An, Quảng Nam trong lịch sử◈

[14] Tống Quốc Hưng, Trà - chè trong văn hóa Hội An, *Đặc san Văn hóa Hội An xuân Quý Mão-2023*, tr.126.

[15] Nguyễn Điện Nam, Trăng sáng vườn chè, *Văn hoá Quảng Nam - Ấn phẩm chuyên đề báo Quảng Nam số 12-tháng 2/2023*, tr.4.

[16] Tham khảo thêm Trần Phương, Sản vật - thổ sản Quảng Nam qua các cuộc chợ phiên Hội An thời kỳ thuộc Pháp, *Kỷ yếu Hội thảo Hương liệu, thổ sản Hội An, Quảng Nam*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, năm 2022.

LÀNG THANH CHÂU

ThS. Nguyễn Chí Trung

Làng Thanh Châu, nay phần lớn diện tích, dân cư là xã Cẩm Thanh, thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam[1]. Nằm cách phía Đông của trung tâm Hội An khoảng 4km, tiếp giáp với cửa biển - Cửa Đại, cách về phía Tây Nam của cụm đảo Cù Lao Chàm 17km.

Thanh Châu xưa - Cẩm Thanh ngày nay - Thật hiếm có một làng quê nào mà sắc cảnh, hệ sinh thái đa dạng, phong phú, hiền hòa, quyến rũ như nơi đây. Đó là một làng quê nằm về hướng Đông Nam của thành phố Hội An. Làng quê vệ tinh gắn bó, hợp thành quần thể Đô thị thương cảng Hội An trong lịch sử và Khu di sản văn hóa thế giới, Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An hôm nay. Đến Cẩm Thanh ta sẽ cảm nhận như đang được đi vào tham quan một bảo tàng Sinh thái - nhân học, nghĩa là nơi thiên nhiên và cảnh sống của con người vượt qua bao sự khắc nghiệt vẫn luôn hòa quyện, sống thanh bình, êm ái, cùng sinh tồn và phát triển.

Từ góc nhìn sinh thái, Cẩm Thanh với diện tích gần 900 ha mà diện tích mặt nước chiếm đến non nửa (*348,69 ha*). Bốn bề nơi đây là sông, Bắc giáp phường Cửa Đại bởi sông Ba Chươm, Tây giáp phường Cẩm Châu bởi sông Cổ Cò, Nam giáp xã Duy Xuyên bởi hạ lưu sông Thu Bồn, Đông giáp Cửa Đại. Sông Đình và sông Đò nối sông Thu Bồn và sông Ba Chươm theo hướng Tây Nam chia cắt Cẩm Thanh thành nhiều mảnh nhỏ tạo nên hệ thống kênh rạch chằng chịt, với nhiều cồn/gò rất nên thơ như: Thuận Tình (*Cồn Kiện*), Cồn Ông Hơi, Cồn Tiến, Cồn Ba Xã, Gò Hí, Gò Già… Hệ thống sông rạch ở đây chỗ rộng chỗ hẹp, nơi cạn nơi sâu, quanh co uốn lượn qua các cánh đồng, bãi bồi, xóm làng. Ôm sát hai bên bờ là dừa nước mọc thành rừng quanh năm xanh tốt, vừa tạo nên phong cảnh hữu tình, nên thơ, nhưng trông cũng thật hiểm trở và khí phách oai nghiêm khi tham gia cùng con người trong những năm tháng bám trụ, giữ làng, giữ đất chống xâm lăng. Do nằm sát cửa biển - Cửa Đại, lại là vùng hội lưu của 3 nguồn sông lớn của xứ Quảng (*Thu Bồn, Vu/Ô Gia, Chiên Đàn/Trường Giang*) và Sông Cổ Cò/Để Võng/Lộ Cảnh Giang nên nơi đây có vùng sinh thái khá đặc biệt - Đó là vùng ngập mặn cửa sông ven biển,… với các hệ sinh thái điển hình của vùng nhiệt đới như rừng ngập mặn và cỏ biển. Quan trọng nhất là các dãy cây dừa nước, dọc bờ kênh rạch, một sinh cảnh rất đặc biệt ở Hội An, miền Trung Việt Nam, chúng ta chỉ có thể tìm gặp sinh cảnh này ở miền Tây Nam bộ. Trên các cồn gò và các vực nước chung quanh các dãy dừa nước từ

[1] Làng Thanh Châu xưa, ngoài phần lớn diện tích nay thuộc xã Cẩm Thanh, còn bao gồm cả Cẩm An (*trừ Cồn Động*), Cửa Đại và Tân Hiệp hiện nay.

Một góc sông Đò - Ảnh: Hồng Việt

vùng triều thấp trở xuống còn có hệ sinh thái cỏ biển (*seagrass ecosystem*) một hệ sinh thái đặc thù trong vùng đất ngập nước, chỉ có ở vùng nhiệt đới và ôn đới ấm, với những loài thực vật bậc cao, quanh năm sống chìm trong môi trường nước luôn có dòng chảy, sóng gió, bởi nhờ hệ thống thân ngầm vùi sâu trong trầm tích. Hệ sinh thái nhiệt đới điển hình này đã được chứng minh là quan trọng đối với môi trường trong vai trò điều hoà khí hậu, chống xói lở, gia tăng trầm tích, kết chặt trầm tích và hoạt động như một máy lọc sinh học, nâng cao chất lượng môi trường và duy trì cân bằng sinh thái. Đó là chưa kể lá và mùn bã hữu cơ do chúng tạo ra là nguồn thức ăn không thể thiếu cho các loài hải sản về phương diện sinh vật, các hệ sinh thái này có sự đa dạng sinh học rất cao, là nơi cư trú, sinh sống của nhiều loài động vật biển có giá trị, nhất là các loại tôm, cua, ghẹ và động vật thân mềm. Các thảm cỏ biển là nơi sinh sống và bắt mồi, ẩn nấp của ấu thể nhiều loại hải sản và các loài cá như cá mú, cá dìa. Có thể nói, kênh rạch và các dãy dừa nước xanh cùng hệ sinh thái nơi đây đã tạo ra một phần vẻ quyến rũ đối với du khách khi tham quan vùng đất này.

Thanh Châu từ xa xưa đã là cửa ngõ tiền tiêu quan trọng của người Chàm trước khi tiến sâu vào đất liền, hay nói một cách khác từ biển Đông vào cửa Đại Chiêm (*Đại Chiêm tấn*) trước hết phải qua mảnh đất Thanh Châu rồi ngược theo dòng sông tiến vào các trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị nằm sâu trong đất liền[2]. Qua nhiều nguồn tư liệu cho biết, nguyên xưa kia vùng đất này - Làng Thanh Châu thuộc đất Chiêm Động của Chiêm Thành.

[2] Lâm ấp Phố, Kinh đô Trà Kiệu... của người Chàm hay Hội An Phố, dinh/ trấn Thanh Chiêm (*dinh Quảng Nam*) của người Việt.

Một góc rừng dừa Bảy Mẫu - Ảnh: Hồng Việt

Thời Hồ (*1402*), Hồ Hán Thương đã đích thân đem đại quân đánh Chiêm, vua Chiêm là Ba Đích Lại đã phải dâng đất Chiêm Động, Cổ Lũy. Vùng đất thuộc Amavati, hết sức quan trọng đối với Vương quốc Champa, nơi đây có kinh đô Trà Kiệu xưa - Simhapura; Khu đền tháp Mỹ Sơn - Srisanabhadresvara nơi thờ tự Thần; Phật viện Đồng Dương - Laksmindra - Lokaessvara thờ Phật - Vua; Và vùng Hội An có Lâm Ấp phố - phố của người Lâm Ấp/Champa và Đại Chiêm hải khẩu - Cửa Đại Chiêm - Cửa biển lớn, quan trọng bậc nhất của người Chăm. Nhà Hồ đã tiếp nhận, chia thành 4 châu: Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa và lệnh di dân đến đây lập nghiệp. Như vậy lúc này làng Thanh Châu là phần đất thuộc phủ Thăng Hoa, trấn/dinh Quảng Nam.

Đến thời thuộc Minh (*1407-1427*), người Chàm chiếm lại đất này. Thời Lê Sơ, năm 1471 - Vua Lê Thánh Tông (*niên hiệu Hồng Đức năm thứ 2*) đã mở cuộc tấn công quy mô lớn vào đất Chiêm Thành đánh chiếm thành Trà Bàn (*tức là kinh thành Phật Thệ hay Vijaya*), đặt chủ quyền đến tận núi Thạch Bi - Phú Yên ngày nay. Cũng vào năm Hồng Đức thứ 2, vua Lê lấy đất chiếm được, lập thành đạo thứ 13, tức Thừa Tuyên - Quảng Nam đạo (*gồm Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa trước đây nay tái chiếm lại và phân đất mới chiếm*), tổ chức di dân, lập quan cai trị và cho thiết lập bản đồ nhà nước Đại Việt cương giới phía Nam đến tận núi Thạch Bi. Theo dòng lịch sử đó, cư dân Đại Việt đã xuất hiện ở mảnh đất này ngay từ thế kỷ XV. Điều này được khẳng định qua tấm bia mộ tổ và gia phả của tộc Trần Văn ngày nay ghi như sau: Tạm dịch: "*ông Lý, tức Trần Văn Lý viết: vào khoảng năm Hồng Đức - Lê Thánh Tông, ông đem theo vợ con tòng quân đánh Chiêm. Có công, ông lưu lại ở vùng ven biển. Ông tụ tập nhân dân, tìm nơi phù sa bồi đắp, lập làng lấy tên là Võng Nhi, sợ sau này con cháu không biết ông bà tổ tiên nên mới viết lời này để lưu về sau. Cảnh Thống nguyên niên, năm Mậu Ngọ (1498), ngày 10 tháng Giêng*". Như vậy, có thể nói, tên gọi làng Võng Nhi chắc là tên gọi đầu tiên của làng xã người Việt trên mảnh đất này.

Đến cuối thế kỷ XVI đầu XVII, việc vào Nam tiếp nhận của Gia Dũ Hoàng Đế, Nguyễn Hoàng (*Chúa Tiên*), với tư tưởng "*Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân*" đã dẫn đến sự di dân khá ồ ạt của người Bắc vào Nam trong đó có mảnh đất Võng Nhi này. Sự gia tăng về dân số, đó là nguyên nhân cơ bản cho làng Thanh Châu rộng lớn ra đời thay

Miếu tổ nghề yến ở Cẩm Thanh - Ảnh: Quang Ngọc

thế cho làng Võng Nhi. Nhất là từ sau năm 1602: Sau khi Nguyễn Hoàng nhận chức trấn thủ Thuận Hóa (*năm 1558*) rồi kiêm lãnh trấn thủ Quảng Nam (*năm 1570*), thì lúc này (*năm 1602*) Chúa Tiên (*Nguyễn Hoàng*) quyết định đặt Dinh Trấn Quảng Nam, đánh dấu một mốc thời gian quan trọng đối với lịch sử di dân xuống phía Nam của dân tộc Đại Việt, đồng thời mở ra thời kỳ vận hội thăng hoa của cả xứ Quảng - Đàng Trong của lịch sử Việt Nam, trong đó có sự phát triển mạnh mẽ của làng Thanh Châu. Ở đây, kinh tế nông nghiệp không chiếm phần chủ đạo trong nền kinh tế của cả làng. Để phù hợp với những hoạt động trong lĩnh vực làm ăn, cư dân Thanh Châu đã tiến hành khai thác các nguồn sông biển, gắn bó với sông nước để đảm bảo nguồn sống của con người hay chăn nuôi mà còn đảm bảo nguồn lợi chủ yếu, thường xuyên trong sinh hoạt hàng ngày. Vì thế, nghề đánh cá đã trở thành nghề thu nhập lớn thứ hai sau nông nghiệp. Bên cạnh đó, để đáp ứng cho cuộc sống ngày càng cao, họ sẵn sàng làm tất cả những gì có thể làm được trên môi trường sống sẵn có mà thiên nhiên đã ưu đãi. Cho nên trước đây khi mà thương cảng Hội An phồn thịnh, cư dân Thanh Châu còn chọn nghề đi ghe bầu chở hàng hóa đi khắp nơi. Đặc biệt, nghề khai thác yến sào đã đóng góp một phần không nhỏ cho cuộc sống người dân ở đây, giúp tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu giá trị cho Hội An - Đàng Trong - Việt Nam. Và thực tế, yến sào đã trở thành nguồn hàng xuất khẩu có giá trị nổi tiếng trên thương trường quốc tế.

Thời các chúa Nguyễn đến đầu triều Nguyễn làng Thanh Châu thuộc Võng Nhi, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn của dinh Quảng Nam. Đến thời kỳ cuối triều Nguyễn, Thanh Châu được nâng thành tổng Thanh Châu, thuộc huyện Hoà Vang (*Hoà Vinh*), phủ Điện Bàn, Quảng Nam trấn hay tỉnh của nước Đại Nam. Đến cuối thế kỷ XIX, dân cư ngày càng đông đúc, phát triển, làng Thanh Châu ngày càng được khai phá, mở rộng, diện tích và dân cư gốc Thanh

Châu được gọi là làng Thanh Đông, và phát triển thêm các làng mới dân cư cơ bản là gốc người làng Thanh Châu đến khai cơ lập nghiệp đó là làng Thanh Tây và làng Thanh Nam. Đến đầu thế kỷ XX làng Thanh Đông lại tách ra thành Thanh Đông, Thanh Nhứt, Thanh Nhì, Thanh Tam. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (*1946-1954*), xã Thanh Châu lúc đầu được đặt là khu Sáu (*Thanh Hiệp*), sau là khu Đông, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam. Từ sau 1954, các làng Thanh Đông, Thanh Nhứt, Thanh Nhì, Thanh Tam lập thành xã Cẩm Thanh, thuộc quận Hiếu Nhơn, tỉnh Quảng Nam. Các làng Thanh Tây, Thanh Nam thuộc về xã Cẩm Châu. Từ sau năm 1975 đến nay, xã Cẩm Thanh thuộc thị xã/thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Trên làng gốc Thanh Châu xưa, Cẩm Thanh ngày nay, nhìn từ góc độ lịch sử - văn hóa - nhân văn, tuy đã phải trải qua nhiều năm tháng chiến tranh tàn phá ác liệt của cả 2 thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, nhưng chúng ta vẫn dễ dàng nhận biết được nơi đây quả là vùng đất có bề dày, giàu truyền thống lịch sử văn hóa - nhân văn. Thông qua hơn 36 di tích, dấu tích gồm các loại hình khảo cổ, lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được xếp hạng, đưa vào danh mục (*Quốc gia, tỉnh, thành phố*), ở đây chúng ta có thể bắt gặp được những dấu tích của cư dân thời Tiền - Sơ sử (*thuộc phức hệ nền văn hóa Sa Huỳnh cách ngày nay hơn 2000 năm*); rồi di tích của cư dân Champa trong các di tích khảo cổ, giếng cổ hay những địa danh như Lăng/Lùm Bà, Bầu Đà, Trà Quân, Đồng Giá, Câu Dắp… có niên đại từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ XV. Trong giai đoạn những lưu dân Đại Việt từ phía Bắc hành tiến vào phương Nam lập nghiệp thì ngôi mộ Tổ tộc Trần ở Bầu Đà ngày nay được

Du khách tham quan làng quê sinh thái Cẩm Thanh - Ảnh: Hồng Việt

lập vào năm 1498, là di tích liên quan đến cư dân Đại Việt có niên đại sớm nhất ở Hội An (*cho đến nay được biết*). Nơi đây còn có ngôi mộ tổ Tộc Lê ở thôn Thanh Đông, lưu dấu một vị hoàng thân của triều Hậu Lê (*hậu duệ của Vua Lê Lợi*), do bị thất thế đã theo dòng người di dân vào đây lưu sống, lập nghiệp, góp phần khai hoang lập làng Thanh Châu. Dân làng Thanh Châu xưa (*tức tên gọi Cẩm Thanh ngày nay*) dựa vào sự ưu đãi của thiên nhiên đã sớm biết khai thác đánh bắt thủy hải sản trên sông, biển lập làng chài kết hợp với làm ruộng nước, ruộng khô, chăn nuôi gia súc và trồng trọt rau màu để Thanh Châu trở nên một vùng quê nổi tiếng trù phú một thời trên vùng đất thương cảng quốc tế Faifo - Hội An. Ngoài ra còn rất nổi tiếng với nghề buôn ghe bầu và một nghề khá đặc biệt khác đó là nghề khai thác yến sào. Trai làng nơi đây xưa kia luôn được các Chúa Nguyễn và các vua triều Nguyễn trọng dụng, bổ sung vào những đội lính Trường Sa, Hoàng Sa chuyên khai thác tài nguyên trên biển Đông. Và do là nơi có vị trí hiểm yếu về quân sự, kinh tế nên từ thời các Chúa Nguyễn đến các triều đại phong kiến sau này dân làng Thanh Châu còn được giao nhiệm vụ cảnh giới tàu thuyền đi lại, ra vào vùng biển Cửa Đại - Hội An. Nhiều căn cứ thủy quân, bến tàu được thành lập tại đây, nhiều tướng lĩnh người Thanh Châu được giữ trọng trách và ghi công lớn trong quân đội của các triều đại phong kiến. Phải chăng, cũng bởi vai trò của vùng đất và người dân nơi đây mà vua Quang Trung đã chọn người con gái tộc Trần (*bà Trần Thị Quỵ*) làng Thanh Châu làm Thứ phi, đồng thời bà cũng là cháu, con, em của các vị tướng trong một gia đình họ Trần (*Thanh Châu*) có công lớn trong việc phò vua Quang Trung khởi nghiệp, lên ngôi hoàng đế và có cả các vị tướng giúp vua Gia Long dựng nghiệp. Rồi đến Hồ Văn Hòa, giúp vua Gia Long dựng lại cơ nghiệp triều Nguyễn, sau được giao trọng trách tiếp tục phát triển nghề khai thác yến sào ở cả 3 tỉnh Quảng Nam, Bình Định và Khánh Hòa. Đặc biệt, trong giai đoạn chống Pháp, chống Mỹ xâm lược, thống nhất tổ quốc, Cẩm Thanh từng là vùng căn cứ địa cách mạng của thị xã Hội An, và tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Cẩm Thanh là địa phương sớm nhất ở Hội An, Quảng Nam được nhà nước phong tặng danh hiệu "*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*" bởi có những đóng góp vô cùng to lớn cho sự nghiệp cách mạng, với hơn 90% gia đình có công cách mạng và là địa phương có nhiều cá nhân nhất ở Hội An được nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Hơn nữa nơi đây, là một trong những cái nôi, đồng thời góp phần làm phong phú cho di sản văn hóa phi vật thể ở Hội An còn được bảo tồn khá sinh động với nhiều hình thức lễ nghi, lễ hội, phong tục tập quán, văn hóa ẩm thực, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian,... khá độc đáo và hấp dẫn của một vùng quê ven sông, cận biển ở miền Trung, Việt Nam◈

Tài liệu tham khảo:

1. Địa bạ xã Thanh Châu, Tư liệu lưu trữ tại Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An.

2. Viện Viễn Đông bác cổ, *Quảng Nam xã chí*, Tư liệu lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

MẮT CỬA Ở HỘI AN

CN. Trần Văn An

Mắt cửa xuất hiện ở các nhà phố Hội An với tần suất cao. Hầu như trước đây, ngôi nhà phố nào cũng có mắt cửa, vì thế có thể xem đây là một chi tiết kiến trúc có giá trị tiêu biểu, đặc trưng.

Mắt cửa làm cho những ngôi nhà phố Hội An sinh động hẳn lên, tạo cho ngôi nhà một dáng vẻ đặc biệt, cổ kính và linh thiêng. Mắt là bộ phận, yếu tố được cư dân phương Đông xem trọng, cho đó là nơi hội tụ, nơi tập trung sức sống cũng như năng lực của mọi đối tượng, nhất là năng lực tinh thần. Do vậy, ở khu vực phương Đông, người ta thường lưu truyền truyền thuyết về hiện tượng "*khai quang điểm nhãn*" gắn với ý nghĩa truyền cho đối tượng sự sống như thật. Trải qua quá trình phát triển lâu dài, qua nhiều lần chuyển hóa, đến nay hình thành cách hiểu gắn với màu sắc linh thiêng, huyền bí: "*Thứ nhất đòn đông, thứ nhì mắt cửa*". Dân gian cho rằng, cũng như mắt ghe, mắt cửa là vật trấn giữ cửa không cho những yếu tố có hại xâm nhập vào trong nhà, là biểu tượng của thần cửa, là đôi mắt mở ra quan sát thế giới nhằm cảm nhận, phân biệt kẻ lành người dữ để chọn thế ứng xử thích hợp. Mắt cửa còn là vật thể hiện ngôi nhà đã có chủ, có người canh gác, do đó những lực lượng xấu (*ma quỷ, thủy quái...*) hãy xem chừng. Do quan niệm này nên người ta đã đưa vào giữa mắt cửa các hình thức bùa yểm như bát quái, lưỡng nghi... Hoặc có khi, mắt cửa là vật thể hiện ước mơ của dân gian về trường thọ, phước - lộc với biểu hiện đưa các chữ Hán: Phước - Thọ vào mắt cửa. Có khi, giữa mắt cửa là đóa hoa, thường là hoa sen, hoa cúc, những biểu tượng tinh thần của Phật giáo, Lão giáo. Cư dân Trung Hoa lại giải thích rằng, đó là biểu tượng của hai thần giữ cửa là Thần đồ và Uất Lũy, là biểu tượng của bát quái gắn với màu sắc Đạo giáo...

Sự không thống nhất về quan niệm dẫn đến không thống nhất về hình thức biểu hiện, điều này chứng tỏ sự phong phú trong quan hệ giao lưu văn hóa xoay quanh mắt cửa. Văn hóa Trung Hoa, văn hóa Nhật Bản, văn hóa một số nước khác liên quan đến mắt và mắt cửa đã gia nhập vào địa phương, được cư dân địa phương tiếp thu theo cảm quan và tinh thần của mình. Quá trình này diễn ra khá lâu dài, do vậy, đến nay khó xác định đâu là nguyên gốc, đâu là biến dạng, đâu là "*cái địa phương*" đâu là "*cái bên ngoài*". Tất cả đã có sự hòa nhập và chuyển hóa để làm thành một cái mới, mang tính địa phương.

Để tiếp cận phần nào bản chất của hiện tượng mắt cửa, chúng tôi đi vào tìm hiểu một số vấn đề sau:

- *Vị trí xuất hiện:* Vị trí xuất hiện phổ biến của mắt cửa là ở mặt tiền nhà ngoài (*nếp 1*) trên khung cửa chính, chia khung cửa thành 3 phần đều nhau, hoặc có chênh lệch chút ít nhưng không đáng

Mắt cửa di tích Chùa Cầu - Ảnh: Hồng Việt

kể. Đôi khi mắt cửa còn xuất hiện ở cổng ra vào phía sau nhà, ở cửa hông nếu nhà có tường xây xung quanh và có cổng. Một số ít nhà, ở mặt tiền nhà trong (*nếp 2*) hoặc khung cửa trên gác cũng có mắt cửa.

- *Về cấu tạo:* Mắt cửa gồm 2 chiếc, mỗi chiếc có 2 bộ phận: 1) Một chốt gỗ to, đầu loe rộng theo nhiều hình dạng khác nhau giữa có thanh dài đục từ mảnh gỗ gắn liền với loe. Phần đuôi thanh gỗ được đục lỗ mộng để cài chốt dọc. 2) Một chốt nhỏ gọi là chốt dọc để cài bên trong.

- *Về chức năng kiến trúc:* Mắt cửa có chức năng liên kết bổ cửa và đố cửa. Các nhà phố, ở mặt tiền, cửa ra vào thường là loại cửa "*song khai*". Loại cửa song khai[1] này, ở khung trên phải có bổ và đố[2] để cài cánh cửa vào (*phía dưới đã có bệ, thường bằng đá đục lổ mộng*). Đố cửa là một thanh gỗ dài, tiết diện lớn, hai đầu có đục lỗ mộng để gò 2 chốt trên cánh cửa vào, không cho chúng rời ra. Liên kết giữa đố cửa và bổ cửa, người ta dùng mắt cửa như cái chốt gỗ, một đầu loe ra và có một chốt xuôi để chặn lại phía trong, khi cần thiết có thể tháo chốt cửa, gỡ bổ cửa để lấy cánh cửa ra. Đến thăm nhà thờ chư phái tộc ở Trà Kiệu (*Duy Sơn, huyện Duy Xuyên*) chúng tôi gặp loại cửa song khai với 2 chốt loe ra này. Phần loe là một đoạn gỗ, trang trí đơn giản. Do tính chất trên, về sau, khi cửa có bản lề thay thế cửa song khai, mắt cửa cũng theo đó mà mất đi. Hoặc giả, một vài nhà còn dùng loại cửa song khai nhưng thay thế mắt cửa bằng những chốt sắt lớn đóng xuyên qua gỗ. Có thể nói rằng, mắt cửa là chi tiết kiến trúc gắn

[1] Loại cửa có 2 cánh bằng ván lớn, không có bản lề, mỗi cánh có chốt ở trên và dưới để gắn vào lỗ đục sẵn ở bệ cửa và bổ cửa.

[2] Dùng theo cách gọi dân gian.

liền với cửa song khai. Ở địa phương, loại mắt cửa xuất hiện bên ngoài cửa song khai chúng tôi chỉ tìm thấy ở nhà 101 (*mặt tiền nhà trong*) và ở các Hội quán, chủ yếu là được đắp lên khung cửa bằng xi măng. Niên đại xuất hiện của nó, vì thế có hơi muộn.

Về sự chuyển hóa từ chốt cửa đến mắt cửa, ý kiến sau đây rất đáng lưu ý:

"*Thực ra thì cái then kia mới cần thiết vì nó dùng để gò đố cửa vào bổ cửa và con mắt cửa chỉ đóng vai trò một* "*con đầu tán*" *to loe ra mà thôi. Nhưng có lẽ để tăng phần diêm dúa cho mặt nhà nên lâu dần người ta chạm trổ nó cho dễ coi, thậm chí còn gắn cho nó một ý nghĩa quan trọng chỉ kém đòn đông một bậc mà thôi*"[3].

Ở đây, chúng ta thấy rằng, yêu cầu của cư dân địa phương về việc kết hợp giữa công năng và thẩm mỹ là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện mắt cửa. Bên cạnh đó phải kể đến nguyên nhân tín ngưỡng và giao lưu văn hóa giữa các thành phần cư dân tại Hội An, đặc biệt là với cư dân từ các vùng Nam Trung Hoa. Nếu không có tín ngưỡng cộng với cảm quan thẩm mỹ của dân gian và điều kiện giao lưu rộng thì cái chốt cửa kia vẫn giữ nguyên dạng ban đầu như trường hợp một số địa phương khác. Đây cũng là nguyên nhân lý giải vì sao mắt cửa chỉ xuất hiện ở Hội An mà không xuất hiện ở các nơi khác trong không gian xứ Quảng, cho dù một số nơi cũng có loại cửa song khai.

- *Về kiểu dáng:* Xác định bởi 3 yếu tố: hình dáng, kích thước, cách trang trí trên mắt cửa.

- *Hình dáng:* Hình tròn, lục giác, bát giác, tròn chạm múi khế, vuông.

- *Kích thước:* Dày từ 4 - 6cm. Đường kính dao động từ 15 đến 23cm. Cá biệt có loại dày 2cm, đường kính 6 cm (1/50).[4]

- *Cách trang trí:* Gồm 2 phần: 1 - phần tâm, ở giữa, chạm nổi hoặc chạm chìm, tạo dáng nhiều hình thức khác nhau (*bát quái, lưỡng nghi, hoa cúc, hoa sen, chữ Hán, vòng tròn phẳng (mặt trời)?, đầu hổ, nụ hoa (?)…*). 2 - Phần viền, phần ngoài: tạo thành các hình bao xung quanh tâm, giống như các cánh hoa bao quanh nhụy. Có các hình thức như: lá đề (*8 hoặc 6 lá*) ngũ phúc (*5 con dơi*), hoa dây, hồi văn, lưỡng long tranh châu,... Có loại không có phần ngoài, phần trong mở rộng đến mép gỗ, bên ngoài chỉ chạy đường viền nhỏ xung quanh. Loại này xuất hiện rất ít (*5/50*). Dạng mắt cửa có phần ngoài xoáy lá đề, dân gian phân biệt trái phải bằng quy định: tính từ ngoài vào, mắt bên trái lá đề ở tư thế xoáy ra (*cùng chiều kim đồng hồ*), mắt bên phải xoáy ngược lại. Điều này gắn với quan niệm về sự chuyển hóa âm - dương.

Căn cứ vào kết quả khảo sát, bước đầu chúng tôi tạm lập bảng phân biệt các dạng mắt cửa ở Hội An như sau:

Các loại mắt cửa ở Hội An

TT	***Loại mắt cửa***	***Số lượng***
01	Xoáy lá đề, loại 8 lá, xung quanh chạm thành 16 múi, giữa hình lưỡng nghi (*chìm hoặc nổi*)	14

[3] Nguyễn Bạt Tụy, Những ngôi nhà xưa ở Quảng Nam, Văn hóa nguyệt san, Sài Gòn, xuất bản tháng 5 năm 1962, tr.339.

[4] Con số thống kê từ 50 mắt cửa chúng tôi đã tập hợp được.

02	Xoáy lá đề, 8 lá, 16 múi, giữa hình tròn phẳng	06
03	Xoáy lá đề, 8 lá, 16 múi, giữa hoa cúc	03
04	Xoáy lá đề, 8 lá, 16 múi, giữa hình nụ hoa	04
05	Xoáy lá đề, 8 lá, 16 múi, giữa hình bát quái	01
06	Xoáy lá đề, 6 lá, 12 múi, giữa lưỡng nghi (*nổi hoặc chìm*)	08
07	Xoáy lá đề, 6 lá, 12 múi, giữa hình tròn phẳng	01
08	Xoáy lá đề, 6 lá, 12 múi, giữa hình bát quái rõ nét	01
09	Xoáy lá đề, 6 lá, 12 múi, giữa lưỡng nghi có cánh hoa bao quanh	01
10	Hình tròn, xung quanh 5 con dơi bao quanh, giữa chữ thọ	01
11	Hình lục giác, giữa bát quái, xung quanh 5 con dơi	01
12	Hình vuông giữa chữ triện	02
13	Hình tròn, tiết diện nhỏ, không trang trí xung quanh, giữa chữ Thọ	01
14	Hình tròn, bát quái mở rộng hết tiết diện	01
15	Xung quanh hoa dây, giữa lưỡng nghi	01
16	Xung quanh hình lưỡng long tranh châu, giữa lưỡng nghi	01
17	Hình bát giác, xung quanh hồi văn giữa hình nụ hoa	01
18	Hình bát giác, bát quái mở rộng hết tiết diện	01
19	Hình đầu hổ mở rộng hết tiết diện	01
	Tổng cộng	**50**

Một số kiểu trang trí mắt cửa trong các ngôi nhà gỗ Hội An

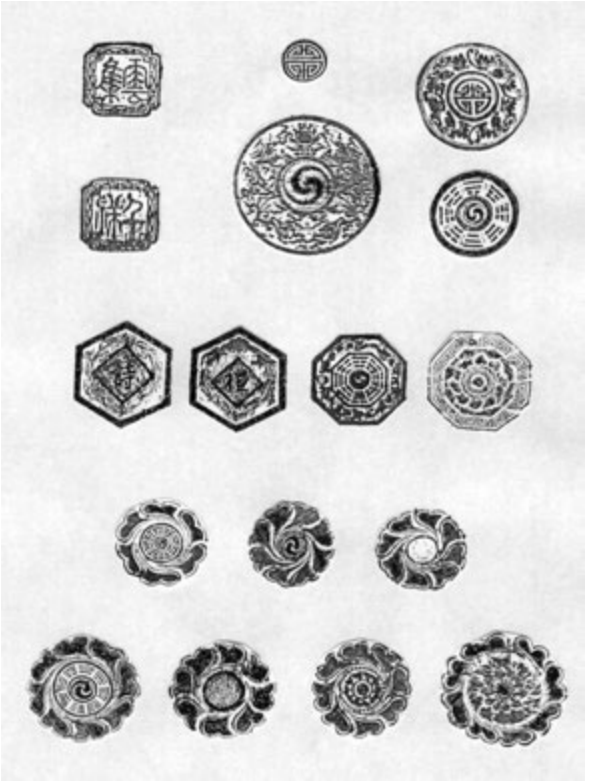

NHỮNG BỨC HOÀNH PHI CỦA BỐ CHÁNH SỨ NGUYỄN TƯỜNG VĨNH Ở HỘI AN, QUẢNG NAM

ThS. Phạm Phước Tịnh

Với sự ưu đãi về điều kiện tự nhiên và chính sách mở cửa của các chúa Nguyễn, vào thời kỳ Trung đại, Hội An trở thành một thương cảng quốc tế sầm uất của xứ Đàng Trong, Việt Nam và của cả khu vực, thế giới. Trải qua những biến thiên lịch sử, ngày nay Hội An còn lưu giữ được một hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể rất đa dạng và phong phú, cả về nội dung và loại hình, trong đó có nhiều di tích ở Hội An còn đang lưu giữ dấu tích, bút tích của các nhân vật lịch sử như của chúa Nguyễn Phúc Chu, Đặng Huy Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Tường Vĩnh,… trên các hoành phi, câu đối, văn bia.

Với những khảo sát thực địa, đồng thời đối chiếu tư liệu sưu tầm được, trong bài viết này chúng tôi giới thiệu những bức hoành phi của Bố chánh sứ Nguyễn Tường Vĩnh ở Hội An, Quảng Nam.

1. Vài nét về Nguyễn Tường Vĩnh

Tộc Nguyễn Tường là dòng tộc nổi tiếng ở Hội An, với nhiều người đỗ đạt, làm quan cao trong triều đình nhà Nguyễn như Nguyễn Tường Vân, Nguyễn Tường Vĩnh và Nguyễn Tường Phổ. Gia phả tộc Nguyễn Tường cho biết, dòng tộc này nguyên là Nguyễn Như, về sau đổi thành Nguyễn Văn, gốc ở xã Phúc Điền, tổng Hạ Bản, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa. Đến đời ông Nguyễn Văn Vân theo Nguyễn Ánh (*sau này là vua Gia Long*) có công trong sự nghiệp phục dựng lại nhà Nguyễn, ông đã đổi từ Nguyễn Văn sang Nguyễn Tường. Nguyễn Tường Vân làm quan trong triều đình nhà Nguyễn và chuyển gia đình đến sinh sống tại xã Cẩm Phô, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, nay là phường Cẩm Phô, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam[1].

Nguyễn Tường Vĩnh là con trai trưởng của Binh bộ Thượng thư Nguyễn Tường Vân, cuộc đời và sự nghiệp của ông được ghi chép qua các khảo cứu, nghiên cứu như Khoa bảng Quảng Nam dưới thời nhà Nguyễn 1601-1916 của Trương Duy Hy và Phạm Ngô Minh, Quảng Nam đất nước và nhân vật của Nguyễn Q. Thắng, Các nhà Khoa bảng Việt Nam 1075 - 1919 của Ngô Đức Thọ (*chủ biên*), Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn của Phạm Đức Thành Dũng - Vĩnh Cao, Khoa bảng Trung Bộ và Nam Bộ qua tài liệu mộc bản triều Nguyễn của Trung tâm lưu trữ quốc gia IV,… Đặc biệt, là những tư liệu viết về Nguyễn Tường Vĩnh hiện được lưu trữ tại dòng họ Nguyễn Tường ở Hội An như gia phả, hành thuật, văn bằng,...

[1] Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2016), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 2 - Tư liệu lưu trữ của dòng họ Nguyễn Tường*, tr.5.

Bức hoành "*Thùy giáo vạn thế*" - Ảnh: Trần Phương

Theo hành thuật về ông cho biết, Nguyễn Tường Vĩnh tự là Tử Tu, hiệu Cẩm Giang. Năm Minh Mạng thứ 16 (*1835*), ông được bổ làm ấm sinh trường Quốc tử giám. Năm thứ 18 (*1837*), ông thi đỗ cử nhân thứ 2 khoa Đinh Dậu. Kỳ thi hội khoa Mậu Tuất đỗ Phó bảng thứ nhất. Năm thứ 19 (*1838*), ông được bổ Kiểm thảo. Năm thứ 20 (*1839*), ông được bổ làm Tư vụ phủ Tôn nhân. Năm thứ 21 (*1840*), ông làm Chủ sự phủ này, sung làm giảng tập cho hoàng tử.

Đời vua Thiệu Trị năm đầu bổ sung lên Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ. Năm thứ 4 (*1844*), bổ Hồng lô tự khanh, sung làm Toản tu ở Sử quán. Năm thứ 5 (*1845*), lấy làm Thị độc làm Tham biện ở Nội các, rồi bổ Án sát tỉnh Khánh Hòa.

Năm Tự Đức thứ 2 (*1849*) thăng làm Bố chánh tỉnh Vĩnh Long. Mùa đông năm Tự Đức thứ 3 (*1850*), ông từ chức Bố chánh Vĩnh Long được ân đổi bổ làm chức Tả Thị lang Bộ Lại. Năm thứ 7 (*1854*) đổi bổ Tuần vũ Định Tường. Năm Tự Đức thứ 13 (*1860*), ông qua đời trong lúc làm quan[2].

Ông tính tình hiền lành, không tranh giành hơn thiệt với người, cũng ít thấy vẻ vui sướng hay tức giận ai, đời sống yên tĩnh, giản dị sâu sắc. Cho nên, ông chọn người hết lòng với công việc, có năng lực và tận tụy với nhân dân.

Với bản tính hiền từ, tốt đẹp, lương thiện nên ông được con cháu trong gia đình hiếu thuận, cung kính, yêu thương. Được triều đình và nhân dân yêu mến, được bổ nhận các chức vụ quan trọng dưới thời vua Thiệu Trị và Tự Đức.

Sau khi ông mất, mọi người đều bày tỏ sự thương tiếc, trong điếu văn về ông do các quan văn võ trong tỉnh soạn có đoạn: "*…Dù thân thể đã mất đi, song tấm gương tỏ sự thương tiếc, trong điếu văn về ông điển hình chẳng bỏ, tỏ rõ đức hạnh, sách*

[2] Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2016), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 2 – Tư liệu lưu trữ của dòng họ Nguyễn Tường*, sđd, tr.42-43.

lược và công lao được khảo cứu hết thảy, định tên thụy để đức độ rực rỡ cùng đất nước, người đời không lời dị nghị. Thân thể đã mất, song tên tuổi vẫn cùng bậc tiên triết mà rạng ngời. Dám mong nâng lấy ngọn cờ hãy tạm dương lên để soi sáng hôm nay. Ôi thôi! Buồn thay!"[3].

2. Những bức hoành của Bố chánh sứ Nguyễn Tường Vĩnh ở làng Cẩm Phô - Hội An

Cẩm Phô là một trong những làng hình thành sớm ở Hội An. Theo "*Ô Châu cận lục*" của tác giả Dương Văn An biên soạn năm 1553 và ấn hành năm 1555, đã ghi chép về địa danh Cẩm Phô như sau: "… *Huyện Điện Bàn, có 66 xã, trong đó có xã Cẩm Phô và Hoài Phố*"[4].

Trong gia phả tộc Huỳnh, hiện còn lưu giữ tại nhà thờ ở Châu Trung, phường Cẩm Nam ngày nay được biết "*dòng dõi Huỳnh môn ở tại quận Giang hạ, sinh từ đất Bắc vào đến làng này. Thời kỳ Nam tiến Bình Chiêm - triều Lê Hồng Đức, hạ thành Đồ Bàn bắt sống Trà Toàn, tiên tổ chúng ta theo phong trào ấy vào Nam di dân lập nghiệp, đến nơi đây cùng liệt quý vị tôn hiển các tộc phái xưng là Đông phái tộc, khai lập xã hiệu lấy tên là làng Cẩm Phô. Long phi Giáp Dần*[5] *niên*"[6]. Căn cứ vào hai nguồn thông tin trên, có thể thấy quá trình hình thành làng Cẩm Phô diễn ra từ cuối thế kỷ XV trên mảnh đất Hội An và phát triển qua các giai đoạn sau này.

Hiện nay, Cẩm Phô là một trong những phường của thành phố Hội An còn bảo tồn những giá trị lịch sử - văn hóa (*vật thể và phi vật thể*) đặc sắc, nổi bật là di sản tư liệu của dòng họ Nguyễn Tường để lại, trong đó có 2 bức hoành phi do Nguyễn Tường Vĩnh phụng cúng cho làng Cẩm Phô lúc ông đang giữ chức Bố chánh sứ tỉnh Vĩnh Long vào năm Tự Đức thứ 3.

2.1. Bức hoành phi "Cẩm Phô Đình - 錦 鋪 亭"

Bức hoành phi hiện đang được lưu giữ tại đình Cẩm Phô. Do trải qua thời gian bị tác động bởi nhiều yếu tố, bức hoành đã bị hư hỏng, mối mọt xâm hại, tuy nhiên các hoa văn trang trí, chữ viết trên hoành phi vẫn còn tương đối rõ để nhận diện.

Bức hoành được sơn son thếp vàng, ở giữa chạm khắc nổi 3 chữ Hán: 鋪 錦 亭(*Phiên âm: Cẩm Phô đình*), dòng lạc khoản năm lập đã bị mất, chỉ còn lạc khoản về khắc tên người cúng, cụ thể như sau: 永 隆 布 政 使 阮 奉 供 (*Phiên âm: Vĩnh Long Bố chánh sứ Nguyễn phụng cúng*).

2.2. Bức hoành phi "Thùy giáo vạn thế - 垂 教 萬 世"

Bức hoành phi hiện đang được treo tại Văn thánh miếu Cẩm Phô. Bức hoành còn tương đối nguyên vẹn, các hoa văn trang trí, chữ viết không bị hư hại.

Bức hoành được sơn son thếp vàng, ở giữa chạm khắc nổi 4 chữ Hán: 垂 教 萬 世 (*Phiên âm: Thùy giáo vạn thế*).

---

[3] Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2016), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 2 - Tư liệu lưu trữ của dòng họ Nguyễn Tường*, sđd, tr.230.

[4] Dương Văn An (bản dịch, 2009), *Ô châu cận lục*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, hiệu đính và chú giải, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr.39.

[5] Vua Lê Thánh Tông có niên hiệu là Hồng Đức (*1460-1497*), căn cứ vào thông tin trên thì năm Giáp Dần vào thời vua Lê Thánh Tông trị vì là 1494, hoặc muộn hơn là vào năm 1554 dưới thời vua Lê Trung Tông, niên hiệu Thuận Bình (*1549-1556*).

[6] Nguyễn Chí Trung (2019), *Cư dân Faifo Hội An trong lịch sử*, Nxb Đà Nẵng, tr.66-67.

Dòng lạc khoản: 嗣[7] 德叁年孟夏上沅, 永隆布政使阮奉供 (*Phiên âm: Tự Đức tam niên mạnh hạ thượng hoán, Vĩnh Long Bố chánh sứ Nguyễn phụng cúng*).

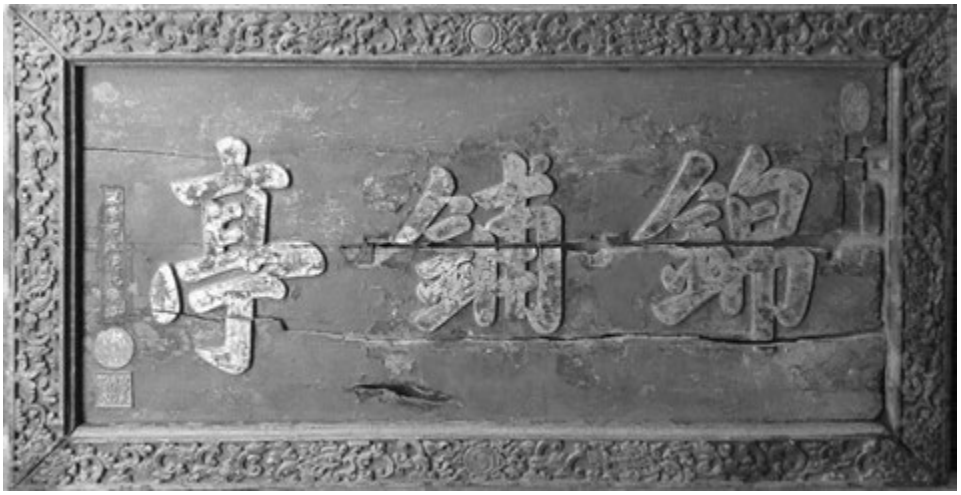

Bức hoành "*Cẩm Phô đình*" - Ảnh: Hồng Việt

Ngoài ra, tại Văn thánh miếu có bức hoành ghi: 文聖廟 (Phiên âm: *Văn Thánh miếu*), lạc khoản: 保大五年庚午孟冬, 翰林院檢討阮祥龍拜進 (Phiên âm: *Bảo Đại ngũ niên Canh Ngọ mạnh đông*, *Hàn lâm viện kiểm thảo Nguyễn Tường Long bái tiến*). Nguyễn Tường Long (*bút danh là Hoàng Đạo thuộc nhóm Tự Lực Văn Đoàn) thuộc con cháu của dòng họ Nguyễn Tường* hiến cúng vào năm 1929.

3. Giá trị của các bức hoành phi

3.1. Giá trị lịch sử - văn hóa

Sự tồn tại của 2 bức hoành phi này tại Hội An là một nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu về dòng họ Nguyễn Tường ở Hội An nói riêng và lịch sử - văn hóa Hội An nói chung. Ngoài ra, những dòng lạc khoản tại 2 bức hoành phi chứa đựng nhiều nội dung quan trọng về lịch sử - văn hóa, liên quan đến dấu tích, bút tích của các nhân vật lịch sử tại các làng xã ở Hội An, mà cụ thể ở đây là Nguyễn Tường Vĩnh, lúc ông giữ chức Bố chánh sứ tỉnh Vĩnh Long vào năm Tự Đức thứ 3 (*1850*).

Đình Cẩm Phô và Văn thánh miếu Cẩm Phô là 2 thiết chế văn hóa quan trọng của làng Cẩm Phô thời bấy giờ. Việc Nguyễn Tường Vĩnh đã để lại dấu tích của ông tại làng Cẩm Phô - nơi gia tộc của ông sinh sống đã thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, dù làm quan ở xa xứ nhưng vẫn nhớ về cội nguồn, quê hương.

3.2. Giá trị nghệ thuật

Qua nội dung và hình thức trang trí của 2 bức hoành phi đã cung cấp những thông tin quan trọng để nghiên cứu nghệ thuật thư pháp thể hiện, hoa văn trang trí, chất liệu, nghệ thuật chạm trổ… trên các bức hoành phi ở Hội An dưới thời nhà Nguyễn, đặc biệt là dưới triều vua Tự Đức.

Có thể nói việc khảo sát, tìm hiểu về dấu tích của Nguyễn Tường Vĩnh ở Hội An nhằm tạo tiền đề, cơ sở để tìm hiểu, nghiên cứu về những nhân vật lịch sử khác có những đóng góp cho Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung dưới thời nhà Nguyễn◈

[7] Bức hoành mới được phục chế lại, tuy nhiên trong quá trình chạm khắc đã bị nhầm chữ "Tự". Chúng tôi mạnh dạn điều chỉnh lại chữ "Tự - 嗣" để đúng niên hiệu của vua Tự Đức.

VĂN CHỈ MINH HƯƠNG Ở HỘI AN

CN. Trần Phương

Vùng đất Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung trong lịch sử vốn nổi tiếng là vùng "*đất học*", là nơi đã sinh ra nhiều bậc khoa bảng, nhân sĩ nổi danh. Qua các tư liệu cho biết trong thời kỳ phong kiến, Hội An có 04 vị đỗ đại khoa, trong đó có 01 Tiến sĩ (*Nguyễn Tường Phổ*), 02 Phó bảng (*Nguyễn Tường Vĩnh, Nguyễn Duy Hiệu*), 09 Cử nhân (*Trần Văn Tú, Nguyễn Văn Điển, Trương Tăng Diễn, Hoàng Kim Côn, Nguyễn Văn Tuyển, Trương Hoài Phác, Huỳnh Toản, Mai Dần, Trương Đồng Hiệp, Nguyễn Tấn Cung, Nguyễn Tự*) và nhiều vị đỗ Tú tài. Với truyền thống học tập và đỗ đạt như vậy mà trên mảnh đất Hội An từ sớm đã có đến 03 Văn Thánh miếu (*Văn chỉ*) để thờ Khổng Tử và các bậc tiên nho (*Tứ phối, Thập triết,…*), tôn vinh sự học theo hệ tư tưởng Nho giáo, đó là Văn Thánh miếu Minh Hương, Văn Thánh miếu Cẩm Phô, Văn Thánh miếu Thanh Hà; và sau này Khổng Tử miếu được xây dựng để làm trung tâm dạy học của cả tỉnh Quảng Nam. Trải qua thời gian cùng biến động của thời cuộc, đến nay các di tích trên vẫn còn hiện diện, chỉ trừ Văn Thánh miếu Thanh Hà đã bị sụp đổ hoàn toàn trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp, Mỹ. Trong nội dung bài viết này, tác giả xin được giới thiệu về Văn chỉ Minh Hương, di tích vừa được UBND tỉnh Quảng Nam xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh tại Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 05/01/2023.

Di tích Văn chỉ Minh Hương (*còn gọi là Văn Thánh miếu Minh Hương*) tọa lạc tại địa chỉ số 20 đường Phan Châu Trinh, phường Minh An, thuộc khu vực I của Bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích cấp quốc gia đặc biệt - Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An.

Về cộng đồng xã Minh Hương ở Hội An, trong bài viết "*Các di tích về Nho học ở Hội An*" của tác giả Nguyễn Chí Trung và Tống Quốc Hưng có nhận định như sau: "*Minh Hương vốn tên là làng/xã của những trung thần, nghĩa sĩ nhà Minh do thất bại trong cuộc "phản Thanh phục Minh" tị nạn sang Hội An - Đàng Trong, được các chúa Nguyễn cho nhập tịch và lập làng/xã. Nhờ chính sách mềm dẻo của triều đình nên họ được hưởng đặc quyền như những người dân bản địa, trong đó có quyền được tham gia thi cử. Lịch sử khoa bảng của làng này khá vang dội, có nhiều người đỗ đạt cao, được triều đình trọng dụng, giao cho giữ các chức vụ quan trọng như Cai phủ tàu, Cai bạ tàu, Binh bộ Chủ sự…*".[1]

Cùng với sự kiện lập nên xã hiệu thì một loạt các công trình tôn giáo, tín

[1] Nguyễn Chí Trung - Tống Quốc Hưng (2011), *Di tích Nho học ở Hội An*, bài viết đăng trên Tạp chí Di sản văn hóa (số 3 (36)).

ngưỡng của người Minh Hương ở Hội An cũng được xây dựng, trong đó có Văn chỉ Minh Hương để thờ Khổng Tử cùng các vị Tiên triết, Tiên hiền, Tiên nho và những vị có học, đỗ đạt cao trong xã. Về con đường khoa hoạn, qua các nguồn tư liệu, có thể kể đến các vị tiêu biểu như: Cử nhân Trương Tăng Diễn thi đỗ khoa Ất Dậu (*1825*), đảm nhận đến chức Tri huyện; Cử nhân Trương Hoài Phác thi đỗ khoa Giáp Tý (*1864*), từng làm Tri phủ Thanh Oai, Lại bộ Chủ sự sung Cơ mật viện; Cử nhân Trương Đồng Hiệp thi đỗ khoa Giáp Ngọ (*1894*), làm chức Giáo thụ, là người nổi tiếng về tài văn chương, các làng/xã tại Hội An thường đến nhờ ông viết nội dung văn bia tại các công trình tín ngưỡng.

Gắn với sự học, khoa cử, trong thời kỳ phong kiến, các làng/xã, địa phương có người học hành, tham gia khoa cử, đỗ đạt thì thường thành lập những hội Tư văn (*xã Minh Hương có lập hội Minh Văn*), xây dựng Văn Thánh miếu, Văn chỉ với công năng là nơi thờ tự Nho học ở làng/xã, là địa điểm để những người có học, yêu sự học tham gia sinh hoạt chữ nghĩa, tiếp nối và phát huy truyền thống hiếu học tại địa phương. Theo nội dung văn bia do Tiến sĩ Đặng Huy Trứ soạn, hiện còn lưu giữ tại di tích Văn Chỉ Minh Hương cho biết xã Minh Hương lúc bấy giờ mặc dù chưa có người đỗ đạt cao (*Tiến sĩ, Cử nhân*) mà chỉ có Tú tài, Văn giai, cũng như làng đang gặp nhiều khó khăn về nhân lực, vật lực nhưng vẫn một lòng mong muốn xây dựng Văn Chỉ để tỏ lòng thành kính Đức Khổng Phu Tử, tôn vinh tinh thần trọng Nho, khuyến dương việc học, tôn vinh các vị học thức có công giúp dân, giúp nước, khuyến khích con cháu trong xã ra sức học tập, đạt được thành tựu, giúp ích cho đời quả thực là một điều đáng trân trọng. Khi xây dựng xong Văn Chỉ, xã Minh Hương đã cử ông Tú tài Trương Hoài Đỉnh (*có bản dịch là Trương Hoài Ban*) ra tận ngoài Bắc xin lời văn của Tiến sĩ Đặng Huy Trứ để khắc lên văn bia xây dựng Văn Chỉ lưu truyền hậu thế; qua đó có thể thấy được người xưa rất coi trọng văn chương, chữ nghĩa.

Về thời gian xây dựng Văn chỉ Minh Hương, theo văn bia được lập năm 1871 do Tiến sĩ Ban biện quân vụ Lạng, Bình, Ninh, Thái, người đã từng đảm nhận chức Bố chánh Quảng Nam (*năm 1864*) Đặng Huy Trứ đề bút đã cho biết Văn chỉ Minh Hương được khởi dựng vào năm 1867 (*năm Đinh Mão*) và hoàn thành vào năm 1868 (*năm Mậu Thìn*). Ngoài văn bia xây dựng miếu năm 1871,

Mặt tiền Văn chỉ Minh Hương - Ảnh: Hồng Việt

tại di tích còn lưu giữ xà cò niên đại Duy Tân thứ 5 (*1911*) ghi lại sự kiện tu bổ miếu và cặp câu đối chữ Hán Nôm niên đại Bảo Đại thứ 12 (*1937*) được đắp trên mặt sau hai trụ cổng. Như vậy, có thể nhận định Văn chỉ Minh Hương tại vị trí hiện nay được khởi dựng vào năm 1867 và hoàn thành vào năm 1868. Tuy nhiên, thông tin trong sách Di sản Hán Nôm tập 3 - Tư liệu xã Minh Hương (*Quyển Tờ truyền, trát văn và trình, bẩm*) do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An thực hiện năm 2017 có nội dung Tờ trình niên đại năm Gia Long thứ 13 (*1814*) của lý hương xã Minh Hương về việc đo đạc đất đai, trong đó có nhắc đến miếu Văn thánh của xã Minh Hương: "*... nay xã chúng tôi chiếu theo châu bộ, nơi nào, xứ nào giáp tiếp đã phiêu chí luôn cả giới hạn của xứ Hương Định (trong ấy dân xã tôi có Vạn Thọ đình, công thổ, có miếu Văn thánh, miếu Ngũ hành)...*". Như vậy, phải chăng trước năm 1814 tại xã Minh Hương đã có miếu Văn Thánh (?).

Theo tài liệu Quảng Nam xã chí điều tra tại Hội An giai đoạn 1943-1944 do Viện Viễn Đông Bác cổ thực hiện cho biết về lễ cúng tế tại Văn chỉ Minh Hương trước đây như sau: "*Văn Thánh ngày Xuân đinh (Xuân phân) (Hoa - quả trầm - trà)*". Hiện nay, tại di tích diễn ra lễ cúng tế 2 lần trong một năm vào ngày 10 tháng 2 âm lịch và ngày 16 tháng Chạp.

Ngôi miếu có mặt tiền xoay về hướng Nam, bố cục tổng thể gồm có tường rào, cổng ngõ, sân trước, bình phong, chính điện, nhà Tây. Hạng mục cổng xây theo kiểu thức tam quan bằng gạch tô trát vữa. Kết cấu của cổng vào gồm có 04 trụ biểu dạng vuông, thân các trụ biểu đắp nổi các câu đối Hán Nôm được trích từ các kinh điển của Nho giáo. Cặp câu đối hai trụ biểu giữa: 明如日月五星書易春秋詩禮 / 鄉而縣州三國聲名文物衣冠 (*Minh như nhật nguyệt ngũ tinh Thư, Dịch, Xuân Thu, Thi Lễ; Hương nhi huyện châu tam quốc Thanh, Danh, Văn vật, Y, Quan*); cặp câu đối hai trụ biểu ngoài: 誰出不由禮者門也 / 有趨而過道若路然 (*Thùy xuất bất do lễ giả môn dã; Hữu xu nhi quá đạo nhược lộ nhiên*). Mặt trong hai trụ biểu lối đi chính đắp nổi cặp câu đối Hán Nôm ghi lại sự kiện trùng tu di tích này vào năm Bảo Đại thứ 12 (*năm 1937*): 保大拾式年叁月囯 / 明鄉社本社仝重脩 (*Bảo Đại thập nhị niên tam nguyệt nhật; Minh Hương xã bổn xã đồng trùng tu*). Trên đỉnh các trụ biểu gắn đồ án hoa sen bằng chất liệu vữa, quét vôi màu đỏ, hoa sen được tạo hình với đường nét mềm mại, uyển chuyển giàu giá trị thẩm mỹ. Lối đi chính giữa rộng hơn hai bên, có bộ cửa gỗ hai cánh kiểu "*thượng song hạ bản*", bên trên xây tường chắn đắp nổi tạo thành bức hoành: 文聖廟 (*Văn Thánh miếu*). Lối đi phụ ở hai bên có bộ cửa gỗ hai cánh kiểu "*thượng song hạ bản*", bên trên xây tường chắn liên kết hai trụ biểu, bề mặt tường đắp dạng ô hộc, bên trên mảng tường trang trí đồ án "*Lý ngư hóa long*" trong tư thế chầu vào nhau. Liên kết với cạnh bên hai trụ biểu ngoài cùng là hạng mục tường rào xây bằng gạch, tô trát vữa.

Toàn bộ nền sân di tích được lát gạch thẻ đất nung dạng hình chữ nhật. Giữa sân là đỉnh hương và song bình (*02*

bình hoa) ở hai bên đỉnh hương. Tổng thể hạng mục này như một bức bình phong án ngữ trước mặt miếu chính. Đỉnh hương và song bình được tạo tác bằng chất liệu vữa. Đỉnh hương có dạng hình khối chữ nhật, rỗng ruột, bên dưới có đế bằng chất liệu đá, 04 chân đỉnh và hai quai trên thành miệng đỉnh hương tạo hình thân trúc. Chính giữa thân mặt trước đỉnh đắp nổi chữ 壽 (*Thọ*) theo thủ bút Triện thư dạng tròn, bên trái đắp nổi hình tượng quẻ Càn (☰), bên phải đắp nổi hình tượng quẻ Khảm (☵). Chính giữa thân mặt trong đỉnh hương cũng đắp nổi chữ 壽 (*Thọ*) như mặt trước, bên phải (*theo hướng từ trong nhìn ra*) đắp nổi hình tượng quẻ Chấn (☳), bên trái đắp nổi hình tượng quẻ Cấn (☶). Mặt bên trái bình phong (*hướng từ trong nhìn ra*): phía trong đắp nổi hình tượng quẻ Đoài (☱), phía ngoài đắp nổi hình tượng quẻ Ly (☲). Mặt bên phải bình phong: phía trong đắp nổi hình tượng quẻ Tốn (☴), phía ngoài đắp nổi hình tượng quẻ Khôn (☷).

Mặt tiền chính điện Văn chỉ Minh Hương - Ảnh: Hồng Việt

Chính điện được xây dựng theo kiểu thức ba gian (*kích thước: dài 13,61m, rộng 9,38m*), có hai nếp kiến trúc, trong đó chỉ gồm một nếp mái và có mái giả để phân chia thành hai không gian chức năng: nếp nhà trước là không gian để hành lễ, tế tự, nếp nhà sau là không gian thờ tự. Kết cấu kiến trúc chính điện chủ yếu bằng gỗ, kiến trúc vì kèo theo kiểu trính chồng trụ đội, mái lợp ngói âm dương với 35 vồng ngói, tường bao xây bằng gạch tô trát vữa, cột gỗ tiết diện tròn, nền lát gạch đất nung hình lục giác. Bờ nóc chính điện được đắp thẳng, hơi cong nhẹ ở hai đầu tạo cong dạng hình thuyền, chia ô hộc trang trí với các đồ án đặc sắc như hoa cúc, "*ô da quy*", hoa mai. Chính giữa bờ nóc trang trí đồ án mặt trời thông qua chiếc đĩa dạng hình tròn bằng chất liệu sứ trắng vẽ men lam đồ án các đóa hoa cúc nở rộ, bao quanh mặt nhật là hình tượng các tua lửa, cụm mây được cách điệu mềm mại bằng chất liệu vữa. Hai cạnh hai bên bờ nóc trang trí đồ án hồi văn dây lá. Bên dưới diềm mái gắn ván diềm bằng gỗ, tạo hình đồ án đầu ngọc như ý nối nhau liên hoàn. Hai đầu tam cấp lên chính điện có 02 trống đá dạng hình tròn, lòng hai mặt trống được chạm thành hình dạng xoáy trôn ốc.

Nội thất Văn chỉ Minh Hương - Ảnh: Hồng Việt

Nếp nhà trước có kết cấu ba gian, tường bao xây gạch tô trát vữa, đá tán đỡ cột dạng tròn, hệ vì kèo kiến trúc dạng chồng rường giả thủ. Hai cạnh mặt tiền tường biên hai bên được đắp nổi thành các ô hộc, trong đó ô hộc trên đầu cả hai tường cùng đắp nổi chữ 壽 (*Thọ*) theo thể triện thư dạng tròn, ô hộc bên dưới của tường phía Đông đắp nổi đồ án sừng tê giác, ô hộc bên dưới của tường phía tây đắp nổi đồ án cây quạt, riêng ô hộc dưới cùng không trang trí, mảng chính giữa đắp nổi cặp câu đối chữ Hán Nôm: 廣大精微性道文章生民未有 / 肇建纘述事功制作自古所無 (*Quảng đại tinh vi tính đạo văn chương sinh dân vị hữu; Triệu kiến toản thuật sự công chế tác tự cổ sở vô*).

Mặt tiền chính điện có 04 hàng cột xây bằng gạch tô trát vữa, tiết diện vuông, phía trong liền kề là cột gỗ tròn đặt trên đá tán tròn. Bề mặt trước các cột vuông được đắp nổi tạo thành các ô hộc, chính giữa đắp nổi các cặp câu đối Hán Nôm: 日月合明往古來今人共仰 / 宮牆如見升堂入室道斯由 (*Nhật nguyệt hiệp minh vãng cổ lai kim nhân cộng ngưỡng; Cung tường như hiện thăng đường nhập thất đạo tư do*), 明德遠故出生知拔乎其萃 / 鄉黨中如畫真像貼之在前 (*Minh đức viễn cố xuất sinh tri bạt hồ kỳ tụy; Hương đảng trung như họa chân tượng chiêm chi tại tiền*). Tại vị trí đầu trính ở 04 hàng cột hiên chính điện gắn bông trính bằng gỗ. Các bông trính này được tạo tác rất công phu, tỉ mỉ qua việc chạm trổ, sơn phết màu sắc các đồ án trang trí. Bông trính tạo hình hoa sen ở hai đầu kết hợp trang trí con ke ở hai bên cột, riêng cột ngoài cùng sát tường biên phía Đông/Tây chỉ có 01 con ke theo hướng bên phải, con ke được chạm trổ đồ án hoa mẫu đơn với hoa và cành lá theo kỹ thuật

chạm thủng kết hợp chạm bấm. Thân các bông trính trang trí đồ án kỳ lân trong tư thế đạp trên sóng nước, hình tượng kỳ lân được chạm trổ theo kĩ thuật chạm nổi, sơn phết màu sắc, giàu giá trị thẩm mỹ. Ngoài hình tượng kỳ lân làm chủ đạo thì vị trí kế bên kỳ lân được trang trí đồ án khác nhau thuộc bát bửu trên 04 bông trính (*lá chuối ba tiêu, bút lông, thoi sách, cặp sáo kết hợp dải lụa và gậy ngọc như ý*). Hệ vì kèo theo kiến trúc dạng trính chồng trụ đội, được chạm trổ các đồ án sinh động như cá chép, hoa sen, quả bí, mây. Vị trí đòn đông gian giữa gắn thanh xà cò bằng chất liệu gỗ sơn son thếp vàng ghi niên đại trùng tu miếu năm Duy Tân thứ 5 (*1911*): 大南維新五年歲次辛亥仲春吉明鄉社鄉官鄉老鄉長全社等仝重修 (*Đại Nam, Duy Tân ngũ niên tuế thứ Tân Hợi trọng xuân cát nhật, Minh Hương xã, hương quan, hương lão, hương trưởng toàn xã đẳng đồng trùng tu*). Ngăn cách giữa nếp nhà trước và nếp nhà sau là hệ cửa gỗ ở ba gian kiểu "*thượng song hạ bản*", trong đó gian giữa có 06 cánh, hai gian tả/hữu mỗi gian có 04 cánh. Tại vị trí thanh xiên trên bộ cửa gian giữa gắn một bức hoành lớn bằng gỗ sơn son thếp vàng các chữ Hán Nôm, diềm bức hoành được chạm nổi thếp vàng đồ án hồi văn và dây lá: 宮成大,皇朝嗣德歲次戊辰,端午日奉供 (*Đại Thành Cung, Hoàng triều Tự Đức, tuế thứ Mậu Thìn, Đoan Ngọ nhật phụng cúng*).

Nếp nhà sau là không gian thờ tự, gồm có ba gian, ba dãy cột. Mặt trong phía trên đà cửa đi gian giữa treo bức hoành phi "*Quan ư hải giả nan vi thủy*" bằng gỗ có niên đại năm 1868 lưu thủ bút của Tiến sĩ Đặng Huy Trứ:[2]

Nguyên văn:

觀於海者難為水

龍飛嗣德戊辰中秋恭進

廣南明鄉

文聖祠

後學欽派如東鴻臚寺卿戶部辨理丁未科解元 貫承 天府廣田縣賀郎總博望社東甲鄧輝燔拜書

Phiên âm:

Quan ư hải giả nan vi thủy

Long phi Tự Đức Mậu Thìn trọng thu cung tiến

Quảng Nam Minh Hương

Văn Thánh Từ

Hậu học Khâm phái Như Đông Hồng Lô Tự Khanh Hộ bộ Biện lý Đinh Mùi khoa Giải nguyên quán Thừa Thiên phủ Quảng Điền huyện Hạ Lang tổng Bác Vọng xã Đông giáp Đặng Huy Trứ bái thư.

Dịch nghĩa:

Trông ra biển lớn, muốn làm giọt nước trong biển ấy thật khó thay (*ý nói biển học vô bờ, muốn làm giọt nước nhỏ trong biển học ấy thật khó thay*)[3].

[2] Phiên âm, dịch nghĩa do Cử nhân Hán Nôm Lê Thị Lưu (*Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản*) thực hiện.

[3] Câu *Quan ư hải giả nan vi thủy* (觀於海者難為水) được trích từ chương *Tận tâm chương cú thượng* (盡心章句上) trong sách Mạnh Tử là: 孟子曰:「孔子登東山而小魯，登太山而小天下。故觀於海者難為水，游於聖人之門者難為言。觀水有術，必觀 其瀾。日月有明，容光必照焉。流水之為物也，不盈科不行；君子之志於道也，不成章不達。」(*Phiên âm:* Mạnh Tử viết: Khổng Tử đăng Đông sơn nhi tiểu Lỗ, đăng Thái sơn nhi tiểu thiên hạ. Cố quan ư hải giả nan vi thủy... *Dịch nghĩa:* Mạnh Tử nói rằng: Khổng Tử lên đỉnh Đông sơn mới thấy rằng nước Lỗ nhỏ, Lên đỉnh Thái sơn thì mới

Cung tiến vào tháng trọng thu năm Mậu Thìn niên hiệu Tự Đức

Minh Hương Quảng Nam

Văn Thánh từ

Người xã Bác Vọng giáp Đông tổng Hạ Lang huyện Quảng Điền phủ Thừa Thiên là Giải nguyên khoa Đinh Mùi Biện lý Bộ Hộ Hậu học Khâm phái Như Đông Hồng Lô Tự Khanh Đặng Huy Trứ bái thư.

Tại lòng nhất, sát tường biên phía Đông và Tây cùng xây 03 bàn thờ, có cùng kích thước, bố cục trang trí quần bàn, trên mỗi bàn thờ có một bệ nhỏ xây bằng xi măng đặt bài vị loại lớn, sơn son thếp vàng, lần lượt từ ngoài vào trong là: 先哲列位 (*Tiên triết liệt vị*), 先贊列位 (*Tiên hiền liệt vị*), 先儒列位 (*Tiên nho liệt vị*). Các bàn thờ được trang trí đồ án đa dạng với đường nét mềm mại, uyển chuyển, giàu giá trị thẩm mỹ thông qua bàn tay của nghệ nhân đắp vẽ.

Tại vị trí góc tường biên phía Đông và tường sau bố trí bàn thờ Đông phối (*Tử Tư và Nhan Tử*). Bệ thờ xây bằng gạch, bên trên bệ thờ có khám thờ bằng gỗ, các chi tiết trang trí được sơn son thếp vàng, hình thức tương tự khám thờ ở gian thờ chính nhưng kích thước nhỏ hơn. Khám thờ được trang trí nhiều đồ án tinh xảo như hoa mẫu đơn, dây lá, hồi văn, "*ngũ phúc*" thông qua kỹ thuật chạm trổ trên gỗ. Lớp trong khám thờ, phần trán chia thành 03 mảng trang trí, trong đó mảng chính giữa chạm nổi hai chữ Hán Nôm 配東 (*Đông phối*), mảng bên trái chạm nổi đồ án thoi sách kết hợp dải lụa và các cụm mây, mảng bên phải chạm nổi đồ án quả bầu hồ lô kết hợp dải lụa và các cụm mây; rèm thượng trang trí đồ án hoa dây lá cách điệu theo kỹ thuật chạm thủng; diềm hai bên mỗi bên chia thành 02 ô hộc trang trí, trong đó 02 ô hộc trên chạm nổi cặp câu đối Hán Nôm: 德行首科惟好學；中庸心法紹真傳 (*Đức hạnh thủ khoa duy hiếu học; Trung dung tâm pháp thiệu chân truyền*), hai ô hộc dưới cùng chạm nổi chữ 壽 (*Thọ*) thể triện thư dạng tròn. Mặt lưng khám thờ vẽ màu đồ án các đóa hoa, bầu hồ lô, cặp sáo, cây quạt lông vũ, cây phất trần kết hợp dải lụa. Trong khám thờ đặt hai bài vị bằng gỗ chạm chìm các chữ Hán Nôm, bài vị bên trái thờ Thuật Thánh Tử Tư 述聖子思子神位 (*Thuật Thánh Tử Tư Tử Thần Vị*), đầu bài vị chạm nổi đồ án hoa mẫu đơn và cành lá, hai cạnh bên thân bài vị chạm nổi đồ án "*cành lá hoá long*", diềm thân bài vị và đế bài vị được chạm nổi đồ án hồi văn cách điệu; bài vị bên phải thờ Kế Thánh Nhan Tử 繼聖顏子神位 (*Kế Thánh Nhan Tử Thần Vị*), phần diềm thân và đế bài vị chạm nổi đồ án hồi văn cách điệu. Quần bàn được chia thành 02 mảng trang trí, khung viền màu đen, trắng, trung tâm trang trí đồ án "*Long mã phụ cuốn thư*", xung quanh là các đồ án dơi, điệp kết hợp hoa cúc và mẫu đơn, giỏ hoa cúc, nhành hoa cúc, mẫu đơn, bình hồ lô, lá chuối ba tiêu kết hợp dải lụa, các góc trang trí đồ án quả lựu quả cam và cành lá.

Tại vị trí góc tường biên phía Tây và tường sau bố trí bàn thờ Tây phối (*Mạnh Tử và Tăng Tử*). Bên trên bệ thờ là khám thờ bằng gỗ, hình thức tương tự khám thờ ở bàn thờ Đông phối nhưng khác một số đồ án trang trí và nội dung (*hai cạnh dưới*

---

thấy thiên hạ nhỏ. Ấy vậy khi trông ra biển lớn, muốn làm giọt nước trong biển ấy thật khó thay…)

gắn con ke chạm trổ đồ án hồi văn dắt lá cách điệu theo kỹ thuật chạm thủng). Lớp trong khám thờ, phần trán được chia thành 03 mảng trang trí, trong đó mảng chính giữa chạm nổi hai chữ Hán Nôm: 配西 (*Tây phối*), mảng bên trái chạm nổi đồ án quạt ba tiêu kết hợp dải lụa và cụm mây, mảng bên phải chạm nổi đồ án thư bút kết hợp dải lụa và các cụm mây; diềm hai bên mỗi bên chia thành 02 ô hộc trang trí, trong đó 02 ô hộc trên chạm nổi cặp câu đối chữ Hán Nôm: 首揭明新開聖學; 力陳仁義振王綱 (*Thủ yết minh tân khai thánh học; Lực trần nhân nghĩa chấn vương cương*), hai ô hộc dưới cùng chạm nổi chữ 壽 (*Thọ*) theo kiểu triện thư dạng tròn. Mặt lưng khám thờ vẽ màu trang trí đồ án các đóa hoa và cành lá trong khuôn viền tròn trên nền đỏ, các đồ án cây quạt lông, gậy đầu rồng, sừng tê giác, cặp sáo kết hợp dải lụa. Trong khám thờ đặt một kệ bằng gỗ sơn màu đỏ, bên trên đặt hai bài vị bằng gỗ chạm chìm các chữ Hán Nôm, bài vị bên trái thờ Á Thánh Mạnh Tử 亞聖孟子神位 (*Á Thánh Mạnh Tử Thần Vị*), đầu bài vị chạm nổi đồ án hoa dây (*hoa mẫu đơn ở vị trí trung tâm, liên kết xung quanh là cành lá cách điệu*), hai cạnh bên thân bài vị chạm nổi đồ án "*cành lá hoá long*", diềm thân bài vị và đế bài vị được chạm nổi đồ án hồi văn cách điệu; bài vị bên phải thờ Tôn Thánh Tăng Tử 尊聖曾子神位 (*Tôn Thánh Tăng Tử Thần Vị*). Quần bàn gồm có 02 mảng trang trí, hình thức trang trí và màu sắc tương tự bàn thờ Đông phối. Mảng chính có vòng tròn trung tâm, vẽ đồ án phụng vũ. Bên ngoài vòng tròn trang trí nhiều đồ án đặc sắc như hoa dây, dơi, điệp, hoa cúc, hoa lan, hoa mẫu đơn.

Tại vị trí tường hậu gian bên phía Đông được khắc bài sử lược Khổng Tử, bài này được trích từ "*Khổng Tử thế gia tán*" trong Sử ký của Tư Mã Thiên; bài văn được giới hạn trong một không gian trang trí như một văn bia, phần đế trang trí kiểu chân quỳ; diềm vẽ màu đỏ, trắng, nền đen, diềm trên vẽ đồ án hoa dây màu trắng (*trung tâm là hoa mẫu đơn, hai bên là dây lá*), diềm hai bên vẽ đồ án rồng màu trắng theo kiểu thức "*dây lá hoá long*". Tại vị trí tường hậu gian bên phía Tây khắc bài "*Khổng Phu Tử tán*" của Thái Sử công Tư Mã Thiên, hình thức trang trí giống bên bài văn trên tường biên phía Đông.

Đức Khổng Phu Tử được bố trí thờ tự ở sát tường hậu gian giữa, bàn thờ được xây bằng gạch, bên trên đặt khám thờ bằng gỗ được sơn son thếp vàng và trang

Văn bia tại di tích - Ảnh: Hồng Việt

trí nhiều đồ án đặc sắc. Trán khám thờ chạm nổi đồ án "*Lưỡng long tranh châu*", hai cạnh bên trán khám thờ trang trí đồ án hoa mẫu đơn theo kỹ thuật chạm thủng, rèm thượng trang trí đồ án ngũ phúc[4] bằng kỹ thuật chạm thủng; vị trí 02 con ke chân khám thờ trang trí đồ án hồi văn dắt lá bằng kỹ thuật chạm thủng. Lớp trong khám thờ chia thành 03 mảng trang trí: diềm trên và hai diềm bên. Diềm trên chia thành 05 ô hộc trang trí theo kỹ thuật chạm nổi, thếp vàng, cụ thể: ô chính giữa chạm nổi 03 đại tự Hán Nôm: 大成宮 (*Đại Thành cung*), ô hộc hai bên cùng chạm nổi đồ án hồi văn kết hợp hoa dây, hai ô hộc ngoài cùng chạm nổi đồ án rồng theo kiểu thức "*cành lá hoá long*"; phần rèm trang trí đồ án hồi văn hoa dây cách điệu bằng kỹ thuật chạm thủng. Diềm bên trái chia thành 03 ô hộc, trong đó ô đầu chạm nổi đồ án quả lựu, ô giữa chạm nổi câu đối Hán Nôm 天地已生天地並 (*Thiên địa dĩ sinh thiên địa tịnh*), ô hộc dưới chạm nổi đồ án chữ 壽 (*Thọ*) theo kiểu triện thư dạng tròn. Diềm bên phải cũng được chia thành 03 ô hộc đối xứng diềm bên trái, ô đầu chạm nổi đồ án quả đào (*cành lá và 02 quả đào, 01 bông hoa*), ô giữa chạm nổi câu đối Hán Nôm: 帝王之後帝王師 (*Đế vương chi hậu đế vương sư*), ô dưới chạm nổi chữ thọ giống diềm bên trái. Mặt lưng khám thờ vẽ màu đồ án "*Long ẩn vân*" (*rồng ẩn trong mây*), hình tượng rồng được thể hiện theo kiểu thức tả thực. Bên trong khám thờ đặt một kệ gỗ hai bậc, bên trên đặt bài vị Đức Khổng Tử bằng chất liệu gỗ, sơn son thếp vàng; chính giữa thân bài vị chạm chìm dòng chữ Hán Nôm 至聖先師孔子神位 (*Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử Thần Vị*), đầu bài vị chạm nổi đồ án hoa dây (*hoa mẫu đơn ở trung tâm, xung quanh là cành lá*), cạnh bên trái thân bài vị chạm nổi đồ án rồng theo kiểu thức "*cành lá hoá long*", cạnh bên phải thân bài vị chạm nổi đồ án phụng theo kiểu thức "*cành lá hoá phụng*", diềm thân bài vị chạm nổi đồ án hoa dây, đế chạm nổi đồ án hồi văn. Quần bàn được chia thành 02 mảng trang trí, khung viền màu đen, trắng. Mảng chính (*lớn*) có nền màu vàng sậm, vòng tròn lớn chính giữa có nền đỏ, vẽ đồ án "*Long ẩn vân*", bên dưới có sóng nước. Bao quanh bên ngoài vòng tròn vẽ đồ án điệp (*gồm có 04 con bướm*) cùng hướng về đồ án hình rồng. Ở các góc là hồi văn trang trí màu xanh dương. Mảng phụ (*nhỏ, phía trên*) có nền màu vàng sậm, trang trí cây hoa và đồ vật trong bát bửu. Phía trước bàn thờ Khổng Tử bố trí một bàn hương án bằng gỗ, bên trên mặt bàn đặt các đồ tự khí như bát hương, cặp độc bình bằng gỗ, bình hoa, chuông bát bằng đồng.

Hạng mục nhà Tây có kết cấu ba gian hai chái, 03 lòng, tường xây gạch tô trát vữa, nền lát gạch đất nung, mái lợp ngói âm dương. Bờ nóc được đắp thẳng, chính giữa bờ nóc trang trí hình tượng mặt nhật với đường nét tạo hình mềm mại, hai đầu bờ nóc trang trí đồ án hồi văn kết hợp hình tượng lá cây cách điệu mềm mại; bờ chảy được đắp cong nhẹ, chính giữa bờ chảy trang trí đồ án cụm mây, cuối bờ chảy trang trí đồ án hồi văn kết hợp hình tượng lá cây cách điệu. Hai cột mặt tiền gian giữa xây bằng gạch, tô trát vữa, bề mặt đắp nổi cặp câu đối Hán Nôm: 詩禮滋培名教地 / 春秋冒達雪霜天 (*Thi lễ tư bồi danh giáo địa; Xuân thu mạo đạt tuyết sương thiên*). Trên tường

[4] Hình tượng 05 con dơi trên một dải trang trí kết hợp các cụm mây và quả tua.

biên phía Bắc có 02 văn bia bằng chất liệu đá có niên đại Tự Đức thứ 21 (*1868*) và Tự Đức thứ 24 (*1871*) khắc ghi danh tính các vị đóng góp kinh phí xây dựng miếu. Trên tường biên phía Nam gắn văn bia bằng đá lưu thủ bút của Tiến sĩ Đặng Huy Trứ có niên đại tháng 4 (*mùa hạ*) năm 1871. Hệ vì kèo đỡ mái kiểu kẻ chuyền bằng gỗ, chạm chìm hình dây lá đơn giản ở hai đầu kèo.

Văn chỉ Minh Hương là một trong những thiết chế văn hoá tín ngưỡng quan trọng của xã Minh Hương ở Hội An. Sự hiện diện của di tích này không chỉ cung cấp tư liệu quan trọng về quá trình hình thành và phát triển của xã Minh Hương ở Hội An mà còn là minh chứng cho vai trò của xã Minh Hương nói chung, vai trò của cộng đồng người Minh Hương nói riêng đối với sự phát triển chung của Đô thị thương cảng Hội An suốt nhiều thế kỷ. Sự hình thành, tồn tại đến ngày nay của di tích Văn chỉ Minh Hương minh chứng cho truyền thống hiếu học, khoa bảng, tôn sư trọng đạo, lễ nghi trong văn hóa và phẩm hạnh đạo đức của người xã Minh Hương nói riêng, ở Hội An nói chung trong lịch sử vẫn đang phát huy tốt vai trò giáo dục truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, góp phần quan trọng trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hội An. Tuy đã qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo nhưng Văn chỉ Minh Hương vẫn giữ được kiến trúc truyền thống với vẻ đẹp tôn quý, thanh cao, góp phần làm phong phú loại hình kiến trúc văn hoá tín ngưỡng nói chung, miếu thờ nói riêng tại Hội An; là di tích có giá trị tiêu biểu cho tài nghệ của người thợ địa phương về việc chọn nơi xây dựng, kỹ thuật, kỹ năng chạm trổ trên chất liệu gỗ, kỹ thuật đắp vẽ trên chất liệu nề vữa thể hiện bàn tay tài hoa, giàu tính thẩm mỹ◈

Tài liệu tham khảo:

1. Trung tâm Bảo tồn Di sản - Di tích Quảng Nam (2005), *Xã Minh Hương với thương cảng Hội An thế kỷ XVII-XIX*.

2. Phạm Thúc Hồng (2008), *Văn học Hán Nôm trong di tích cổ Hội An* (tập 1), Nxb Đà Nẵng.

3. Nguyễn Chí Trung - Tống Quốc Hưng (2011), *Di tích Nho học ở Hội An*, bài viết đăng trên Tạp chí Di sản văn hóa số 3 (36).

4. Nhóm nghiên cứu Hội An (2014), *Di sản Hán Nôm Hội An tập 1 - Văn bia*, Nxb Đà Nẵng.

5. UBND thành phố Hội An (2015), *Di tích - Danh thắng Hội An*, Nxb Đà Nẵng.

6. Nguyễn Hoàng Thân (2015), *Giáo dục khoa cử Quảng Nam - Đà Nẵng dưới triều Nguyễn qua tư liệu văn bia địa phương*, bài viết đăng trên Tạp chí Khoa học xã hôi, nhân văn và giáo dục, tập 5, số 4B.

7. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2017), *Di sản Hán Nôm Hội An tập 3 - Tư liệu xã Minh Hương* (*Quyển 1: Tờ truyền, trát văn và trình bẩm*), Nxb Đà Nẵng.

8. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2020), *Làng xã ở Hội An qua tư liệu Địa bạ triều Nguyễn và Quảng Nam xã chí*, Nxb Đà Nẵng.

9. Hồ sơ di tích Văn chỉ Minh Hương lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

MỘT BỨC BÌNH PHONG ĐẶC SẮC TẠI HỘI AN

KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc

Từ lúc bắt đầu công tác tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, dành sự quan tâm nhiều hơn đến các di tích kiến trúc truyền thống, thỉnh thoảng tôi được nghe một số vị cao niên bảo rằng: bức bình phong đẹp nhứt Hội An là ở Khổng Tử miếu. Họ đang nhắc đến bức bình phong nguyên mẫu tại di tích trước kia với chút hoài niệm. Bức bình phong hiện trạng là cái được tu bổ gần đây theo nguyên mẫu, không rõ nó đẹp, sắc sảo được mấy phần nếu đem so với nguyên mẫu. Quan niệm về cái đẹp của mỗi người mỗi khác, có thể biến thiên qua các giai đoạn khác nhau, nên nói cái này đẹp nhất, đẹp hơn cái kia… đôi lúc sẽ có chút khập khiễng, khiên cưỡng. Tôi đã khảo sát và nhìn ngắm nhiều bức bình phong tại các di tích tín ngưỡng ở Hội An, trong các ngôi nhà cổ trong Khu phố cổ, có nhiều bức bình phong rất đẹp. Vậy, điều gì khiến bức bình phong tại di tích Khổng Tử miếu, phường Cẩm Phô được ưu ái, dành nhiều lời khen tặng đến vậy? Tôi đã thử tìm hiểu và góp nhặt được một vài thông tin liên quan đến di tích và bức bình phong này.

Di tích Khổng Tử miếu Hội An - Ảnh: Hoàng Phúc

Khổng Tử miếu là một trong 3 di tích Nho học hiện tồn ở Hội An, dù ra đời muộn nhất nhưng lại có quy mô lớn nhất. "*Xưa kia, tỉnh Quảng Nam có dựng một ngôi Thánh miếu tại đất Thanh Chiêm (cách Hội An 10km về phía Tây) nhưng ngôi miếu này đã bị thiêu hủy trong kháng chiến chống Pháp. Đến năm 1960, các thân hào, nhân sĩ trong Hội Cổ học tinh hoa Quảng Nam (hậu thân của Hội Nho học Quảng Nam xưa) đã đứng ra vận động xây dựng lại Khổng Tử miếu tại xã Cẩm Phô, Hội An*"[1]. Vì nhiều lý do, công trình bị hư hoại nghiêm trọng. Di tích được đầu tư tu bổ năm 2002 và tôn tạo với quy mô

[1] Nguyễn Chí Trung, Tống Quốc Hưng (2011), *Di tích Nho học ở Hội An*, Tạp chí Di sản văn hóa số 3 (36) - 2011, trang 54.

kiến trúc hoàn chỉnh như ta thấy ngày nay vào năm 2007. Bố cục tổng thể của ngôi miếu gồm các hạng mục: nghi môn, cầu bán nguyệt bắc qua hồ sen, tiếp đến là 4 trụ biểu, bức bình phong, tiền đường, hậu tẩm; nhà đông, nhà tây và hậu điện. Khoảng sân phía trước tiền đường rất rộng, 4 góc có 4 cây tùng tượng trưng cho Tứ phối, các hàng tùng hai bên tượng trưng cho Thập triết và Thất thập nhị hiền. Điểm nhấn chính, nổi bật ở khoảng sân này chính là bức bình phong án ngữ phía trước tiền đường.

Bình phong là một hạng mục rất quen thuộc, thường thấy trong các công trình kiến trúc tín ngưỡng và dân dụng truyền thống. Hiểu một cách sơ lược, theo quan niệm về phong thủy, bình phong được dùng để ngăn chặn những ảnh hưởng xấu xâm nhập trực diện từ phía trước. Bình phong có thể được bố trí tại nhiều vị trí khác nhau, bằng các chất liệu khác nhau. Trong nhà ở, đó có thể là những tấm vách thẳng đứng, ghép lại với nhau (*có thể di chuyển được*), đặt phía trước để che chắn bàn thờ gia tiên, hoặc ngay phía sau cửa chính, hay nằm một bên bức tường ở sân trời (*chủ yếu phục vụ mục đích trang trí*). Đối với các ngôi mộ táng, bình phong thường nằm ở phía cuối ngôi mộ (*bình phong hậu*). Với nhà thờ tộc, đình, miếu… bình phong là một bức tường được xây cố định, vững chãi, án ngữ phía trước khối công trình chính theo trục thần đạo. Bên cạnh chức năng về phong thủy, bình phong có thể xem như là một mảng trang trí đặc sắc của công trình. Không đơn thuần là một bức tường xây ngang thô cứng, bình phong có nhiều kiểu dáng (*phổ biến nhất là kiểu cuốn thư*), trang trí phong phú với nhiều đồ án dân gian mang ý nghĩa cát tường, thủ pháp thể hiện đa dạng như đắp, vẽ, cẩn sành sứ… Bức bình phong tại Khổng Tử miếu được dựng nên cũng không ngoài mục đích kể trên.

Có lẽ, yếu tố đầu tiên khiến bức bình phong nói riêng, di tích Khổng Tử miếu nói chung trở nên nổi tiếng, được nhiều người biết đến là nhờ vào tên tuổi của người thiết kế công trình này, đó là Lão họa sĩ Tôn Thất Sa. Ông là hậu duệ của chúa Nguyễn Phúc Chu, sinh ra và lớn lên ở làng Vạn Xuân, Kim Long. Bên cạnh việc giảng dạy ở trường Kỹ Nghệ Huế giai đoạn 1906 - 1941, ông còn đóng góp rất lớn trong việc vẽ khảo tả, minh họa, vẽ đặc tả các hiện vật, di tích cho các bài nghiên cứu trên B.A.V.H[2]. Một công trình rất nổi tiếng của ông tại Cố đô Huế là đài tưởng niệm Chiến sĩ trận vong (*Bia Quốc Học*).

Yếu tố chính khiến bức bình phong này được nhiều người cho là "*đẹp nhứt Hội An*" phải nhờ vào giá trị mỹ thuật của nó. Bức bình phong hiện trạng được tu bổ dựa theo kiến trúc nguyên mẫu, thông qua các nguồn tư liệu khác nhau. Có thể họa tiết, màu sắc có chút sai lệch, thủ pháp, đường nét thể hiện chưa được tinh xảo, mềm mại so với tạo tác nguyên mẫu của các bậc tiền nhân nhưng đây vẫn là một bức bình phong có kiến trúc rất đẹp. Bình phong được tạo hình kiểu cuốn thư bằng chất liệu vôi, gạch, xi măng, sành sứ, tỉ lệ cân đối, được đắp nổi một cách tỉ mỉ, chi tiết, màu sắc hài hòa. Phần đế: đắp vữa tạo dáng hình chân quỳ, trang trí họa tiết hoa dây. Phần thân được đắp vẽ dày đặc đồ án cát tường dân gian[3]:

---

[2] Dẫn theo https://baothuathienhue.vn/hoa-si-ton-that-sa-mong-uoc-ve-mot-con-duong-mang-ten-ong-a70217.html

[3] Ý nghĩa các đồ án trang trí trong bài viết được trích dẫn theo Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế*

- Chính giữa đắp hình long mã chạy trên sóng nước theo điển tích "*Long mã phụ hà đồ*", phía trên đắp hình hoa dây cuộn hai bên chữ 壽 (*Thọ*). Long mã xuất hiện trên sông Hoàng Hà, dưới thời Phục Hy, mang trên lưng cuốn thư Hà đồ, là sách trời ban cho vua này để trị nước. Long mã tượng trưng cho sự tung hoành của nam nhi, cho thời gian và không gian, long mã chạy là biểu hiện cho vũ trụ vận động, đồng thời tượng trưng cho thánh nhân[4]. Long mã, cùng với kỳ lân, là những linh thú có liên quan đến nhiều điển tích trong kinh truyện Nho gia.

Bức bình phong Khổng Tử miếu Hội An - Ảnh: Hoàng Phúc

- Nếp gấp hai bên long mã đắp nổi đồ án "*ngư - tiều - canh - mục*" (*đồ án "ngư - tiều" ở mặt sau, "canh - mục" ở mặt trước theo hướng nhìn từ ngoài vào*). Đây là đồ án thể hiện 4 ngành nghề chính mà người dân ngày xưa làm để mưu sinh: đánh cá, đốn củi, làm ruộng, chăn nuôi. Ngoài ra, đồ án này còn giúp gợi nhắc đến "*sự tích của Khương Tử Nha, Chu Mãi Thần, Y Doãn, Lý Mật là những kẻ sĩ có khí tiết thời xưa thường được Nho gia nước Việt biểu dương như những tấm gương hiếu học, trì chí và xuất xử đúng tiết, hợp thời*"[5].

- Hai cánh bình phong ở hai đầu đắp hình kiếm và bút. Người xưa xem cây bút lông như một vật quan trọng trong "*văn phòng tứ bửu*". Trong nghệ thuật, cây bút mang biểu tượng cho sự nghiệp văn chương, tài thi phú hay ước vọng thành danh trong sự nghiệp. Thanh kiếm biểu tượng cho sức mạnh và ý chí của bậc trượng phu. Sử dụng kết hợp bút - kiếm có lẽ để đề cao văn võ song toàn của Nho sĩ thuở xưa.

Phần nếp gấp ở hai cánh bình phong còn đắp thêm nhiều đồ án trang trí khác rất sinh động:

+ Đồ án tứ thời với "*mai - liên - cúc - trúc*" tượng trưng cho 4 mùa xuân - hạ - thu - đông, kết hợp hình ảnh hoa - điểu, hoa - hồ điệp càng tăng thêm phần sinh động.

Mai: năm cánh hoa mai là hình ảnh của năm vị thần may mắn, của ngũ phúc. Mai cũng được xem như biểu tượng của sự trường thọ.

Sen trong nghệ thuật tạo hình được xem là biểu tượng của đức hạnh và sự hoàn hảo, bởi đặc điểm của nó là vươn lên từ bùn nhơ và không bị vấy bẩn.

Cúc biểu tượng cho niềm vui, sự an lạc, viên mãn và là "*bạn đời*" của những người từ quan hay nghỉ ngơi sau một đời

---

nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí, Nxb Thuận Hóa.

[4] Dẫn theo https://www.phapluatplus.vn/van-hoa-giai-tri/giai-ma-bieu-tuong-van-hoa-phan-6-nguon-goc-va-y-nghia-cua-hinh-tuong-long-ma-d16820.html

[5] Nguồn: http://www.hoianworldheritage.org.vn/vi/news/Van-hoa-nghe-thuat/may-tu-lieu-ve-khong-mieu-hoi-an-1856.hwh

bận rộn. Cúc nguyệt (*cúc tháng chín*) được biểu tượng bằng lời chúc giữ lại sự trường thọ, bền bỉ.

Cây trúc mang biểu tượng của người quân tử. Trúc sống ngay thẳng, nghị lực, kiên định; tấm lòng khiêm tốn, trong sáng, không câu nệ và chẳng chịu gập mình trước gió mưa hay sự thay đổi thời tiết. Cây trúc còn là biểu tượng của sự trường thọ với sức sống bền bỉ và xanh tươi của nó, bất chấp mọi khắc nghiệt của thiên nhiên, khí hậu.

+ Hồi văn chữ 卍 (*Vạn*). Người Trung Quốc gọi chữ vạn là "*tướng cát tường hải vân*" (*tướng tốt lành, biểu trưng công đức sâu rộng như biển và quần tụ như mây*).

+ Đồ án "*Đông đào - Tây lựu*" ở mặt trước bình phong. Quả đào có nhiều ý nghĩa biểu tượng, nhưng được nhấn mạnh nhất là sự trường thọ, bất tử. Lựu mang biểu tượng cho ước vọng con cháu đầy đàn, đông đúc nhưng trật tự (*như hạt lựu trong trái*), có đủ đức hạnh và sự hiếu thảo làm rạng danh gia tộc. Theo quan niệm về phong thủy, trồng đào phía đông, lựu phía tây là tốt nhất, sẽ mang lại đại cát đại lợi.

+ Hai quả Phật thủ ở mặt sau bình phong. Quả có hình dạng như hai bàn tay úp vào nhau nên có tên gọi như vậy (*bàn tay Phật*). Ngoài biểu tượng nói lên sự giàu có, vinh hoa, phú quý, nó còn là hình ảnh tạo sự liên tưởng an bình, hướng thiện.

- Hai bên bình phong là hai con lân trong tư thế nhảy chồm xuống, phần đuôi tựa vào bình phong. Lân là con vật báo hiệu điều tốt lành, là biểu tượng cho sự trường thọ, sự nguy nga đường bệ, niềm hạnh phúc lớn lao, là sự kết hợp và thủ đắc tất cả những phẩm chất tốt đẹp với những đức tính tử tế và nhân từ, sự trung thành. Người ta đồn rằng, lần cuối cùng nó xuất hiện là trước khi Khổng Tử mất.

Mang kiểu thức cuốn thư, trang trí đăng đối thường thấy ở kiến trúc bình phong, tuy nhiên, có thể nói bức bình phong ở Khổng Tử miếu lại có phần nổi bật hơn bình phong ở các di tích tín ngưỡng khác ở Hội An. Điều đó nhờ bởi sự kết hợp hài hòa các mảng trang trí đặc - rỗng với tỉ lệ cân đối, màu sắc tao nhã, đường nét thanh mảnh, phóng khoáng giúp tạo sự nhu hòa về mặt thị giác, nhiều đồ án đan xen nhưng không có cảm giác "*lạm dụng*". Bên cạnh hình ảnh linh thú (*long mã, lân*) thì bóng dáng con người với hình ảnh sinh hoạt hằng ngày (*đồ án "ngư - tiều - canh - mục"*) lại gợi sự gần gũi, thân thuộc. Ngoài các đồ án chính kể trên còn có các chi tiết hoa văn khác như cuộn mây, hoa lá… điểm xuyết, làm cho tổng thể bức bình phong trông như dải lụa mềm mại, sinh động, đầy màu sắc.

Vì đây là di tích Nho học nên bên cạnh ý nghĩa cát tường thông thường, các đồ án trang trí được thể hiện trên bức bình phong còn ít nhiều liên quan đến các điển tích Nho giáo, gởi gắm những tâm tư, bài học của các bậc tiền nhân đến thế hệ con cháu đời sau để suy ngẫm, học tập. Nếu nói rằng bức bình phong hiện trạng vẫn được xem là "*đẹp nhứt Hội An*" thì chưa dám chắc, nhưng có thể khẳng định đây là một bức bình phong đẹp ở Hội An, rất đáng để chiêm ngưỡng◈

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Nxb Thuận Hóa.

2. Các nguồn tư liệu khác trên internet.

ĐẶC SẮC TẾT NGUYÊN TIÊU Ở HỘI AN

CN. Trần Thị Lệ Xuân - CN. Võ Hồng Việt

Tết Nguyên tiêu (*tết Thượng nguyên*) là một trong những lễ tết quan trọng có từ lâu đời của cộng đồng cư dân Hội An. Lễ tết này mang những giá trị văn hóa và có những nét đặc trưng riêng so với nhiều nơi ở Việt Nam và châu Á. Ngày 02/02/2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành quyết định công nhận Tết Nguyên tiêu ở Hội An là Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia.

Lễ tết có bề dày lịch sử lâu đời

Nguyên tiêu có nghĩa là đêm rằm đầu tiên của năm mới, "*Nguyên*" là thứ nhất, "*Tiêu*" là đêm. Tết Nguyên tiêu còn gọi là tết Thượng nguyên. Theo quan niệm dân gian, tết Nguyên tiêu/Thượng nguyên là ngày "*Thiên quan Tứ phước*", ngày các quan trời ban bố phước lành cho khắp cả nhân gian, vì vậy từ xa xưa, ngay sau ngày Khai hạ mồng 7 tháng Giêng, người Việt lại chuẩn bị tổ chức cúng tế cầu an, cầu may mắn, phước lành trong cả một năm, đồng thời mở hội vui chơi trước khi bước vào công việc của năm mới với ước vọng mọi việc hanh thông, như ý.

Dưới triều Nguyễn, các vua nhà Nguyễn rất coi trọng tết Thượng nguyên và xếp vào những lễ tiết quan trọng trong năm, được quy định tổ chức cúng tế theo định kỳ và có lễ phẩm cụ thể trong triều đình. Năm Minh Mệnh thứ 16 (*1835*), sau khi các quan bàn định thể lệ các lễ tiết hàng năm, vua chuẩn định vào những tiết Đông chí, Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên đều làm cỗ bàn dâng cúng các miếu và điện Phụng Tiên, lễ nghi như lễ tiết Đoan dương. Riêng lễ tiết Thượng nguyên và Trung thu thì treo đèn suốt đêm để nêu bật ngày tết nhằm thời tiết đẹp[1].

Ở Hội An, cứ sau ngày Khai hạ (*mồng 7 tháng Giêng*), người dân lại nô nức chuẩn bị Tết Nguyên tiêu. Lễ tết này ở Hội An mang những giá trị văn hóa tiêu biểu và có những nét đặc trưng riêng so với nhiều nơi ở Việt Nam và châu Á do được hình thành trên cơ sở truyền thống văn hóa bản địa của Việt Nam và có sự giao lưu tiếp biến văn hóa với các nước Trung Hoa, Nhật Bản trong suốt thời kỳ hoàng kim của thương cảng quốc tế Hội An.

[1] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, bản dịch của Viện Sử học, tập 4, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.747.

Nhân dân và du khách viếng hương, cầu lộc dịp Tết Nguyên tiêu ở Hội An - Ảnh: Hồng Việt

Trong ký ức của lớp người cao tuổi cũng như qua các tư liệu cho thấy vào nhiều thế kỷ về trước, Tết Nguyên tiêu ở Hội An được tổ chức khá long trọng, nhộn nhịp, với nhiều hoạt động phong phú, đặc sắc, đặc biệt trong đó có sự đóng góp của cộng đồng người Hoa. Theo bảng kê các ngày lễ, lệ của xã Minh Hương ở Hội An năm 1765, có 16 lễ tục được tổ chức trong năm, trong đó Tết Nguyên tiêu được tổ chức vào ngày 15/1 âm lịch tại các địa điểm chính như cung Cẩm Hà, cung Trừng Hán và cung Hải Bình. Hình thức tổ chức chủ yếu là lễ cúng, ngoài ra có hoa đăng (*thả đèn hoặc treo lồng đèn*), làm đám rước kiệu ngoài phố… Theo bảng kê các khoản chi của Lý Tam Bửu Vụ xã Minh Hương năm 1787 cho biết có mua giấy liễn chuẩn bị Tết Nguyên tiêu ở đình Vạn Thọ, cầu Lai Viễn; chuẩn bị cho lễ Hoa đăng, Nguyên tiêu ở cung Trừng Hán, cung Cẩm Hà, cung Hải Bình[2].

Những giá trị văn hóa đặc sắc

Tết Nguyên tiêu ở Hội An có nguồn gốc từ nhiều quan niệm khác nhau, ở mỗi cộng đồng địa phương có tục lệ cúng tế riêng nhưng có cùng một đặc điểm chung đó là nhân ngày rằm đầu tiên của một năm, người dân bày tỏ tấm lòng tôn kính đối với các chư vị Phật, các vị thần, tiền nhân... cầu mong cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đây vừa là dịp lễ hội, vừa là ngày cúng tế cầu an, tế tự, cầu tài xin lộc đầu năm ở nhiều di tích tín ngưỡng trên địa bàn thành phố và hội quán trong Khu phố cổ Hội An.

[2] Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2017), *Di sản Hán Nôm Hội An - tập 3 - Tư liệu xã Minh Hương (Quyển 1: Tờ truyền, trát văn và trình, bẩm)*, Nxb Đà Nẵng.

Sinh hoạt tín ngưỡng chính là lễ cúng Nguyên Tiêu, giỗ Tiền hiền tại các hội quán, đình, miếu, gắn liền với một số tập tục như cầu phước, cầu tài lộc, công việc hanh thông phát triển,… Ở các chùa, ngoài việc cúng các chư vị Phật, còn cúng vong hồn vô chủ, các vị tinh tú để giải trừ các sao hạn nặng. Ngoài ra, còn có một số hoạt động phụ trợ như đêm phố cổ, đêm thơ Nguyên Tiêu, hô hát Bài chòi, trò chơi dân gian.., thu hút sự tham gia đông đảo của cộng đồng cư dân.

Ở Hội An, hầu như gia đình nào cũng cúng vào dịp Tết Nguyên tiêu để thực nguyện những điều phước thiện, cầu cho một năm mới mưa thuận gió hòa, an lành, may mắn đến với gia đình. Khác với nhiều nơi, Tết Nguyên tiêu ở Hội An diễn ra trong một không gian rộng lớn bao gồm cả nội thị và các vùng nông thôn phụ cận. Đặc biệt, trong khu vực phố cổ, vào ngày 16 tháng Giêng, từ tờ mờ sáng, đường phố Hội An đã đông người hơn hẳn ngày thường. Đối với những người ở xa như Quảng Ngãi, Huế, Đà Nẵng, nhất là những người buôn bán đến Hội An từ đêm rằm Nguyên tiêu để đi dạo phố cổ và chuẩn bị cho buổi lễ cầu tài, xin lộc đầu năm vào sáng sớm ngày mai.

Đặc trưng Tết Nguyên tiêu ở Hội An là những tập tục, nghi thức tín ngưỡng của cộng đồng trong việc cúng tế các vị Thần, Tiền hiền, các đối tượng được thờ tự tại di tích tín ngưỡng liên quan. Cách bày trí, trang hoàng bàn thờ trong lễ tế, cờ hội, nhạc khí, lễ phục, ẩm thực… Cùng với những nghi thức cúng tế truyền thống của từng địa phương, từng bang hội có sự khác nhau, ngoài ra có những tập tục đặc trưng như xô cộ, xin lộc, vay lộc làm ăn đầu năm, cầu may mắn, cầu tài lộc, dán giấy cầu an… Ngoài những phần lễ tục, trong Tết Nguyên tiêu ở Hội An có đặc trưng về sự đa dạng các hình thức sinh hoạt văn hóa văn nghệ khác như múa Thiên cẩu, múa lân, hát, múa nhạc Trung Hoa, nghệ thuật sắp đặt - trang trí lồng đèn, thả hoa đăng, tống long chu… Đây là những tục lệ có từ lâu đời của cộng đồng cư dân Hội An trong lịch sử và được duy trì cho đến hiện nay. Điều đặc sắc trong Tết Nguyên tiêu ở Hội An là dịp này cộng đồng người Hoa phô diễn những món ăn mang đậm bản sắc văn hóa riêng có của từng bang. Phần hội trong Tết Nguyên tiêu có tính cộng đồng rộng lớn, gắn với các hoạt động du xuân đầu năm. Trong không khí mát mẻ, thanh tân của mùa xuân, dòng người đi cầu tài, xin lộc, đi chùa lễ Phật, trong đó có những người đi du xuân, thưởng lãm… tạo nên không khí vui tươi, sôi động không những trong phố cổ mà trên cả địa bàn thành phố, như là ngày hội đặc trưng của cộng đồng cư dân Hội An nói riêng, cư dân trong tỉnh Quảng Nam và các vùng phụ cận như Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi nói chung cùng tề tựu về Hội An nhân ngày Tết Nguyên tiêu.

Gìn giữ cho mai sau

Tết Nguyên tiêu ở Hội An là lễ tết truyền thống, là tập quán xã hội mang ý nghĩa uống nước nhớ nguồn, ghi nhớ công ơn người khai sáng, lập dựng làng xóm, những người đã hy sinh bản thân mình để bảo vệ quê hương, đồng thời cầu cho mưa thuận gió hòa, xóm phố yên vui, cầu may mắn, phát tài, phát lộc… Từ đó, lễ tết này tập hợp mọi người có chung một khát vọng sống, một niềm tin gắn bó thành một khối đoàn kết và mỗi thành viên bằng thái độ hưởng ứng và tinh thần tham dự đã bày tỏ tình cảm và trách nhiệm của mình với cộng đồng. Vì vậy, Tết Nguyên tiêu có vai trò rất lớn trong đời sống văn hóa của cộng đồng cư dân Hội An từ trong lịch sử cho đến hiện nay trên nhiều phương diện,

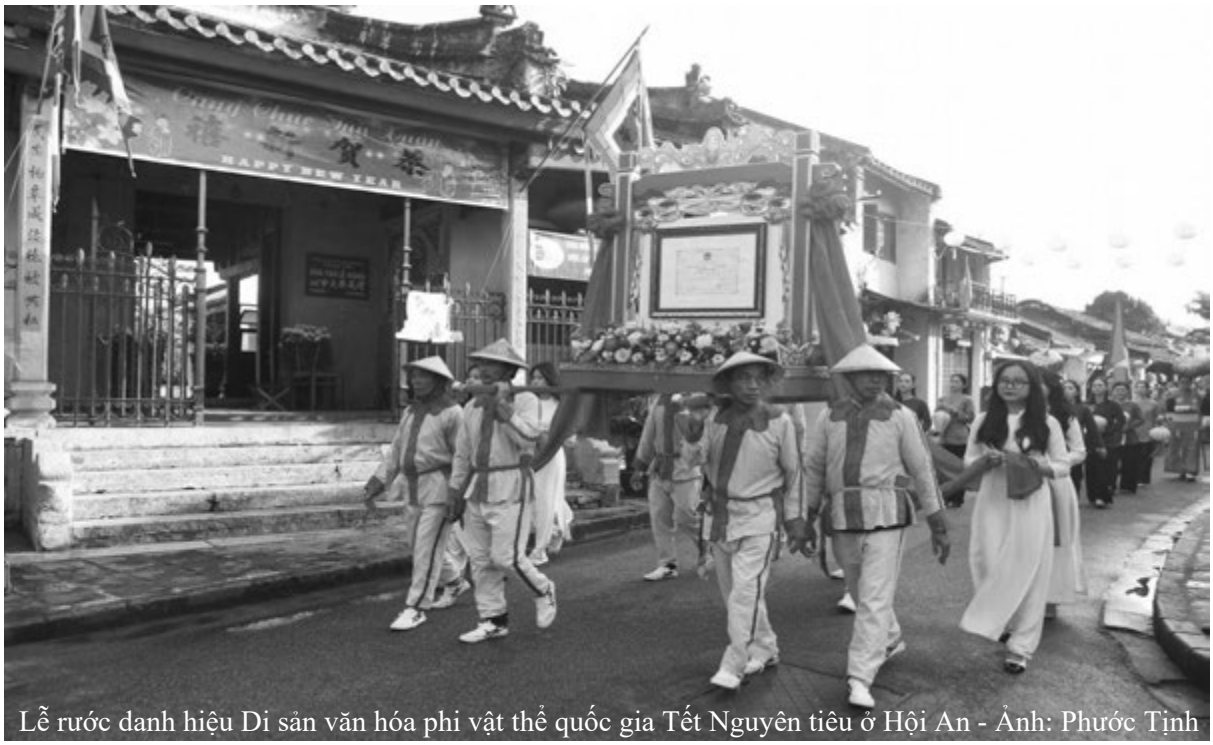

Lễ rước danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Tết Nguyên tiêu ở Hội An - Ảnh: Phước Tịnh

vừa thỏa mãn nhu cầu tâm linh, cố kết cộng đồng, vừa vui chơi giải trí và tạo môi trường để cá nhân và cộng đồng sáng tạo nên những giá trị về văn hóa, nghệ thuật và bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của quê hương.

Trải qua quá trình hình thành, nuôi dưỡng và phát triển, hiện nay Tết Nguyên tiêu ở Hội An được duy trì tổ chức theo định kỳ hàng năm và vẫn giữ được những giá trị đặc sắc riêng có. Đây là một trong những lễ tết lớn đầu năm của cộng đồng cư dân Hội An có tác động lớn và sâu sắc đến đời sống văn hóa của cộng đồng và được cả cộng đồng trân trọng gìn giữ, bảo tồn và phát huy tích cực. Qua đó, góp phần làm giàu thêm bản sắc văn hóa của dân tộc nói chung, của Hội An, Quảng Nam nói riêng.

Nhằm tôn vinh những giá trị lễ Tết Nguyên tiêu ở Hội An, qua đó góp phần bảo tồn và phát huy nét đẹp, bản sắc văn hóa của dân tộc, ngày 02/2/2023, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành quyết định ghi danh Tết Nguyên tiêu ở Hội An, Quảng Nam vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, thuộc loại hình Lễ hội truyền thống và Tập quán xã hội và tín ngưỡng. Sự ghi nhận của Nhà nước đối với di sản này là niềm vui, niềm tự hào và vinh dự to lớn của Nhân dân thành phố Hội An vào những ngày đầu năm mới Quý Mão - 2023. Trong niềm hân hoan ấy, vào dịp Tết Nguyên tiêu năm nay, thành phố Hội An đã long trọng tổ chức đoàn rước, diễu hành trong Khu phố cổ và Lễ đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Tết Nguyên tiêu ở Hội An vào ngày 05/2/2023 (*nhằm ngày 15 tháng Giêng*). Đây là hoạt động không chỉ nhằm bày tỏ lòng thành kính với các bậc tiền hiền, cầu mong sự thịnh vượng trong năm mới mà còn tôn vinh giá trị nổi bật của di sản, ghi nhận sự nỗ lực của các chủ thể trong việc bảo tồn cũng như các bên liên quan trong việc xây dựng hồ sơ khoa học đệ trình công nhận di sản◈

NGHỀ MAY TRANG PHỤC ÁO DÀI Ở HỘI AN

CN. Trần Thị Lệ Xuân

Áo dài là trang phục truyền thống nổi tiếng của dân tộc Việt. Trải qua thời gian, ở mỗi thời kỳ, chiếc áo dài truyền thống của Việt Nam có những thay đổi, cách tân nhưng trong đó luôn ẩn chứa vẻ đẹp thuần khiết của tâm hồn Việt và cho đến hiện nay chiếc áo dài Việt vẫn giữ được nét truyền thống, duyên dáng vốn có của nó. Trong tổng thể chung của dân tộc, trang phục áo dài và nghề may trang phục áo dài ở Hội An vẫn được bảo tồn và phát huy cho đến hiện nay, mặc dù nơi đây là một vùng đất có nhiều nguồn, nhiều lớp cư dân khác nhau sinh sống.

Nghề may là một trong những nghề truyền thống được hình thành từ khá sớm tại Hội An. Đến khoảng đầu thế kỷ XX, nghề may ở Hội An, trong đó may trang phục áo dài có những bước phát triển vượt bậc. Đội ngũ thợ may trang phục Việt, Âu khá đông đảo, riêng ở phố thị có các ông Hai Trác, ông Xin, ông Nguyễn Mua, ông Chung, Đỗ Mậu, Lê Ái, Trần Ngoạn, Nguyễn Diệm, Trần

Hiệu may Tuyết Hoa ở Hội An - Ảnh tư liệu

Tiết, Nguyễn Sung, Trần Thủy, Bốn Lữ... với các tên hiệu nổi tiếng như Công Thành, Vĩnh Lợi, Tiến Hưng, Lữ Phát, Văn Minh, Hiệp Hưng, Hiệp Thái, Tân Tân, Lợi Hưng,...[1]. Ở vào giai đoạn này, đời sống kinh tế của người dân còn thấp, nhu cầu may mặc không cao nên hầu hết các tiệm may ở Hội An có qui mô hoạt động nhỏ. Các tiệm may trang phục Việt chủ yếu may áo dài thường phục, áo cổ giữa 2 túi, áo cổ viền, áo cổ lá sen… Lúc bấy giờ để trở thành thợ may, người học nghề phải trải qua thời gian ít nhất 2, 3 năm. Qua nhiều công đoạn cùng những kỹ thuật phức tạp, điều kiện khó khăn, thiếu thốn về phương tiện học nghề, đòi hỏi người thợ may phải cần mẫn, chăm chỉ, khéo léo. Dù vậy, trong thời buổi bấy giờ, nhiều người vẫn theo đuổi nghề may. Đây là một trong những nghề được ví như làm dâu trăm họ, thế nhưng, trước đây đa số nam giới theo học nghề may, nữ giới chiếm số lượng rất ít. Lúc đó, nam giới cũng may áo dài nhưng chủ yếu áo dài thường phục, mặc hàng ngày. Sau này, có một số phụ nữ ở Hội An đã tìm học may trang phục áo dài tại một số cơ sở ở Đà Nẵng, Sài Gòn nhằm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu, thẩm mỹ của khách hàng. Một số thợ may cao niên ở Hội An cho biết đã học kỹ thuật cắt may áo dài tại Sài Gòn, Đà Nẵng hoặc học lại từ những thợ lớn tuổi hơn từng học nghề ở Sài Gòn, Đà Nẵng như bà Nguyễn Thị Khuể (*tiệm may Mỹ Hạnh, 38 Huỳnh Thúc Kháng cũ, nay 54 Hùng Vương, Hội An*) học nghề ở Đà Nẵng, bà Huỳnh Tuyết Hoa (*tiệm may Tuyết Hoa - 56 Trần Phú, Hội An*) học nghề may áo dài ở Sài Gòn,…

Trước năm 1975, ở Hội An có một số tiệm may áo dài nổi tiếng như Ánh Sáng, Ngọc Lan, Phượng (*bà Trương Thị Phượng*), Mỹ Hạnh (*bà Nguyễn Thị Khuể, đường Huỳnh Thúc Kháng cũ*), Tuyết Hoa, Châu (*bà Lê Ngọc Châu*) (*đường Trần Phú*), Diên An (*đường Hoàng Diệu*), Tuyết Phấn (*đường Tiểu La*),… Trong quá trình học nghề và thực hành nghề, người thợ đã tìm hiểu, học hỏi những kinh nghiệm, kỹ thuật của người đi trước để kế thừa, gìn giữ và phát triển nghề may trang phục áo dài ở Hội An. Một số người đã kế tục nghề may áo dài của gia đình như ông Nguyễn Văn Chương, con ông Nguyễn Mua (*nhà may Công Thành, số 49 Nguyễn Thị Minh Khai, Hội An*) duy trì cho đến sau năm 1975 thì không còn may áo dài nữa.

Theo một số cụ cao niên cho biết, ngoài những tiệm may nổi tiếng trên, vào giai đoạn những năm 1950, ở Hội An có bà Trương Thị Lệ An là người may trang phục áo dài khá nổi tiếng ở trong khu phố cổ, nhưng sau đó bà ra Đà Nẵng mở tiệm và dạy nghề may áo dài. Sau 1975, bà Lệ An vào Sài Gòn lập nghiệp bằng chính nghề truyền thống may áo dài mà mình đã thành nghề tại Hội An. Ngoài ra, có một số thợ may ở Điện Bàn, Đại Lộc đã xuống Hội An học nghề và thành nghề hiện vẫn duy trì nghề ở Hội An.

Mặc dù sau năm 1975, trang phục áo dài không còn sử dụng phổ biến trong đời sống thường nhật của cộng đồng cư dân địa phương như trước đây. Lúc này áo dài chỉ sử dụng trong dịp lễ cưới, cúng tế, và số ít giáo viên, học sinh dùng

[1] Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (2008), *Nghề truyền thống Hội An*, Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam, tr.191-197.

nhưng một số tiệm may áo dài vẫn duy trì hoạt động như Mỹ Hạnh, Tuyết Hoa, Châu, Tuyết Phấn,… Kế tục nghề may trang phục áo dài cho đến hiện nay, học trò của các chủ tiệm may này vẫn còn duy trì nghề ở Hội An như bà Trương Thị Lan (*đường Lê Quý Đôn - Cẩm Phô, học trò của bà Nguyễn Thị Khuể*), tiệm may Tuyết Phấn (*Đường Tiểu La - Minh An, con cháu của chủ tiệm may Tuyết Phấn trước đây*), Minh Huệ (*đường Hùng Vương - Cẩm Phô, học trò của bà Lê Ngọc Châu*),… Đây là những tiệm may áo dài hiện được nhiều người lựa chọn khi có nhu cầu may áo dài ở Hội An. Ngoài ra, trong khu vực phố cổ, đa số các cơ sở kinh doanh vải đều có dịch vụ may áo dài. Tiêu biểu nhất là các cơ sở kinh doanh Thu Thủy, Yaly, Á Đông, Be Be, Bảo Khánh,… Tại các cơ sở này có đội ngũ thợ đáp ứng kịp thời nhu cầu may nóng của du khách với những bộ sưu tập mang dáng vẻ cổ kính đến hiện đại trên các chất liệu vô cùng phong phú và đa dạng. Đối với khu vực ngoại thị Hội An đa số ở các địa phương đều có các tiệm may áo dài nhỏ lẻ phục vụ nhu cầu của khách hàng.

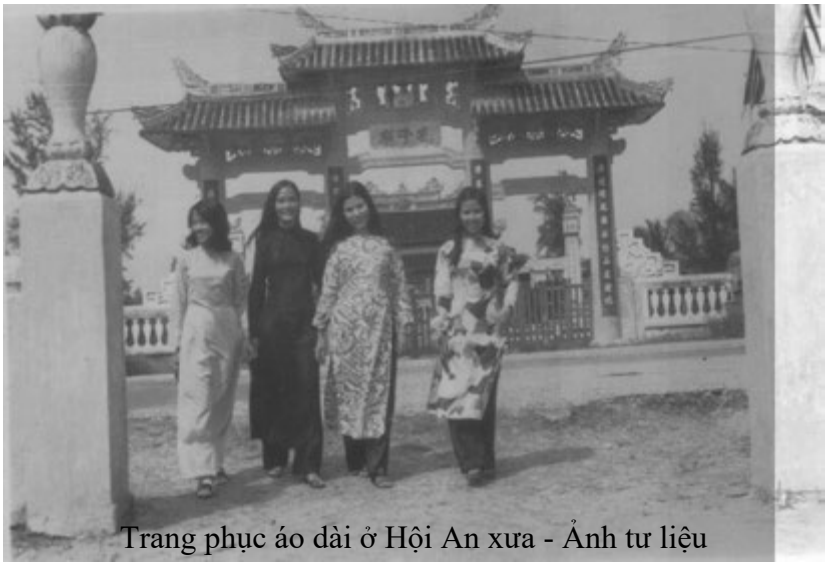
Trang phục áo dài ở Hội An xưa - Ảnh tư liệu

Hiện nay, đa số các cơ sở may áo dài trên địa bàn Hội An đều có truyền dạy nghề tại chỗ. Giai đoạn trước 1975, ở Hội An có một số cơ sở vừa may áo dài vừa là trường tư thục chuyên nghiệp dạy cắt may, học trò sau khi hoàn thành khóa đào tạo được cấp bằng/chứng nhận, tiêu biểu có cơ sở may Mỹ Hạnh, Tuyết Hoa, Châu,… Theo bà Huỳnh Tuyết Hoa, (*sinh năm 1941, chủ tiệm may áo dài Tuyết Hoa*), cho biết trước đây bà học nghề may áo dài ở Sài Gòn, sau đó về Hội An lập nghiệp khoảng năm 20 tuổi và có mở lớp dạy nghề may. Khi đó, áo dài là thường phục, được sử dụng rất nhiều, có ngày tiệm may Tuyết Phấn may cả trăm cái áo dài, vì vậy, đội ngũ thợ và người học nghề rất đông.

Đối với nghề may trang phục áo dài, mỗi một công đoạn từ khâu chọn vải, lấy số đo, cắt, ráp, lượt, luông vải, kết khuy nút, ủi đòi hỏi người thợ phải thành thục, tỉ mỉ và cẩn trọng thì mới cho ra sản phẩm như mong muốn. Qua quá trình thực hành, những người thợ lành nghề đã tích lũy kinh nghiệm, kỹ năng và sáng tạo ra nhiều mẫu mã, lựa chọn chất liệu phong phú, trang trí đường nét, hoa văn, vật liệu phụ trợ,… nhằm đa dạng hóa về kiểu cách, chất liệu, thiết kế, kỹ thuật để chiếc áo dài ngày càng đẹp hơn, tinh xảo hơn. Vì vậy, vai trò của nghệ nhân rất quan trọng trong việc chỉ dẫn, truyền dạy nghề, bởi đây là một nghề không mấy dễ dàng. Ngoài ra, với sự công phu, tỉ mỉ, khéo léo nên đòi hỏi người thợ may áo dài phải có niềm đam mê, sự tinh tế, sáng tạo trong từng công đoạn.

Mỗi công đoạn thực hành gắn với những cá nhân hay nhóm người sở hữu bí quyết cắt may, trang trí,… khác nhau. Tại các cơ sở may áo dài có quy mô tương đối lớn ở Hội An, có khoảng từ 2 đến trên 10 người thợ, trong đó chia ra từng công đoạn: cắt, ráp, làm vặt (*lượt, luông, kết nút, ủi*). Mỗi cá nhân chuyên về một khâu nhất định, giúp cho việc may thành phẩm một chiếc áo dài nhanh hơn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng vào thời cao điểm.

Nhìn chung, cùng với sự phát triển của nghề may trang phục, nghề may áo dài ở Hội An hiện nay khá phát triển. Các cơ sở may áo dài trên địa bàn Hội An nhiều hơn so với trước bởi nhu cầu sử dụng áo dài ngày càng nhiều và phân bố rộng khắp trên toàn địa bàn, không như trước đây chủ yếu tập trung ở khu vực nội thị. Đặc biệt hơn, do Hội An là Di sản văn hóa thế giới vì thế dịch vụ du lịch rất phát triển, trong đó có dịch vụ may áo dài. Hiện nay, không chỉ người Việt Nam mặc áo dài, mà ngay cả du khách nước ngoài cũng rất thích mặc và đặt may áo dài tại Việt Nam nói chung, Hội An nói riêng. Vì vậy, tại các cửa hàng kinh doanh vải, thời trang trong Khu phố cổ Hội An đều có dịch vụ may áo dài, "*may nóng*" - may nhanh chỉ trong vòng vài giờ đồng hồ, được nhiều du khách nước ngoài đến may và đặt hàng mang về. Không những phát triển nghề may, tên tuổi của nhiều chủ cơ sở kinh doanh ở Hội An đã đưa trang phục áo dài truyền thống của Việt Nam đến gần với bạn bè bốn phương và nhận được sự yêu chuộng của nhiều phụ nữ trên thế giới.

Đội ngũ nghệ nhân may trang phục áo dài ở Hội An không chỉ là những người trực tiếp thực hành, sáng tạo, trao truyền nghề mà trong thời gian qua họ có vai trò rất lớn trong việc giới thiệu, quảng bá về nghề may trang phục áo dài của địa phương ở trong nước và ngoài nước. Tại một số hoạt động, sự kiện lớn của tỉnh, thành phố họ đã tham gia thiết kế, may trang phục áo dài…. Đặc biệt, trong các hoạt động lễ hội, sự kiện của thành phố, những chiếc áo dài truyền thống, cách tân của các diễn viên, người mẫu mặc trong các sự kiện đó đều do các nghệ nhân có tay nghề ở Hội An thực hiện như nhà may Tuyết Hoa, Trương Thị Lan, Tuyết Phấn,... Một số tiệm may ở Hội An từng được vinh dự may trang phục cho Hoàng hậu Tây Ban Nha, các Nghị sĩ của nhiều quốc gia,... Đây là cơ hội để tuyên truyền quảng bá, đồng thời khẳng định sự phát triển của nghề may Hội An với bạn bè quốc tế.

Một người thợ lành nghề, trong một ngày có thể may được từ 2 đến 3 bộ áo dài, với tất cả các công đoạn. Đối với những người thợ làm công cho các cơ sở may, tiền công được tính theo sản phẩm. Nhìn chung, thu nhập của người thợ may áo dài tương đối ổn định, tạo công ăn việc làm cho nhiều người. Tuy nhiên, một điều đáng quan tâm đối với nghề may trang phục áo dài ở Hội An hiện nay là bên cạnh một số người trẻ dám xông pha, phát triển nghề, có tình trạng đa số lớp trẻ không đam mê, yêu nghề như trước đây. Theo một số người thực hành nghề lâu năm cho biết, hiện nay lớp trẻ không mặn mà với nghề này, có một số thợ học được một thời gian rồi nghỉ,

May áo dài ở Hội An - Ảnh tư liệu

không theo tới cùng. Đối với các nghệ nhân lành nghề vẫn tâm huyết, cố gắng gìn giữ, bảo tồn nghề để trao truyền cho thế hệ mai sau. Dù vậy, một số nghệ nhân tuổi cao, có kinh nghiệm lâu năm trong nghề không còn sức để tham gia thực hành nghề như bà Khuể, bà Châu, bà Hoa,… vì thế, việc gìn giữ, trao truyền kinh nghiệm cũng hạn chế hơn.

Những chiếc áo dài được đo, cắt may với đường kim mũi chỉ tinh tế và sắc sảo bởi đôi bàn tay tài hoa của những người thợ lành nghề phố Hội đã phục vụ nhu cầu tìm đến cái đẹp, cái đặc trưng riêng của địa phương, đồng thời để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách trong và ngoài nước, góp phần bảo tồn và phát huy nét văn hóa đặc sắc, quý giá của dân tộc. Họ chính là người có vai trò lưu giữ, thực hành và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể quý giá này. Trong quá trình thực hành nghề, đội ngũ nghệ nhân với các hình thức thể hiện, biểu đạt, cùng những tri thức, kĩ năng thực hành, kèm theo đó là các công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và không gian văn hóa liên quan, được cộng đồng trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác với ý thức về bản sắc và sự kế tục, duy trì, gìn giữ và phát triển nghề may trang phục áo dài ở Hội An.

Nghề may ở Hội An những năm gần đây là một trong những nghề mũi nhọn trong nền kinh tế du lịch của thành phố. Vậy, để gìn giữ, bảo tồn và phát huy nghề may trang phục áo dài ở Hội An, bên cạnh yếu tố nội tại từ chính mỗi chủ thể thực hành nghề thì việc phát huy vai trò của các nghệ nhân trong việc giới thiệu, trao truyền nghề cho thế hệ trẻ, nâng cao vai trò chủ động, sáng tạo của nghệ nhân và tạo môi trường, các chính sách đào tạo, bồi dưỡng và tôn vinh nghệ nhân là hết sức cần thiết◈

Tài liệu tham khảo:

1. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, tài liệu hội thảo khoa học quốc gia "*Áo dài Việt Nam: Nhận diện, tập quán, giá trị và bản sắc*".

2. Nguyễn Chí Trung (2005), *Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An.

3. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (2008), *Nghề truyền thống Hội An*, Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam.

4. Viện Nghiên cứu Văn hóa Quốc tế, trường Đại học Nữ Showa, "*Trang phục dân gian truyền thống Việt Nam*" (*Trang phục thường nhật của ba miền Bắc Trung Nam*), tập 24, năm 2019.

VÀI NÉT VỀ NGHỀ LÀM NHÀ TRE DỪA CẨM THANH

CN. Võ Hồng Việt - CN. Lê Thị Ngọc Hương

"Đứng lên bằng súng bẹ dừa
Quê ta đồng khởi Mỹ thua ngụy hàng"

Ở Quảng Nam, mỗi khi nghe câu ca này, người dân lại nghĩ về Cẩm Thanh, vùng căn cứ cách mạng với Rừng dừa Bảy Mẫu đi vào huyền thoại qua chiến công đồng khởi bằng súng bẹ dừa vào năm 1964. Rừng dừa nước nơi đây không chỉ "che bộ đội, vây quân thù" mà trải qua hàng mấy trăm năm đã cung cấp nguồn nguyên liệu để góp phần hình thành và phát triển nghề làm nhà tre dừa nổi tiếng ở Cẩm Thanh, góp phần bồi đắp thêm những giá trị đặc sắc của nghề truyền thống Hội An, Quảng Nam.

Cẩm Thanh, tên gọi dưới thời phong kiến là làng/xã Thanh Châu, tổng Thanh Châu, huyện Hòa Vang. Đây là một làng quê nằm về phía Đông Nam của thành phố Hội An hiện nay, cách Khu phố cổ Hội An - Di sản văn hóa thế giới chừng 3km, có diện tích khoảng 970,42ha, trong đó chiếm hơn 1/3 là mặt nước với 348,69ha. Vùng đất này bốn bề bao bọc bởi sông nước, phía Nam và Tây Nam là hạ lưu sông Thu Bồn, phía Đông và Đông Bắc là sông Ba Chươm, và sông Đò ở phía Bắc và Tây Bắc. Sông Đình và sông Đò nối sông Thu Bồn với sông Ba Chươm theo hướng Tây Nam - Đông Bắc. Các nhánh sông, con hói chằng chịt chỗ rộng chỗ hẹp, nơi cạn nơi sâu, quanh co uốn lượn qua những bãi bồi, cồn/gò đất men theo những rặng/triền dừa nước trải dài quanh năm tươi tốt như Thuận Tình (*Cồn Kiện*), Cồn Ông Hơi, Cồn Tiến, Cồn Ba Xã, Gò Hí, Gò Già,… tạo nên phong cảnh hết sức hữu tình thơ mộng. Có lẽ do nằm sát cửa biển Cửa Đại, cũng là vùng hội lưu của 3 nguồn sông lớn của Quảng Nam (*Chiên Đàn, Thu Bồn, Vu Gia*) và sông Cổ Cò nên hệ sinh thái ở Cẩm Thanh rất đặc biệt, đó là kiểu rừng ngập mặn cửa sông với đặc trưng là cây dừa nước - dạng sinh cảnh mà chỉ có thể bắt gặp ở miền Tây Nam bộ. Hệ sinh thái rừng dừa nước ngập mặn nơi đây vừa là môi trường lý tưởng để nhiều loài chim,

Lợp nhà bằng lá dừa nước - Ảnh tư liệu

thủy sản sinh sống, phát triển, góp phần tạo nên sự đa dạng về mặt sinh học để Cù Lao Chàm - Hội An được công nhận là Khu Dự trữ sinh quyển thế giới vào năm 2009, đồng thời cũng tạo nên địa thế hiểm trở, vị trí trọng yếu trong việc phòng thủ, bảo vệ bờ biển, cửa sông. Ngoài dừa nước, tre cũng là loài cây sinh trưởng tươi tốt ở làng quê Cẩm Thanh. Những lũy tre chạy dài theo bờ sông hay dọc đường làng, đầu ngỏ hay cuối vườn không những góp phần tạo nên nét duyên dáng, thanh bình, yên ả của làng quê Cẩm Thanh mà còn cung cấp nguồn nguyên liệu để tạo tác nhiều đồ gia dụng và cất dựng nhà cửa.

Với những ưu đãi về điều kiện tự nhiên và vị thế địa chính trị, quân sự và kinh tế, từ rất sớm, các lớp, thế hệ cư dân đã đến cư trú, sinh sống ở vùng đất Cẩm Thanh và khai phá, phát triển vùng đất này ngày thêm trù phú. Dù bị tàn phá khốc liệt qua 2 cuộc chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, song với hơn 20 di tích, dấu tích gồm các loại hình khảo cổ, lịch sử, kiến trúc nghệ thuật thuộc nhiều thời kỳ lịch sử đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh như móng kiến trúc Chăm và lăng Bà, Miếu tổ nghề yến, lăng Trà Quân, mộ cổ Thứ phi vua Quang Trung, mộ tổ tộc Trần, mộ tổ tộc Lê,… cùng với hệ thống di sản văn hóa phi vật thể phong phú, đa dạng như lễ nghi, lễ hội, phong tục tập quán, văn hóa ẩm thực, văn nghệ dân gian, nghề truyền thống,... khá độc đáo và hấp dẫn, trong đó Nghề khai thác yến sào Thanh Châu đã được công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia,… đã minh chứng cho bề dày, truyền thống lịch sử - văn hóa của Cẩm Thanh trên vùng đất thương cảng quốc tế Faifo - Hội An. Dưới góc độ nghề truyền thống, có thể thấy, bên cạnh nghề khai thác yến sào và nghề buôn ghe bầu vang tiếng một thời, Cẩm Thanh còn nổi tiếng với nghề làm nhà tre dừa khá đặc sắc.

Rừng dừa nước Cẩm Thanh với diện tích 106,01ha phân bố tập trung ở thôn Thanh Tam, Thanh Nhứt, Vạn Lăng, dân gian gọi là Rừng dừa Bảy Mẫu, quanh năm xanh tốt không chỉ chắn sóng gió, tích giữ phù sa, điều hòa khí hậu,… mà nơi đây còn cung cấp lá dừa để cùng với nguyên liệu tre hình thành và phát triển nghề làm nhà tre dừa từ lâu đời phục vụ nhu cầu cư trú của cộng đồng cư dân, và nhu cầu xây dựng các công trình phục vụ du lịch xanh trong thời gian gần đây. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, rừng dừa nước Cẩm Thanh trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc, giúp bám đất, giữ làng làm nên những chiến công oanh liệt mà sự kiện đồng khởi năm 1964 là minh chứng điển hình, góp phần vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc vào mùa xuân năm 1975 lịch sử.

Từ những ghi chép còn lưu giữ lại và qua tư liệu hồi cố cho biết, vào thế kỷ XVI-XVIII, với ưu thế và kinh nghiệm sông nước, lại nằm kề với cảng thị quốc tế Hội An, nghề buôn ghe bầu ở làng Thanh Châu rất phát triển, hình thành tuyến đường buôn bán, trao đổi dọc ven biển miền Trung, thậm chí xuôi ngược đến tận Nam bộ. Nhận thấy vùng nước ngập mặn của làng có thể phát triển được cây dừa nước như ở Nam bộ nên các chủ ghe bầu đã mang giống về trồng rồi dần dần phát triển thành rừng dừa nước bạt ngàn như ngày nay. Bên cạnh việc mang giống về trồng ở vùng đất mới, những tri thức sử dụng lá dừa nước để làm nhà ở cũng được người buôn ghe bầu học hỏi, tiếp thu.

Nhà tre dừa do người thợ ở Cẩm Thanh tạo dựng - Ảnh: Hồng Việt

Trên cơ sở nguồn nguyên liệu sẵn có, tre làm khung sườn chịu lực, lá dừa làm phên vách, lợp mái, bằng tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, người Cẩm Thanh đã phát triển nghề làm nhà tre dừa ngày càng mở rộng, không chỉ đáp ứng nhu cầu tại chỗ mà còn phục vụ cho cư dân các địa phương lân cận; vừa tạo dựng, lưu giữ những giá trị của ngôi nhà tre dừa truyền thống, đồng thời cũng sáng tạo ra những kiểu thức, sản phẩm mới phục vụ du lịch và nhu cầu thẩm mỹ đương đại. Sự phát triển mạnh mẽ của nghề làm nhà tre dừa Cẩm Thanh dần dần ảnh hưởng, lan tỏa đến các địa phương khác như Cẩm Châu, Cẩm An, Cẩm Kim,…

Do chuyên về nghề làm nhà tre dừa nên người dân Cẩm Thanh đã sáng tạo nên hệ thống công cụ rất phong phú với hơn 40 loại được sử dụng trong các công đoạn của nghề, từ khâu chuẩn bị nguyên vật liệu tre dừa, gia công khung sườn, tấm lá đến ráp dựng, hoàn thiện ngôi nhà. Trong đó có một số công cụ tham gia vào nhiều công đoạn sản xuất khác nhau. Mỗi công đoạn đòi hỏi có những kinh nghiệm, bí quyết riêng nhằm tạo nên một ngôi nhà vừa đẹp, vừa sử dụng được lâu dài.

Việc chuẩn bị vật liệu tre dừa đảm bảo chất lượng là một trong những yếu tố quan trọng để làm nên ngôi nhà bền đẹp. Do yêu cầu về độ bền chắc và chống được mọt nên người thợ thường chọn tre già từ 4-5 năm tuổi để làm nhà. Tre được khai thác vào tháng Giêng là tốt nhất vì đây là thời điểm cây tre tích lũy được nhiều chất dinh dưỡng. Sau khi đốn, tre được chuyển đến ngâm trong bùn nước ở những con hói chừng một đến một năm rưỡi để tăng độ bền chắc và chống mọt, sau đó vớt lên gia công khung sườn hoặc nệp làm tấm lá, phên vách,... Người dân đào những hố dài bên bờ hói rồi cẩn thận xếp từng cây tre vào, đóng cọc giữ chặt, sau đó dùng lá dừa đậy lại và lấp đất lên bên trên.

Theo các nghệ nhân nghề làm nhà tre dừa, ở Cẩm Thanh, dừa nước sinh trưởng trên vùng đất cát thân chắc, màu hơi hồng và có độ bền cao hơn so với

cây dừa nước sinh trưởng ở vùng đất bùn, do vậy được ưu tiên lựa chọn để lợp mái. Dừa nước trồng 5 năm có thể khai thác lá, mỗi năm khai thác 2 lần, vào tháng 3 và tháng 8 âm lịch. Người dân dùng dao phay để đốn những tàu lá già, chừa lại tàu non và đọt (*giáo*) dừa để khai thác vào mùa sau. Lá dừa khai thác vào tháng 3 có chất lượng tốt hơn vào tháng 8 do có thời gian sinh trưởng lâu hơn. Để thuận tiện trong việc đốn và vận chuyển được hiệu quả, người dân thường đốn từ ngoài vào giữa đám. Đồng thời với việc đốn lá cũng chặt bỏ bớt những bẹ dừa để rộng đường di chuyển. Trước đây, những bẹ dừa này được phơi khô làm chất đốt đun nấu. Sau khi đốn, những tàu lá dừa được kéo lên bờ hoặc chất lên ghe vận chuyển vào bờ để thực hiện công đoạn sơ chế. Tùy vào mục đích sử dụng làm tấm lợp hay làm phên vách mà tàu lá dừa được róc lấy cộng và lá riêng hoặc xé làm đôi (*thành 2 kiến*) bằng những thao tác hết sức điêu luyện với kinh nghiệm được đúc kết qua thời gian làm nghề. Người dân thường chọn những tàu dừa có lá lớn để róc lấy lá và cộng riêng. Cộng, lá và những kiến dừa sau khi xé được phơi khô rồi bó lại từng bó, bảo quản nơi khô ráo. Để lá dừa được khô đều và thuận lợi khi gia công, người dân thường xếp phơi các kiến cùng chiều và sát với nhau, phần cộng bên trên, lá nằm bên dưới, cứ 50 kiến thì lên ngồng làm dấu. Thời gian phơi tùy thuộc vào thời tiết, khoảng từ 10-20 ngày. Bó lá dừa để bảo quản cũng là một nghệ thuật, đòi hỏi sự tỉ mỉ, cẩn thận đảm bảo lá không bị gãy, cộng phải thẳng. Để có được những bó dừa thẳng thớm người dân xốc các tàu dừa cùng kiến theo một chiều, xỏ dây dừa ở đầu và ngọn dừa rồi rịt chặt lại. Lá dừa sau khi phơi khô có thể ngâm dưới nước nơi thông thoáng chừng 1 tuần, rồi vớt lên phơi lại nhằm tăng độ bền đẹp và chống sâu mọt. Cộng dừa sử dụng làm phên, vách, lót trong mái nhà, đóng la phông… Lá dừa dùng để chằm lá tấm lợp cửa, gia thu, làm dù che, làm áo tơi đi mưa,… Các kiến dừa được xóc thành tấm để lợp mái, làm phên,…

Một ngôi nhà tre dừa truyền thống dù kiểu ba gian hay năm gian, có chái hay không có chái đều được cấu tạo gồm các thành phần: khung sườn chịu lực bằng tre (*cột, kèo, rượng, đòn tay, đòn đông*) và hệ thống bao che (*mái, phên vách, cửa làm bằng lá dừa*) dựng trên nền đất cao. Để tạo dựng một ngôi nhà hoàn chỉnh, công đoạn gia công nguyên vật liệu là hết sức quan trọng, đòi hỏi người thợ phải am hiểu nằm lòng về kết cấu của một ngôi nhà tre dừa truyền thống, yêu cầu về quy mô ngôi nhà, độ cao của nền nhà so với mặt bằng chung,… để sử dụng tre làm cột, kèo, đòn tay, đòn đông, chọn dừa làm tấm lợp, phên vách, cửa cho phù hợp. Đây không chỉ liên quan đến kỹ thuật mà còn là nguồn tri thức phong phú được người thợ, cộng đồng tích lũy hàng mấy trăm năm làm nghề. Tre ngâm đủ thời gian được vớt lên phơi khô trước khi gia công các cấu kiện, bộ phận của ngôi nhà. Trước tiên chọn những đoạn già thẳng chắc, chủ yếu là đoạn phần gốc để làm cột. Những cây tre dài thẳng, to đều với nhau được lựa riêng làm đòn tay. Trong quan niệm dân gian, đòn đông được xem là xương sống của ngôi nhà nên rất thận trọng trong việc lựa chọn tre để làm. Đó là loại tre vừa tuổi, không quá già không quá non vì theo quan niệm "*tre già chết sớm, tre non chết trẻ*", thân cây tre phải to thẳng, không vót tinh tre và phần mắt,

không phải là tre cụt ngọn. Những đoạn tre gốc già, chắc, có đường kính vừa phải dùng làm kèo, rượng. Tre làm con sẻ để liên kết, chốt, làm cửa, nệp phên vách gia thu hay tấm lợp đều phải chọn loại tre già chắc mới bền lâu được. Xưa kia, người thợ dùng cưa tay, đục móng, khoan tay, dao mác,… tỉ mỉ thực hiện từng động tác với những tính toán hết sức cẩn thận đảm tính thẩm mỹ và chắc chắn của ngôi nhà, đồng thời tiết kiệm được nguyên liệu. Hiện nay, việc sử dụng các phương tiện cơ giới trong gia công phổ biến hơn, song những công cụ và kỹ thuật truyền thống vẫn giữ một vai trò quan trọng.

Song song với việc gia công các cấu kiện, bộ phận của khung sườn chịu lực, việc gia công tấm lợp, vách, gia thu, cửa cũng được tiến hành. Tấm lợp (*tấm tranh*) có các loại như tranh hai, tranh ba, tranh tư,... Tùy thuộc vào kích thước, diện tích ngôi nhà mà người thợ chọn dừa xóc tấm tranh cho phù hợp, thường là những kiến dừa có độ dài tương đương nhau. Với sự tỉ mẫn và khéo léo, người thợ sử dụng các dụng cụ thủ công để xóc dừa, liên kết các nệp, lụi bằng tre với các kiến dừa với nhau bằng sợi mây (*sau này sử dụng dây cước*) tạo thành tấm tranh chắc chắn, có chiều ngang chừng 1m. Trước tiên người thợ chọn một chỗ đất bằng đủ rộng, sau đó xếp các kiến dừa khô lại sát nhau với mặt cộng bên trên, dùng cây lụi xuyên qua phần lá bên dưới rồi buộc nệp. Tiếp đến là buộc nệp đầu và các nệp thứ 3, thứ 4,... Các nệp cách nhau 25-27cm sao cho phù hợp với khoảng cách của đòn tay để thuận lợi khi lợp mái. Tùy theo độ rộng và chiều dài của mái mà chuẩn bị tấm tranh nhiều hay ít. Thông thường mỗi mái có 2 - 3 ly (*hàng*) tranh.

Phên vách bao quanh ngôi nhà được làm với nhiều kiểu như phên lá, phên lá xen cộng, phên âm dương, phên

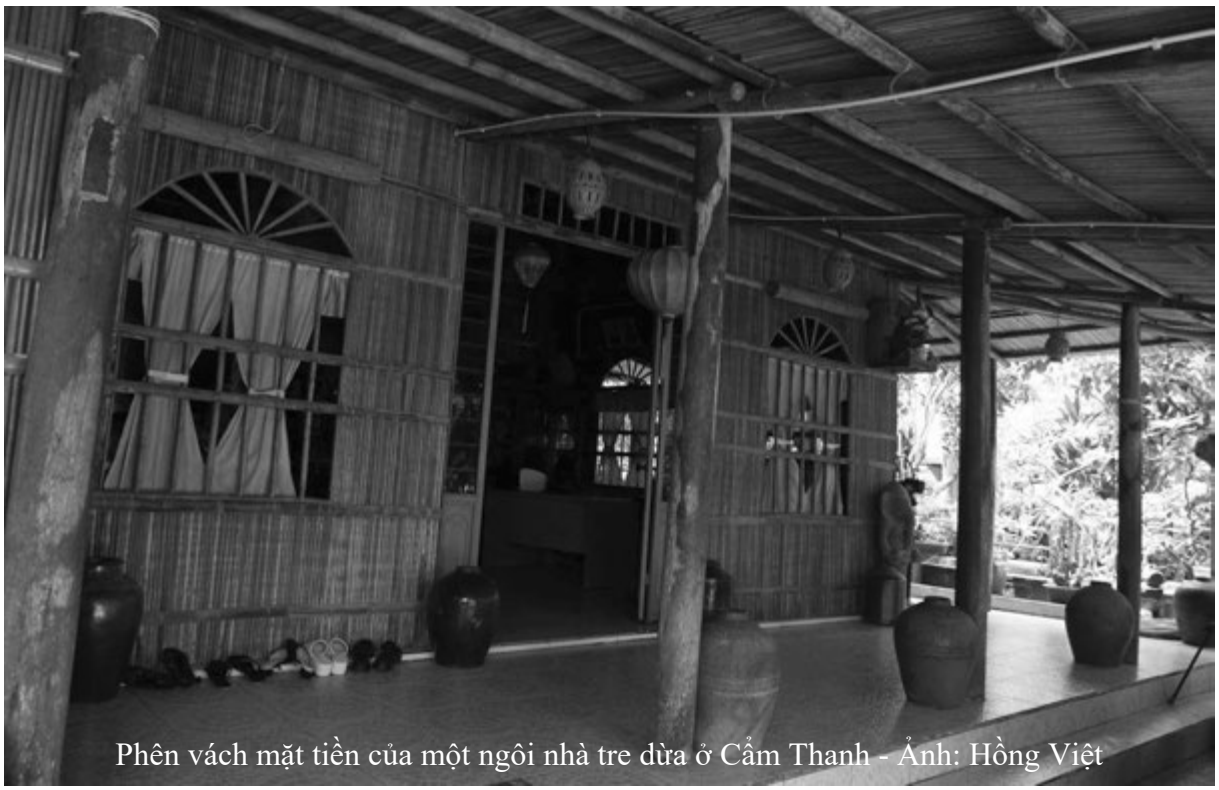

Phên vách mặt tiền của một ngôi nhà tre dừa ở Cẩm Thanh - Ảnh: Hồng Việt

cộng một lớp và nhiều lớp lá… Tùy theo vị trí sử dụng mà ra cỡ xóc phên cho phù hợp và có thể làm theo nhiều kiểu dáng khác nhau như phên liền, phên trổ cửa đi hay cửa sổ, phên trổ ô gió,…

Các bộ phận của ngôi nhà như gia thu (*khu đĩ*), cửa chống cũng được người thợ thực hiện đồng thời với việc gia công phên vách. Gia thu, cửa có khung sườn được làm bằng tre nứt cước/mây hoặc liên kết cố định bằng chốt tre, lợp bên ngoài bằng tấm lá dừa chằm theo từng lớp từ dưới lên trên. Một bộ phận cũng được làm từ lá dừa là bức phong dùng để che đầu đòn tay.

Việc ráp dựng ngôi nhà là công đoạn rất quan trọng trong quy trình thực hành nghề làm nhà tre dừa Cẩm Thanh. Công đoạn này đòi hỏi có sự phối hợp nhịp nhàng của nhiều người thợ. Để chuẩn bị cho việc ráp dựng ngôi nhà, các cấu kiện làm khung sườn chịu lực được người thợ vận chuyển đến nền đất cao dự kiến dựng nhà. Tiếp đến, người thợ ráp kèo và rượng với nhau bằng những con sẻ tre, sau đó buộc kèo rượng với đòn đông, đòn tay bằng sợi mây hoặc dây cước tạo thành khung sườn hệ mái. Theo quan niệm dân gian, tổng số đòn đông và đòn tay được người thợ sử dụng để làm mái nhà bao giờ cũng là "*số sinh*", mỗi mái có 4 hoặc 6 cây đòn tay. Hơn nữa, do coi trọng hướng đông/bên trái nên đòn đông và đòn tay mái nhà sau luôn được người thợ đặt gốc ở bên trái. Chiều dài đòn đông cũng được lấy ở cung tốt theo thước Lỗ Ban. Hàng cột tre phía sau được đặt sẵn trong các lỗ cột sâu chừng 1m. Người thợ thi công ráp dựng nhà dùng thang tre và các cột tre để đỡ khung sườn hệ mái lên tương ứng đầu cột rồi dùng con sẻ liên kết đầu cột với kèo. Thực hiện tương tự như vậy với hàng cột phía trước. Người thợ dùng hệ thống cây chống để cố định khung sườn ngôi nhà, sau đó cân chỉnh về độ cao, khoảng cách phù hợp rồi chôn lấp chân cột trước, sau thật chắc chắn, và dựng thêm các cột cái. Nếu làm kiểu nhà có chái phải tiếp tục dựng thêm khung sườn của mái chái.

Khi khung sườn được cố định chắc chắn, người thợ bắt đầu lợp mái nhà. Từng tấm lá dừa được kéo lên và buộc chặt vào đòn tay, đòn đông theo trình tự ly/hàng tấm tranh phía dưới trước, phía trên sau từ trái sang phải. Sau đó dùng từng kiến lá dừa khô sấp nóc rồi buộc đè lên trên một đoạn tre dài để cố định. Tiếp đến là ráp gia thu, bức phong, dựng phênh vách và ráp cửa sổ, cửa đi. Hầu hết cửa sổ và cửa đi của nhà tre dừa được làm theo kiểu cửa chống. Cây chống cửa đồng thời được sử dụng để gài cửa khi sập xuống.

Sự hình thành và phát triển nghề làm nhà tre dừa Cẩm Thanh không chỉ minh chứng bề dày lịch sử - văn hóa của vùng đất mà còn phản ánh những đặc trưng về sinh thái, tự nhiên nơi đây. Người Thanh Châu xưa, Cẩm Thanh ngày nay với óc sáng tạo và đôi bàn tay khéo léo đã biết khắc phục, vượt qua những khó khăn, tận dụng những ưu thế của tự nhiên để phục vụ cuộc sống mà những giá trị mang lại của nghề làm nhà tre dừa là bằng chứng sống động. Dù không có tổ nghề và hệ thống thờ cúng tín ngưỡng riêng biệt nhưng các gia đình, cơ sở làm nhà tranh tre dừa đã tham gia tích cực trong các lễ cúng cầu an, Tiền hiền của xóm làng để cầu cho mưa thuận gió hòa, thôn xóm yên vui, và đặc biệt cầu cho nghề ngày càng phát triển thịnh đạt. Những đóng góp của nghề làm nhà

Kết cấu hệ mái của một ngôi nhà tre dừa ở Cẩm Thanh - Ảnh: Hồng Việt

tre dừa Cẩm Thanh trong kho tàng di sản văn hóa phi vật thể Hội An nói riêng, của dân tộc nói chung là hệ thống kinh nghiệm, tri thức liên quan đến khai thác các nguồn lợi tự nhiên, văn hóa cư trú; làm giàu thêm ngôn ngữ dân tộc thông qua hệ thống thuật ngữ riêng của nghề. Qua quá trình thực hành nghề, cộng đồng không chỉ đúc kết được nhiều kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả công việc, để làm ra ngôi nhà thêm bền đẹp mà ngày càng sáng tạo ra nhiều sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường và thời đại, thu hút khách du lịch tham gia trải nghiệm với sự thích thú, say mê.

Nhận thức được giá trị của hệ sinh thái rừng dừa nước Cẩm Thanh trong phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế du lịch, cũng như nhằm bảo tồn và phát triển nghề tre dừa truyền thống của địa phương trong bối cảnh mới, thành phố Hội An đã có nhiều chính sách để bảo vệ và phát huy hệ sinh thái rừng dừa nước Cẩm Thanh, phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở nghề truyền thống, đặc biệt là nghề tre dừa, đào tạo và truyền nghề.

Việc kiểm kê, nhận diện và đề xuất hướng bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa nói chung, nghề tranh tre dừa nói riêng ở Cẩm Thanh đã được các cơ quan chuyên môn ở Hội An quan tâm thực hiện từ rất sớm.

Nghề làm nhà tre dừa Cẩm Thanh mang đặc trưng riêng của vùng đất Hội An mà không phải nơi nào cũng có được. Đó không chỉ là sự sử dụng sáng tạo nguồn tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cuộc đời, mà hơn thế nữa, những tinh hoa của nghề đã đóng góp lớn trong kho tàng di sản văn hóa Hội An và sự phát triển kinh tế, xã hội địa phương, đất nước. Với những chính sách phù hợp của các cấp chính quyền thành phố Hội An, sự cần cù, tỉ mẫn và đổi mới sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm của cộng đồng, tin tưởng rằng, những sản phẩm của nghề làm nhà tre dừa Cẩm Thanh sẽ tiếp tục vang danh muôn phương◈

BÁNH LĂN Ở HỘI AN

ThS. Thái Thị Liễu Chi

Theo lời kể của các cụ cao niên tại Hội An, ngày xưa, các gia đình đều có lệ làm bánh, mứt vào những ngày giáp Tết Nguyên đán để dâng cúng tổ tiên với tâm niệm bày tỏ tấm lòng thơm thảo, ngưỡng vọng ông bà, cha mẹ đã khuất; mong sự thành tâm của mình được chứng giám, được phù hộ cho mọi điều may mắn, thuận lợi trong năm mới. Các nhà khá giả thường tổ chức làm đủ thứ bánh, mứt ngon trong dịp này như bánh tét, tổ, nổ, in…, mứt dừa, mứt bí, mứt quật… Trong số nhiều loại bánh ngọt được người dân Hội An ngày xưa ưa chuộng để dâng cúng tổ tiên, tiếp đãi khách những ngày đầu năm, bánh lăn (*còn gọi là bánh da*) tương đối ít kén công nên hầu như gia đình nào cũng có thể làm.

Hội An cũng đã sớm có các tiệm chế biến và buôn bán những loại bánh truyền thống, đặc sản tại địa phương. Đó là kết quả của quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế tự cấp tự túc sang kinh tế hàng hóa sớm diễn ra tại đây qua quá trình giao lưu, phát triển thương nghiệp trong và ngoài nước; càng rõ nét, phổ biến hơn vào thời kỳ Pháp thuộc sau này. Trong số các xưởng bánh buôn bán khá giả tại Hội An từ những năm 1940, tiệm bánh của gia đình bà Dĩnh tại Cẩm Châu hiện vẫn còn thợ nối nghiệp. Bà Dĩnh mở xưởng bánh tại nhà, tức là nhà thờ tộc Lưu, đường Nguyễn Duy Hiệu, phường Cẩm Châu bây giờ, và thuê mặt bằng tại nhà 126 - Nguyễn Thái Học làm tiệm buôn bán. Tiệm không có nhãn hiệu, song người dân vẫn thường gọi là tiệm bánh Bà Dĩnh. Theo ông Lưu Toàn, con trai bà Dĩnh, xưởng và tiệm bánh của gia đình ông mở ra từ năm 1947. Sau hơn 30 năm kinh doanh phát đạt, tiệm này đóng cửa. Tuy nhiên, tất cả công cụ chế biến bánh của cơ sở đều để lại cho hai người học trò là ông Đinh Tứ ở thôn Võng Nhi, xã Cẩm Thanh và ông Vạc ở khối An Mỹ, phường Cẩm Châu. Ông Đinh Tứ tiếp tục gìn giữ, phát triển công thức chế biến bánh lăn và bánh in từ đó đến nay, với nhãn hiệu bánh lăn, bánh in Hường (*tên vợ ông*).

Cũng như một số tiệm bánh lớn ở Hội An cùng thời, xưởng bánh Bà Dĩnh chế biến các loại bánh truyền thống lẫn bánh Tây Âu như bánh in, bánh thuẫn, bánh mỳ, bánh mỳ xú, mè xửng, bánh nướng, bánh trung thu các loại... Thời đó, bánh lăn được chế biến quanh năm, thời vụ làm nhiều là vào dịp rằm, mồng một hàng tháng. Đặc biệt, vào dịp Tết Nguyên Đán, bánh được sản xuất với lượng gấp mười lần ngày thường.

Trong số những người còn nắm giữ tri thức chế biến bánh lăn trên địa bàn thành phố hiện nay, có một số người tổ chức sản xuất bánh tại nhà vào thời vụ giáp Tết, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong thành phố và các vùng lân cận (*Đà Nẵng, Điện Bàn*), như các hộ gia đình ông Đinh Tứ ở thôn Võng Nhi - Cẩm Thanh, ông Lê Liêm ở Thanh Tây - Cẩm Châu, bà Toàn, ông Võ Văn Đợi ở khối Tu Lễ - Cẩm Phô, bà Mận ở khối Hậu

Xá - Thanh Hà… Những cơ sở sản xuất bánh lăn hiện nay ở Hội An có quy mô hộ gia đình, không tổ chức thành xưởng, trại lớn. Địa điểm chế biến bánh là một gian phòng trong nhà. Sản xuất theo mùa vụ nên đa số các cơ sở không lấy thương hiệu mà dựa vào mối hàng quen, làm theo số lượng đặt hàng và dôi ra một ít để khách lẻ đến mua.

Bánh lăn là sản phẩm vật chất phản ánh lịch sử canh tác nông nghiệp lúa nước cùng các cách thức chế biến sản vật có được từ hoạt động trồng trọt của người dân Hội An, là một trong nhiều loại bánh ngon lâu đời nơi đây. Có rất nhiều loại bánh được chế biến từ ngũ cốc như gạo, nếp, bắp, sắn, khoai, đậu... Điều đặc biệt là, các loại bánh ngon thường sử dụng hạt nếp như tét, tổ, nổ, in, ú, ú tro, xoài, bánh khoai hấp... và bánh lăn. Thành phần đơn giản nhất của đòn bánh lăn chỉ gồm có nếp, đường bát và ít đậu phụng rang. Có lẽ hình thức ban đầu của loại bánh này chỉ có vậy, dân dã, đồng quê và luôn sẵn có. Nếp dùng để chế biến bánh lăn phải chọn loại nguyên chất, được xay mịn sau khi rang chín để nhào với nước đường kính trắng hoặc đường bát. Nước sạch, gừng tươi, bí đao, cà rốt, đậu phụng rang, mè rang sẽ góp phần tăng thêm hương vị thơm ngon của đòn bánh. Theo kinh nghiệm của người làm bánh lâu năm, cứ đúng tỉ lệ một ký bột dùng một ký đường, một ký nhưn và gần nửa lít nước là sẽ có đòn bánh lăn dẻo ngon.

Về hình dạng, từ xưa đến nay người dân Hội An cũng đã nghĩ ra nhiều cách tạo hình cho chiếc bánh lăn. Đòn bánh có thể dạng khối hình chữ nhật, dạng trụ tròn, lại có cả kiểu đòn bánh tròn với lớp da mịn bọc ngoài, nhân bánh xoáy ốc đẹp mắt. Để làm bánh dạng khối hình chữ nhật, sau khi nhồi bột cho dẻo mịn, người làm bánh dùng khuôn để tạo hình khối cho chiếc bánh vuông vức, dày 4 đến 5cm, dài 20cm, ngang 5 đến 6cm. Để tạo dáng cho đòn bánh dạng trụ tròn có lớp nhưn xoáy ốc ở giữa, người thợ chia bột nếp thành hai phần. Một phần chỉ trộn nước đường để làm lớp vỏ bánh. Phần bột làm nhân được nhào cùng nước đường đã pha trộn các loại mứt, đậu phụng, mè rang. Tất cả đều được nhào kỹ và cán ra thành từng tấm. Tấm bột dùng làm da bánh bọc ngoài lớn hơn tấm bột làm nhưn một chút. Tiếp đó, họ bôi nước sôi lên khắp tấm bột ngoài, đặt tấm bột có trộn nhưn lên trên, cán qua một lượt và cuộn dần dần lại với lực vừa phải để các lớp bột dính chặt vào nhau, lăn cho bánh mịn và dài thành đòn. Bánh tạo hình xong xuôi được thoa một lớp bột nếp rang phủ bên ngoài. Làm như vậy gọi là "*muối bánh*", các đòn bánh sẽ được khô ráo, không dính vào nhau và bảo quản được lâu hơn. Với kiểu tạo hình này, từng lát bánh lăn được cắt mỏng sẽ có hoa văn xoáy ốc, các loại nhưn bánh nổi rõ màu sắc trên đường xoáy ốc đó, trông rất hấp dẫn.

Nếu làm bánh với lượng bột vừa phải cho nhà dùng, các gia đình có thể sử dụng chày để giã, nhồi bột trong cối đá, sau đó lăn bột thành đòn. Bù lại sự nhọc công hơn hẳn cách nhào bột bằng tay, việc nện, giã khối bột bết dính trong cối giúp đòn bánh lăn có độ dẻo mịn, ngon hơn. Với những nhà làm nghề, cây cán bột là dụng cụ quan trọng nhất, nhiều khi trở thành kỷ vật truyền nghề qua các thế hệ, như của tiệm Bà Dĩnh và gia đình ông Đinh Tứ.

Ngoài các hiện vật, những tri thức, ký ức về nghề của thợ làm bánh từng trải đều là những di sản rất cần được quan tâm tìm hiểu và bảo vệ. Ngày xưa, bánh lăn sau khi đã được phủ bột khô còn được những người thợ tạo dáng rất khéo. Con trai và cũng là thợ chính của xưởng

làm bánh Bà Dĩnh kể lại rằng, để trang trí cho đòn bánh lăn thêm hấp dẫn, họ đã sáng tạo nên dụng cụ in màu lên mặt bánh bằng cách tận dụng các trục chỉ. Trục chỉ thời đó làm bằng gỗ. Họ dùng dao sắc khía các rãnh dọc chung quanh trục chỉ để làm khuôn hình. Chấm đầu khuôn ấy vào phẩm màu đỏ rồi in lên mình đòn bánh sẽ cho ra những bông hoa đều nhau. Nhụy hoa là lỗ tròn của trục chỉ. Sau đó, bánh được bao bọc cẩn thận bằng giấy gương màu đỏ, xanh, vàng… càng tăng thêm vẻ ngoài trang trọng và tỏ rõ sự chu đáo của người làm ra đòn bánh. Một gói bánh có thể gồm một hay nhiều đòn, tùy theo giá thành và được dán mí bằng hồ khuấy từ bột nếp, rất kín đáo và chắc chắn.

Trước đây, ngoài dịp Tết Nguyên đán, vào những hôm rằm, mồng Một hàng tháng, bánh lăn là một trong số khá nhiều loại bánh truyền thống được các xưởng bánh ở Hội An chế biến để cung cấp cho thị trường. Song, ngày càng có nhiều loại bánh tiện lợi hơn, mẫu mã đẹp, mùi vị mới lạ, để được lâu… nên những loại bánh mộc mạc truyền thống như bánh lăn dần ít được người dân chú ý, lựa chọn. Thói quen ít ăn đồ ngọt so với trước đây cũng ảnh hưởng đến tập tục này của người dân. Hiện nay, bánh lăn chỉ còn được làm vào dịp trước và sau Tết Nguyên đán, đến khoảng rằm tháng Giêng. Số gia đình còn giữ thói quen tự làm bánh lăn để cúng và đãi khách vào dịp Tết Nguyên đán cũng không còn nhiều. Bây giờ, nếu có cúng bánh lăn thì các gia đình ở Hội An chủ yếu chọn cách mua ở chợ hoặc các xưởng quen. Nguy cơ mai một của tập tục văn hóa này đang diễn ra và có xu hướng ngày càng tăng vì số người biết làm bánh ngày càng già yếu, không còn duy trì việc làm bánh, làm nghề; thế hệ trẻ không quan tâm học cách chế biến vì không cảm thấy thích thú và hữu ích với họ. Tri thức dân gian về cách chế biến món bánh truyền thống này, theo đó cũng đang bị thu hẹp dần trên địa bàn thành phố.

Có thể thấy, bánh lăn chính là sản phẩm vật chất do bàn tay, trí sáng tạo của con người nhào nặn ra, nhằm chuyển tải các thông điệp về tâm linh, tinh thần của con người. Đây không phải là một loại bánh ăn vặt thường ngày, mà chủ yếu được tạo ra với mục đích dâng cúng trong dịp lễ lạt, thể hiện tấm lòng thành kính của người dân nơi đây với ông bà, tổ tiên. Việc tổ chức làm các loại bánh thờ cúng ông bà, tổ tiên cũng phản ánh tư duy, thói quen sinh hoạt văn hóa của cư dân nơi đây nói riêng, cư dân nông nghiệp lúa nước nói chung. Trong khoảng thời gian nhàn hạ nhất của một năm, người dân đã dành thật nhiều công sức, thời gian để chế biến, sáng tạo, chuẩn bị tươm tất cho việc hậu tạ ơn trên và tận hưởng một kỳ nghỉ giải lao dài ngày sau mùa vụ nhiều vất vả.

Đằng sau ý nghĩa đón cái Tết thật no đủ, thịnh soạn bằng những phẩm vật từ đồng đất, mùa màng vừa thu hoạch để dâng cúng tổ tiên và cùng nhau thưởng thức trong bầu không khí quây quần, vui vẻ, ấm cúng còn là câu chuyện về không gian, nề nếp văn hóa luôn cần được quan tâm gìn giữ. Nơi diễn ra các hoạt động lao động, sản xuất, tín ngưỡng của gia đình, cộng đồng ấy là môi trường nuôi dưỡng tâm hồn Việt qua bao thế hệ nối tiếp. Những tri thức dân gian trong việc chế biến bánh lăn cũng như các loại bánh mứt truyền thống được lưu giữ, tiếp nối qua bao thế hệ, trở thành một nét đẹp văn hóa, nhân văn của con người Hội An. Thiết nghĩ, đó cũng chính là ý nghĩa sâu sắc luôn cần được khơi dậy trong tâm thức mỗi con người trong thời đại mới về cái tết Cả, tết cổ truyền dân tộc, như một cách gìn vàng giữ ngọc vốn quý của ông cha truyền lại◈

BÁNH MÌ PHỐ HỘI - CÂU CHUYỆN KHẨU VỊ

CN. Khiếu Thị Hoài

Phố Hội là cách gọi trìu mến, thân thương của nhiều người đối với Phố cổ Hội An. Ca dao Hội An có câu: "*Hội An trăm vật trăm ngon/Người thanh cảnh lịch, tiếng đồn chẳng sai*". Thật vậy, môi trường tự nhiên ưu đãi cho Hội An các nguồn tài nguyên dồi dào, phong phú, tươi, non để những người dân phố Hội tạo tác nhiều món ngon, đưa ẩm thực địa phương ra thế giới.

Trong những món ăn nổi tiếng ở Hội An, có lẽ bánh mì là món thể hiện tính nghệ sĩ của người làm ra món ăn này hơn cả. Cũng ổ bánh mì của một lò, với chừng ấy nguyên liệu để bỏ vào nhưn (*nhân*), chỉ cần người bán thêm một chút nguyên liệu ở ổ này hay bớt một chút nguyên liệu ở ổ khác sẽ sáng tạo các ổ bánh mì hoàn toàn khác nhau theo khẩu vị của từng thực khách. Hẳn sẽ không hề quá lời khi nói rằng, mỗi ổ bánh mì là sản phẩm của nghệ thuật ẩm thực sáng tạo không trùng lặp. Xung quanh ổ bánh mì, không chỉ là những câu chuyện về khẩu vị mà còn là những câu chuyện về văn hóa ứng xử của người phố Hội.

1. Bánh mì Hội An xưa

Bánh mì (*baguette*) là món ăn được chế biến từ bột mì. Theo một số nghiên cứu, bánh mì chính thức có mặt ở nước ta gần như cùng thời điểm với công cuộc viễn chinh của người Pháp ở Đông Dương. Rất nhanh chóng, món bánh này được người Việt đón nhận và thưởng thức theo phong cách ẩm thực riêng tùy theo vùng miền. Theo một cách, hay nhiều cách thú vị nào đó của sự giao thoa văn hóa, bánh mì đã, đang trở thành nét tiêu biểu cho ẩm thực của người Việt - là một di sản văn hóa hiếm hoi từ thời Pháp thuộc vẫn còn tồn tại và không ngừng phát triển cho đến ngày hôm nay.

Ở Hội An, vào khoảng những năm 1944 - 1945, người dân đã biết đến món điểm tâm có tên là mạc nạm. Gần giống như món bò kho ở chỗ cùng được nấu bằng phần bạc nhạc của thịt bò nhưng món mạc nạm khác hẳn ở cách thức chế biến và đặc biệt ở gia vị. Theo ông Minh Hương[1], vào những năm 40 của thế kỷ trước, người Hội An ăn bánh mì con cóc với món mạc nạm. Ổ bánh giống nắm tay và chỉ to hơn nắm tay người lớn một chút nên gọi gọi bánh mì con cóc. Một xu[2] đến một xu rưỡi một ổ, tùy cỡ lớn nhỏ.

Theo hồi cố của ông Thái Tế Thông (*người Hội An thường gọi là ông Chảy*), vào trước năm 1945, ở Hội An có

[1] Minh Hương (năm 2000), *Hội An quê tôi*, Nxb Văn học, tr.71.

[2] Một xu bằng đồng, lỗ tròn, giá trị bằng một phần trăm đồng bạc Đông Dương. Minh Hương, Sđd, tr.71.

Bỏ nhưn và chan gia vị vào bánh mì - Ảnh: Thị Hoài

lò bánh mì của ông Mợ Phu - người Hoa, bang Gia Ứng. Sau năm 1945 ở Hội An có lò bánh mì Quân An của ông Mang Chược[3]. Lò bánh mì này phát đạt đến mức sau đó người chủ mua được nhà của gia đình ông Thông trên đường Trần Phú, xây thêm một cơ sở sản xuất nữa. Cũng theo lời kể của ông Thông, sau năm 1945, một người thợ của ông Mợ Phu tên là ông Xường, nguyên là lính Vân Nam, trong thời gian lưu lạc ở Hội An, ông Xường làm thợ trong lò bánh của ông Mợ Phu, học được kỹ thuật làm bánh và sau đó mở lò riêng ở ngôi nhà sát bên hông hội quán Quảng Triệu. Cũng khoảng thời gian này, ở khu vực Sơn Phong[4] có lò bánh mì của bà Bùi Thị Trung, hoạt động trong khoảng 10 năm.

Từ sau năm 1960 trở đi, ở Hội An có hai lò bánh mì điện, làm bằng bột mì của Mỹ. Ông Thông kể, ngày hiệu buôn Hoàng Hiệp mang lò bánh mì điện từ ngoài Đà Nẵng về Hội An là một sự kiện đối với người trong phố, nhiều người kéo đến xem. Ông Thông là chỗ thân quen với những người công binh mới có thể mượn được xe để chở lò bánh mì đó vào phố, và họ đã làm đường ray để đưa cái lò đó vào nhà.

Theo lời kể của ông Lê Châu[5], vào khoảng năm 1970, ở Hội An có hai lò bánh mì: lò bánh mì của nhà Hoàng Hiệp và lò bánh mì ông Lang. Trong đó, lò bánh mì Hoàng Hiệp (*mang tên hiệu buôn của gia đình*), người chủ lò tên là Hứa Thiên Phước, tên thường gọi là ông Hột, chỉ cách nhà ông Châu vài ngôi nhà. Ngày ông Hột khai trương lò bánh mì, cha của ông Châu[6] - khi đó là hiệu trưởng trường nam Hội An - được mời đến nhận những chiếc bánh mì của mẻ ra lò đầu tiên do ông Hột trao tặng cho các học sinh để ăn nửa buổi. Ở gần lò bánh mì gần nhà nên mỗi sáng sớm mở cửa đi học, ông đã nghe mùi thơm từ lò bánh mì của nhà Hoàng Hiệp.

Trải qua thời gian, khi các lò bánh mì kể trên không còn hoạt động, nhiều lò

[3] Nay là ngôi nhà 57 trên đường Trần Phú.

[4] Theo hồi cố của ông Thái Tế Thông, lò bánh mì này ở gần nhà đèn Hội An, hoạt động từ năm 1947 cho đến khoảng 10 năm sau.

[5] Hiện đang trú tại số nhà 36 Nguyễn Thái Học.

[6] Cha của ông Lê Châu tức thầy Lê Khuê.

bánh mì ở ngoại vi thành phố đã ra đời. Trong đó, nổi bật là lò bánh mì 304[7] - nơi có nhiều thợ giàu kinh nghiệm, giỏi những kỹ thuật, cung cấp bánh cho nhiều tiệm bánh mì ở ngã tư đường phố và những tiệm bánh mì sang trọng, có thương hiệu trong và ngoài nước như tiệm bánh mì Madam Khánh và bánh mì Phượng.

2. Khẩu vị của những tủ bánh mì bình dân ở ngã tư đường phố

Mỗi lần có việc đi công tác vào Sài Gòn, tôi đều hỏi bạn thích món gì ở Hội An thì tôi mang vào. Lần nào bạn cũng trả lời: "*Mang cho anh vài ổ bánh mì Phố Cổ là nhất rồi*".

Bánh mì Phố Cổ bạn tôi thích là bánh mì ở tủ bánh nằm ở ngã tư đường Trần Hưng Đạo - Lê Lợi, một ngã tư ngay gần khu phố cổ. Lần nào về Hội An, anh cũng ngồi ăn hai ổ bánh mì Phố Cổ rồi mới tiến hành các công việc của mình. Không lớn như tiệm bánh mì Phượng và tiệm bánh mì Madam Khánh - những thương hiệu đã nổi danh trong và ngoài nước - những tiệm bánh mì Phố Cổ, bánh mì bà Lành, bánh mì cô Cúc, bánh mì cô Tâm Hoa... chỉ là các tủ bánh mì nhỏ, thường nằm ở ngã tư, một phần do thuận tiện cho người mua dễ dàng tạt qua, dừng lại để mua, một phần do đúng gu "*đậm vị*", đậm chất ẩm thực địa phương theo cách chưa bị lai tạp để phù hợp khẩu vị của số đông du khách nên những tủ bánh mì ngã tư này thu hút hầu hết dân nghiền bánh mì Hội An.

Đặc trưng của những ổ bánh mì này là lát thịt xíu và nước nhưn (*nước nhưn*) đậm đà, thấm thía. Người bán dường như nhớ khẩu vị của từng khách, biết rõ ai ăn nhiều rau, ai không ăn ớt, người nào thích chan ớt tương chưng, người nào thích thêm vài lát ớt xanh xắt mỏng ... Những buổi sáng sớm, khách ghé tủ bánh mì thường vội nhưng họ gần như không bao giờ nói lời hối thúc. Người mua kiên nhẫn chờ đến lượt mình, người bán từ tốn xẻ bánh mì, ân cần rưới nước sốt, gắp từng lát thịt xíu, bỏ rau, nước nhưn và đưa cho khách.

Đã hơn ba mươi năm gắn bó với tủ bánh mì, bà Lành bảo "*cũng có vài người trong gia đình phụ giúp, nhưng tôi vẫn thức dậy từ bốn năm giờ sáng để tự tay xíu thịt và làm nước nhưn, nước sốt*". Người Hội An nói riêng, người Quảng Nam nói chung, ăn gì cũng phải thấy "*thấm thía*" mới cho là ngon. Miếng thịt xíu được ướp hàng chục loại gia vị, thời gian ướp phải đủ lâu và khi xíu phải chú tâm vào việc điều khiển bếp để ngọn lửa chỉ liu riu. Để có miếng thịt xíu thấm thía, đậm đà mà không quá mặn - một trong những loại nguyên liệu dùng làm nhưn bánh - là cả một nghệ thuật.

3. Khẩu vị của những thương hiệu bánh mì nổi danh thế giới

Hôm chuẩn bị quà để mang vào Sài Gòn, tôi không chỉ mua bánh mì Phố Cổ như bạn dặn mà mua cả bánh mì ở tiệm cô Phượng và tiệm Madam Khánh. Bạn tôi ăn bánh và nhận ra ngay bánh của từng tiệm, dù tôi có ý đánh đố khi để chung các ổ bánh mì với nhau.

Nếu bánh mì của những tủ bánh nằm ở ngã tư đường phố ngon ở sự thấm

[7] Lò bánh mì 304 do gia đình bà Võ Thị Tuấn làm chủ.

Tiệm bánh mì Phố Cổ ở ngã tư Lê Lợi và Trần Hưng Đạo - Ảnh: Thị Hoài

thía, đậm đà hương vị theo gu của người địa phương thì bánh mì Phượng và bánh mì Madam Khánh ngon ở sự hài hòa các hương vị trong từng ổ bánh. Để có sự hài hòa ấy, người làm bánh cần có sự cảm nhận tinh tế về mức độ trong quá trình chế biến, gia giảm nguyên liệu.

Tiệm bánh mì Phượng

Trước hết, tôi đề cập, chia sẻ về tiệm bánh mì Phượng và cách sáng tạo nhân bánh mì của chị - người chủ thương hiệu bánh mì Phượng giờ đây danh tiếng đã lan khắp thế giới. Cha Nam, mẹ Bắc, sau ngày đất nước thống nhất chị Phượng mới được về Hội An cùng gia đình. Hội tụ trong chị là những tố chất của một người miền Bắc giỏi giang trong chế biến ẩm thực đến mức được công nhận trong câu truyền khẩu của dân gian qua nhiều đời, rằng "*ăn Bắc, mặc Nam*". Bên cạnh đó, về nguyên tắc ẩm thực, "*chất*" Hội An, Quảng Nam cũng rất đậm trong chị: Từ hơn 30 năm trước, khi tiệm bánh chưa nổi tiếng trên thế giới cho đến bây giờ, chị vẫn là người thích sự rõ ràng, cụ thể, nói theo cách người Quảng, đó là "*cái chi ra cái nấy*" và chị cũng là một người tài hoa trong việc sử dụng kết hợp các loại gia vị từ tự nhiên trong khi chế biến nhân bánh mì.

Còn nhớ, ngày Hội An bắt đầu đón những du khách quốc tế đầu tiên, ý thức tiệm bánh mì của mình giờ không chỉ phục vụ cho những người Hội An mà còn cho du khách các nước, chị Phượng đã tìm hiểu về sở thích ẩm thực của các quốc gia qua những người thân, qua bạn bè và qua chính những khách hàng ngoại quốc của mình. Để chế biến thực phẩm

làm nhưn bánh, bên cạnh việc áp dụng kinh nghiệm nấu nướng của ông bà thể hiện ở những câu thành ngữ như "*Con gà cục tác lá chanh, con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi*", chị Phượng tăng thêm nhiều tỏi, sả vì biết khách nước ngoài đặc biệt thích hai vị này. Khi các loại thịt, các loại nước sốt đã được chế biến xong để làm nhưn bánh, chị vẫn tiếp tục linh hoạt điều chỉnh liều lượng của các loại nhưn trong từng ổ bánh mì để phù hợp với thực khách đến từ mỗi quốc gia khác nhau. Không hề quá lời khi nói rằng mỗi ổ bánh mì do chị Phượng làm ra là một tác phẩm của nghệ thuật ẩm thực sáng tạo không trùng lặp.

Sau khi được đầu bếp danh tiếng thế giới Anthony Bourdain ghé ăn, quay phim và giới thiệu "*Bánh mì ngon nhất Việt Nam*" với thế giới, chị càng chăm chút cho từng ổ bánh mì. Nhất là khi chuyển tiệm bánh về nơi khang trang hơn tại số 2 Phan Châu Trinh (*Hội An*) hiện nay, chị có thể quan sát việc thưởng thức bánh mì của khách ngay tại tiệm nhiều hơn trước, nếu thấy người nào không ăn hết một ổ bánh mì, chị đều đến hỏi tỉ mỉ và trò chuyện thân tình để điều chỉnh và làm ổ khác cho phù hợp với khẩu vị của người đó.

Được khách quốc tế đến ăn và giới thiệu rất nhiều trên các trang cộng đồng mạng như Foursquare, TripAdvisor, tháng 5 năm 2019, bánh mì Phượng nức tiếng từ phố cổ Hội An đã có mặt tại Seoul (*Hàn Quốc*).

Tiệm bánh mì Phượng mang không gian đậm chất phố cổ Hội An được nằm ở giữa lòng Hàn Quốc. Trước ngày khai trương chính thức, chị Phượng đã sang Hàn Quốc khoảng 10 ngày để hướng dẫn đầu bếp người Hàn các công thức làm bánh đạt chuẩn. Những ngày đầu hoạt động, mỗi ngày tiệm đón khoảng 100 khách. Khách Hàn Quốc tới thưởng thức rất đông, trong đó có cả những ngôi sao đình đám xứ Kim Chi.

Khi được hỏi về lý do lựa chọn Seoul làm địa điểm mở thêm cơ sở mới, chị Phượng nói: "*Tại Hội An, khách Hàn ghé quán rất đông, chiếm khoảng 40% lượng khách. Họ có phản hồi rất tích cực về món ăn. Vì vậy, tôi mới quyết định chọn Seoul để thêm cửa hàng*".

Thực đơn bánh mì tại cơ sở Hàn Quốc giữ được đầy đủ nét đặc trưng của bánh mì Phượng (*Hội An*) ở Việt Nam như bánh mì thịt bò với trứng, bánh mì thịt nướng, bánh mì thập cẩm, bánh mì gà với cheese và salad, bánh mì sữa đặc. Bánh có giá dao động từ 7.000-8.000 won/cái (*tương đương 140.000-160.000 đồng*). Chị Phượng cho biết, hương vị của bánh ở Hàn đạt khoảng 70 - 80% hương vị gốc. Ngoài men bánh mì nhập khẩu từ Việt Nam sang, các nguyên liệu còn lại đều được mua tại Hàn.

Tiệm bánh ở Hàn Quốc có không gian thoáng, rộng tạo cảm giác thư thái để thực khách ngồi thưởng thức hương vị bánh mì. Nếu ở Hội An, quán phục vụ hơn chục loại khác nhau, tại Seoul, thực khách chỉ có thể chọn nhưn thịt nướng, gà với phô mai, thịt bò hoặc thập cẩm. Đây cũng là các loại nhân được khách chuộng nhất ở Hội An. Các loại rau ăn kèm trong ổ bánh mì không kém phần đa dạng so với các loại nhưn, gồm dưa leo, ngò, xà lách... như bản gốc. Tiệm nhỏ ở

Hàn Quốc còn phục vụ thêm các loại cà phê như cà phê cốt dừa, cà phê sữa đá...

Câu chuyện ẩm thực kể cũng lạ. Khi tiệm bánh mì Phượng được vinh danh là "*bánh mì ngon nhất Việt Nam*", "*bánh mì ngon nhất thế giới*" và mỗi ngày dòng người xếp hàng đến từ năm châu để chờ tới lượt mình mua ổ bánh mì trước cửa tiệm càng dài ra thì người địa phương Hội An lại ít đến ăn ở tiệm bánh mì Phượng hơn. Phải chăng, do người Hội An với bản tính "*nhân tình thuần hậu*" muốn nhường chỗ cho những thực khách phương xa hay vì người Hội An vẫn chỉ thích chung thủy với chất đậm đà của bánh mì truyền thống mà ngại thử ăn bánh mì với những hương vị mới lạ?

Còn tôi, tuy chẳng phải là người Hội An theo nghĩa được sinh ra và lớn lên ở mảnh đất này nhưng với 20 năm sinh sống ở Hội An, tôi vẫn vừa thích ổ bánh mì hài hòa hương vị ở tiệm bánh mì Phượng vừa thích ổ bánh mì bình dân, đậm đà hương vị địa phương của những tủ bánh mì nằm ở ngã tư các con đường quen thuộc bởi ở ổ bánh mì nào tôi cũng đều cảm nhận được chất nghệ sĩ của người làm ra nó.

Thi thoảng, trong những buổi chiều rảnh rỗi, đôi khi tôi cũng thử "*sắm vai*" một du khách, hòa mình trong dòng người chờ sắp hàng trước cửa tiệm bánh mì Phượng, vừa nhẩn nha chứng kiến sự kiên nhẫn của thực khách, ngắm nghía những đôi bàn tay khéo léo của các đầu bếp... Sau cả nửa giờ xếp hàng, tôi cũng mua được ổ bánh mì và vào tiệm ngồi ăn bên những người khách đến từ năm châu. Nhìn họ vừa ăn bánh mì vừa trầm trồ, chụp hình "*check in*" hay "*live stream facebook*" thật hạnh phúc.

Bánh mì Madam Khánh

Những năm gần đây, có người nói bánh mì Madam Khánh ngon hơn bánh mì Phượng. Khi đánh giá về ẩm thực sẽ có sự tham gia chủ quan bởi yếu tố phù hợp khẩu vị của thực khách, việc buôn bán, kinh doanh cũng có lúc thịnh, khi suy. Đó là điều tất yếu, bình thường. Tuy nhiên, có một sự thật, bánh mì Madam Khánh được hầu hết tất cả mọi người ưa thích. Lịch sử hình thành của bánh mì Madam Khánh đã xuất hiện từ nhiều năm trước, nổi tiếng trong phục vụ nhu cầu cho người địa phương và hàng nghìn du khách trên thế giới khi về Hội An. Danh tiếng của thương hiệu bánh mì Madam Khánh còn được lưu truyền trong dân gian Hội An qua câu truyền khẩu:

"*Bún giò bà Lương, bún xương bà Tỳ,*
bánh mì bà Khánh"

Tên hiệu buôn ra đời trước hết nhằm phục vụ nhu cầu, chức năng định danh, gọi tên về địa điểm, cơ sở buôn bán, kinh doanh dịch vụ. Quá trình hình thành tên các hiệu buôn, hàng quán ở Hội An cũng là một quá trình mang tính quy luật đi từ không có tên đến có tên, từ tên đơn giản đến tên mang những ý nghĩa khác nhau. Qua khảo sát thực tế, chúng tôi thấy rằng, cách đặt tên hiệu buôn, hàng quán sớm nhất là lấy tên người chủ để đặt tên. Đây cũng là một trong những quy luật đặt tên nơi buôn bán mang tính dân gian[8]. Thương hiệu

[8] Trần Ánh (*2014*), *Nghề buôn và tên hiệu buôn trong đời sống văn hóa ở Hội An*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.165.

bánh mì Madam Khánh đã bén rễ vào ý thức của cộng đồng cư dân Hội An qua việc truyền khẩu như vậy.

Những ngày đầu tiên thành lập, bánh mì Madam Khánh chỉ là một tủ bánh nhỏ đáp ứng nhu cầu ăn uống của khách du lịch đến nhìn ngắm đô thị cổ. Tuy nhiên, chính nhờ tình yêu và đam mê làm bánh mì của mình, người chủ tiệm bánh mì Madam Khánh đã nỗ lực cho ra đời các mùi vị siêu độc đáo. Bánh mì Madam Khánh đem lại đặc trưng đáng nhớ nếu bạn đã từng một lần ăn. Theo thời gian, mùi vị của bánh mì này được đông đảo mọi người biết đến và săn tìm. Một câu chuyện đáng nói về tiệm bánh mì Madam Khánh, người chủ quán có tên gọi là Lộc, Khánh là tên của chồng bà. Trải qua hơn 3 thập kỷ, thương hiệu bánh mì Madam Khánh đã nổi tiếng khắp nơi, không chỉ đối với dân bản địa mà còn cả các khách du lịch gần xa. Có được thành công này là bởi trước thời điểm mở quầy hàng bánh mì Madam Khánh, chủ tiệm bánh mì là bà Lộc đã thử hết các loại bánh mì được nhiều người biết đến thời đó rồi nghiên cứu và tự sáng tạo ra món bánh mì đặc biệt gia truyền riêng này.

Phần nhưn bánh được bà Lộc chuẩn bị rất công phu, toàn bộ nguyên vật liệu đều được nhà làm 100% và chế biến theo công thức riêng. Những nguyên liệu như trứng, thịt nướng, pate, chả và nước sốt cũng vậy. Đặc biệt, bánh mì bà cũng đặt riêng tại một lò uy tín, có tiếng ở Hội An. Bánh mì của Madam Khánh có nhiều loại nhưn cho bạn tha hồ chọn lựa phù hợp

Du khách mua và thưởng thức bánh mì Phượng - Ảnh: Thị Hoài

với khẩu vị của bản thân mình: Bánh mì gà, bánh mì thịt heo, bánh mì trứng chiên, bánh mì chay, bánh mì thập cẩm…

Đặc biệt, vừa nghe bánh mì gà dường như ai ai cũng nghĩ rằng nhưn bánh mì được kẹp bằng nguyên liệu gà. Tuy nhiên, bánh mì gà của Madam Khánh nổi bật bởi ngoại hình của chiếc bánh ở chỗ nó không quá dài cũng không quá ngắn mà tròn tròn theo dạng bánh hamburger. Nhưn bánh mì gà cũng khá đặc biệt với nguyên liệu chính từ trứng gà, chà bông, cà rốt, đu đủ xanh, thêm tương ớt với những ai thích ăn cay.

So với các cửa hàng bánh mì khác, tiệm bánh mì Madam Khánh có khá nhiều các loại nhưn khác nhau. Mùi vị và công thức từng loại nhưn cũng khác xa nhau. Bánh mì Madam Khánh được thực hiện theo một công thức gia truyền riêng tạo nên sự cân đối cho bánh, nước sốt vừa đủ để bánh có độ béo ngậy nhất định.

Thêm một điều đặc biệt, bên cạnh tủ bánh mì Madam Khánh luôn kèm theo lò than nướng kiểu truyền thống. Bánh mì trước khi đưa cho khách hàng sẽ được cho lên lò nướng lại cho đến khi bánh có độ giòn. Thưởng thức bánh mì của Madam Khánh, bạn sẽ được trải nghiệm với ổ bánh mì mà ở đó, lớp vỏ ngoài của bánh mì giòn rụm, ruột bánh mì mềm, thơm phức bởi hương vị đậm đà của nước sốt. Tất cả cùng hòa quyện và làm nên một ổ bánh mì hấp dẫn.

Trong điều kiện chủ quan của mình, tôi chưa phải là người được nếm nhiều vị bánh mì tại các thành phố lớn và tại những địa phương khác ở trong nước, quốc tế để có thể so sánh, đánh giá. Tuy nhiên, sống ở Hội An nhiều năm, được trải nghiệm trực tiếp với việc thưởng thức hầu hết các loại bánh mì từ tiệm bình dân ở ngã tư đường phố đến các loại bánh mì nổi danh thế giới ở những hiệu bánh lớn như bánh mì Phượng, bánh mì Madam Khánh cùng với việc hàng ngày chứng kiến cộng đồng, du khách thưởng thức món ăn này, bản thân tôi tự hào về món bánh mì Hội An. Tôi có niềm tin xác quyết, rằng bánh mì Hội An không chỉ hấp dẫn bởi bản thân vỏ bánh, nhưn bánh ngon theo cách mỗi người chủ đều có kiểu chế biến với công thức riêng, vừa thống nhất với tính gia truyền vừa linh hoạt đầy chất sáng tạo của người nghệ sĩ ẩm thực mà còn bởi, xung quanh việc chế biến, thưởng thức ổ bánh mì, không chỉ là những câu chuyện về khẩu vị mà còn là những câu chuyện có bề dày văn hóa của người phố Hội. Bạn hãy thử về phố cổ Hội An, khi thưởng thức một ổ bánh mì, bạn sẽ cảm nhận bề dày văn hóa hàng trăm năm giao lưu, hội tụ và sự sáng tạo, công phu của mỗi người chủ tiệm◈

Tài liệu tham khảo:

1. Minh Hương (2000), *Hội An quê tôi*, Nxb Văn học, Hà Nội.

2. Trần Ánh (*2014*), *Nghề buôn và tên hiệu buôn trong đời sống văn hóa ở Hội An*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

3. Khiếu Thị Hoài (*2018*), *Rủ nhau ăn bánh mì Phố Hội*, Tư liệu phỏng vấn sâu và bài viết trên báo Thể thao & Văn hóa của tác giả (*https://thethaovanhoa.vn/ru-nhau-an-banh-mi-pho-hoi-20180126144404756.htm*)

PHÁT TRIỂN DU LỊCH XANH Ở LÀNG GỐM THANH HÀ

CN. Trương Hoàng Vinh

Làng gốm Thanh Hà cách Khu phố cổ Hội An 3km về phía Tây, có lịch sử hình thành, phát triển trải 500 năm và từ năm 2001, làng nghề trở thành điểm tham quan du lịch đầu tiên ngoài Khu phố cổ. Với những giá trị truyền thống và trải qua quá trình nỗ lực bảo tồn, phát huy di sản văn hóa làng nghề, vào ngày 27/8/2019, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 2965/QĐ-BVHTTDL đưa nghề gốm Thanh Hà vào Danh mục di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia.

Hiện nay, cùng với nhiều điểm du lịch khác trong cả tỉnh, làng gốm Thanh Hà đang thực hiện điểm đến du lịch xanh theo tinh thần của Nghị quyết Tỉnh ủy lần thứ 4, Khóa XXII (*ngày 20/3/2021*) về phát triển thương mại du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030. Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu một số thông tin về sản phẩm du lịch xanh trên nền tảng di sản văn hóa của làng gốm Thanh Hà như là một tiền đề, kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện tốt mục tiêu xanh trong thời gian tiếp theo.

Từ lâu người dân làng gốm đã xác định việc phát triển sản phẩm ngành nghề, sản phẩm du lịch là dựa trên nền tảng di sản văn hóa nghề gốm của cha ông, đời sống văn hóa làng quê, làng nghề. Hướng đi xanh này của làng nghề

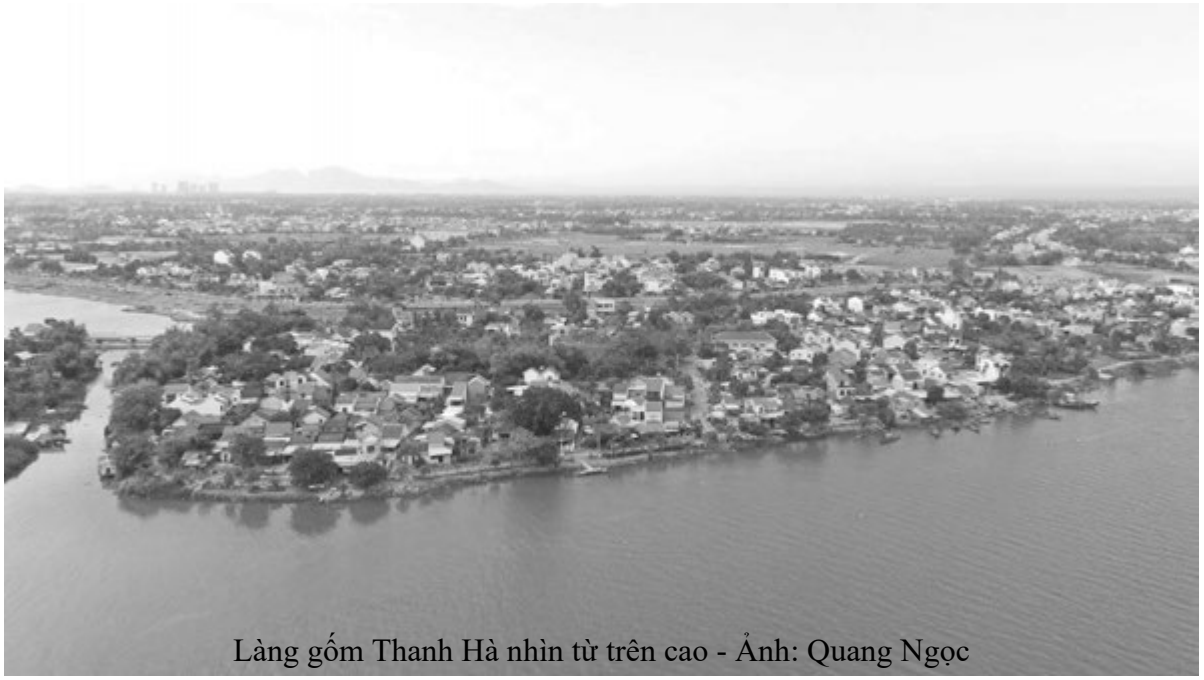

Làng gốm Thanh Hà nhìn từ trên cao - Ảnh: Quang Ngọc

đã được sự quan tâm hỗ trợ các cơ quan chức năng, hiệp hội nghề nghiệp từ đó đã đạt được nhiều kết quả đáng kể.

1. Về sản phẩm du lịch, các lễ hội, hoạt động văn hóa truyền thống

Năm 2001, điểm tham quan du lịch làng gốm Thanh Hà được Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An giao cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao nay là Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình Hội An quản lý, khai thác. Đến năm 2013, Ban quản lý du lịch làng gốm Thanh Hà ra đời do Ủy ban Nhân dân phường Thanh Hà chủ trì. Đến năm 2016, Công viên đất nung Thanh Hà được hình thành, một đơn vị du lịch do tư nhân đầu tư trong không gian trung tâm làng gốm. Công viên có diện tích 6000m^2, gồm các phân khu: Khu làng nghề Nam Diêu, Khu trại sáng tác, Khu xúc tiến thương mại, khu bảo tàng gốm và Khu triển lãm ngoài trời, trải nghiệm chế tác gốm, trưng bày sản phẩm, tác phẩm điêu khắc, hội họa. Đây được xem là một trong những mô hình đầu tư xã hội hóa từ nền tảng di sản văn hóa làng gốm để bảo tồn, phát huy, quảng bá làng nghề gốm ở Thanh Hà và của Hội An. Ngoài ra, tại Công viên có những tour du lịch xanh thông qua kết nối với học sinh, sinh viên ở Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi… về với di sản văn hóa, trải nghiệm hoạt động ngành nghề truyền thống từ năm 2017 - nay. Theo thống kê trên trang thông tin Facebook của Công viên gốm đất nung Thanh Hà, từ ngày 23/3 - 18/4/2021, có ít nhất 5 đoàn (*với khoảng 300 cháu tham gia*) tham quan trải nghiệm của các cháu học sinh mầm non, tại đây các cháu được tìm hiểu, trải nghiệm làm gốm (*thi thợ gốm nhí tài ba*), được hiểu biết về các công trình kiến trúc - kỳ quan của thế giới… Có tour du lịch thân thiện với môi trường là từ 13/3/2021 (*do Công viên đất nung Thanh Hà chủ trì: Tham quan Khu phố cổ, đến làng gốm Thanh Hà bằng Shuttle bus điện, 1 giờ trải nghiệm tại Công viên đất nung Thanh Hà*), có tour trải nghiệm chuốt gốm, chơi trò chơi (*đập nồi*), tham quan bảo tàng, chụp ảnh lưu niệm.

Làm con thổi - Ảnh tư liệu

Đối với Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình Hội An - đơn vị quản lý tour tuyến làng gốm

Thanh Hà (*không kể Công viên đất nung Thanh Hà*) còn kết nối với các công ty lữ hành ở Hội An tổ chức tour đường thủy: Khu phố cổ - Làng mộc Kim Bồng - Làng gốm Thanh Hà - Khu đền tháp Mỹ Sơn… Qua đây cũng cho thấy đã có sự kết nối tour theo nội dung, chủ đề: lịch sử kiến trúc Khu phố cổ, làng nghề (*gốm, mộc*), đền tháp Champa, theo địa bàn: Hội An - Điện Bàn - Duy Xuyên. Tại Khu làng gốm, du khách được tham quan theo tour do Trung tâm thực hiện (*30.000đ/vé*) có lộ trình: Tham quan đình Xuân Mỹ, xem cơ sở làm gốm, trải nghiệm chuốt gốm tại một điểm, tham quan lò gốm và nhận quà tại cơ sở ông Ngụy Trung, đi dạo đường làng, thăm một số di tích tín ngưỡng của làng nghề (*miếu Tổ nghề gốm Nam Diêu, miếu thờ Ngũ hành*), các nhà làm gốm... Những khách có nhu cầu đến tham quan tại Công viên đất nung Thanh Hà mua vé riêng (*40.000đ/vé*). Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình Hội An cũng kết nối các đơn vị lữ hành du lịch được thực hiện thường xuyên các tour du lịch làng nghề từ học đường (*ở Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi…*), khách theo nhóm, gia đình.

Di sản văn hóa lễ hội của làng nghề không ngừng được phát huy thu hút du khách tham quan, trải nghiệm. Trong đó đặc biệt là Lễ hội Tế tổ nghề gốm (*mồng 10 âm lịch hàng năm*), trong chương trình lễ có hát bội, lễ tế cáo trời đất, tổ nghề, các vị thần bảo hộ, các vị tiền hiền, hậu hiền, âm linh, nghi thức tống Long chu. Ở phần hội có các hội thi: chuốt gốm, trưng bày sản phẩm gốm, nặn con thổi và các trò chơi đập nồi, hội đua ghe… Năm 2021, Ban quản lý du lịch làng gốm Thanh Hà tổ chức phiên Chợ Tết quê không đồng diễn ra vào 6/2[1] với nhiều sản phẩm ẩm thực, trò chơi, hoạt động trình diễn nghệ thuật truyền thống được trình diễn, phục vụ miễn phí cho người dân. Hoạt động này đã tạo dựng lại một không gian văn hóa chợ Tết truyền thống một cách nhân văn ấm áp nghĩa tình, chia sẻ khó khăn cho mọi người gặp hoàn cảnh khó khăn do bị tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19… Các sinh hoạt, sự kiện văn hóa, tour du lịch kể trên là một hoạt động tái tạo văn hóa sinh động, từng bước chạm đến cảm xúc của con người khi đến với làng gốm, đây là một điểm rất xanh của du lịch.

2. Về các sản phẩm gốm

Việc hình thành sản phẩm con thổi (*12 con giáp*) vào cuối thập kỷ 90, thế kỷ 20, những sản phẩm nhỏ nhắn gắn với câu chuyện văn hóa Việt Nam, nhu cầu nguyên liệu không cao (*tiết kiệm tài nguyên*), dễ làm (*mọi người đều có thể làm được để có sinh kế*). Con thổi tạo nên một sản phẩm đặc trưng của làng nghề mà mỗi du khách đến tham quan đều được tặng và du khách cũng dễ dàng mua làm quà lưu niệm khi tham quan Khu phố cổ Hội An. Một thích ứng khác rất xanh của người thợ gốm là chế tác ra dòng tranh gốm, mặt nạ gốm, vẽ tranh lên những sản phẩm gốm, hoặc chế tác bộ sản phẩm ẩm thực từ đồ nhựa thân

[1] http://hoianrt.vn/tin-tuc/van-hoa-xa-hoi/co-mot-cho-tet-que-khong-dong-o-lang-gom-thanh-ha.html

thiện với môi trường. Những hướng đi thân thiện với môi trường (*ít nhu cầu nguyên liệu đất sét hơn những sản phẩm gia dụng truyền thống*) này vẫn đảm bảo tính cạnh tranh với các dòng sản phẩm gốm sứ cao cấp khác vì giàu thông điệp văn hóa từ nghệ nhân, có ưu thế độc đáo của dòng gốm đỏ không men, góp phần quảng bá giá trị văn hóa Hội An.

3. Về các hoạt động trang trí, cổ động

Việc thiết kế các pano áp phích cổ động, tuyên truyền giá trị về làng gốm Thanh Hà, các công trình đón tiếp đã được Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An, các cơ quan chức năng chỉ đạo thực hiện thân thiện với môi trường. Thực tế là các hàng rào chè tàu ven đường làng được gìn giữ theo *Qui chế quản lý, bảo tồn di tích làng gốm Thanh Hà*, các bảng hiệu, nhà đón tiếp khách được làm từ vật liệu gỗ, có độ cao, kiểu dáng phù hợp với làng nghề. Bảng thông tin điểm đến Khu du lịch làng gốm Thanh Hà được xây bằng gạch - vật liệu truyền thống của làng nghề. Ngay tại Khu tiểu cảnh giữa ngã tư đường Hùng Vương - Duy Tân - 28/3, lối dẫn vào làng gốm, xung quanh được trồng bằng hoa và gắn một chậu gốm đất nung - biểu tượng sản phẩm, biểu trưng văn hóa của làng nghề… Các gian hàng (*trong các lễ hội, phiên chợ quê đều được làm từ tre, gỗ, tranh*), trại chế tác gốm đều làm từ vật liệu thân thiện với môi trường.

Nhìn chung, việc tạo ra những sản phẩm du lịch từ những hoạt động trải nghiệm làm nghề, tham dự lễ hội, tham gia các trò chơi truyền thống đến thưởng lãm sản phẩm gốm thủ công truyền thống, không gian văn hóa thân thiện môi trường đã tạo nên một sản phẩm du lịch xanh. Đây là tiền đề, kinh nghiệm quan trọng để người dân làng gốm, đơn vị quản lý điểm đến cũng như các khu, điểm du lịch khác trong việc thực hiện những mục tiêu xanh khác...◈

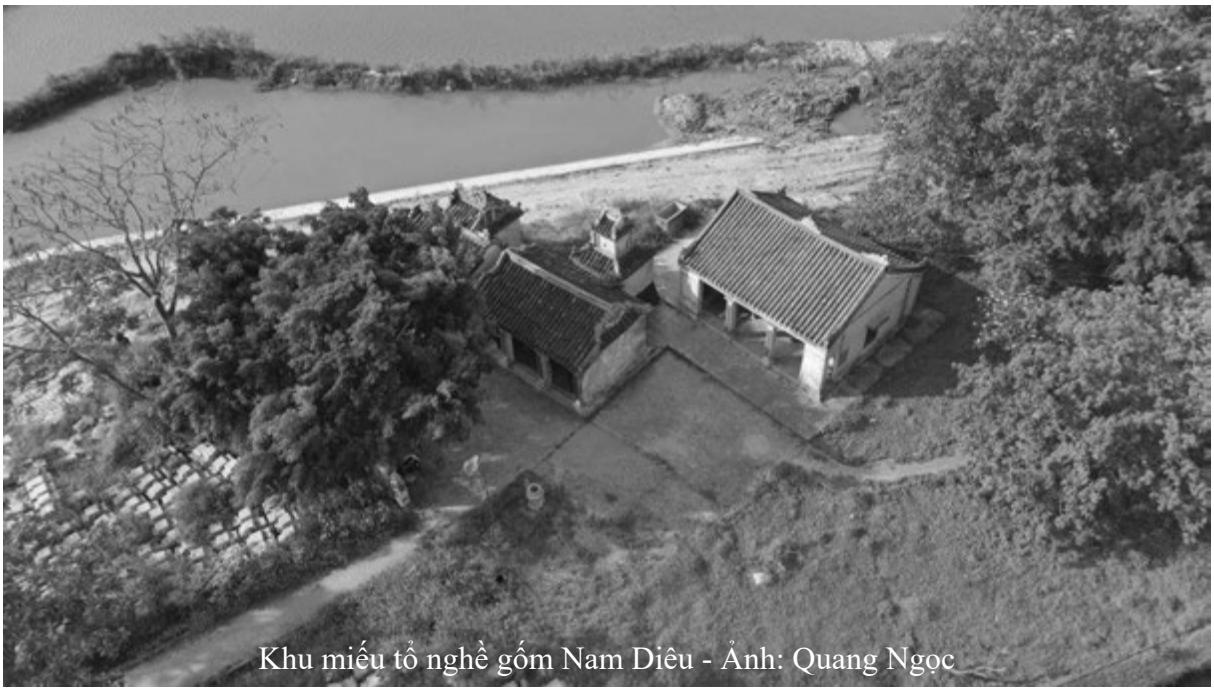

Khu miếu tổ nghề gốm Nam Diêu - Ảnh: Quang Ngọc

THÔNG TIN VỀ ĐỊA BẠ XÃ PHƯỚC AN

Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản

Trong quá trình khảo sát, sưu tầm, bổ sung nguồn tư liệu Hán Nôm về Hội An phục vụ công tác nghiên cứu và phát huy, chúng tôi đã may mắn tiếp cận tư liệu địa bạ xã Phước An, một trong những xã hình thành sớm ở Hội An vào khoảng cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19. Nhằm thông tin về tư liệu này, dưới đây xin giới thiệu phần phiên âm và dịch nghĩa địa bạ xã Phước An được lập vào năm Gia Long thứ 14 (*1815*).

- Phiên âm[1]:

[1] Do thu hạng điền.

Bản xã thực trưng tư điền tam sào, tịnh thu hạn điền.

Nhất bạch sa thổ tam bách thập nhị mẫu nhất sào.

Nội kết lập gia cư bạch sa tứ mẫu.

Nội kết lập thần từ thiên tự bạch sa nhất mẫu ngũ sào.

Nội hoang gian bạch sa tam bách lục mẫu lục sào.

[2] Điện Bàn phủ Võng Nhi thuộc Thanh Châu tổng phụ lũy Phước An xã xã trưởng Bằng Trương Văn Bằng, hương mục đội trưởng Ứng Lương Văn Ứng, Cai đình Thi Phạn Đình Kình cựu xã Thư Trần Viết Thư, trùm Hòa Nguyễn Văn Hòa, lão Thể Phạm Đình Khương bản xã đẳng.

Thân vi do Canh Quý niên phụng hữu.

Đồng từ loại khai bản xã địa phận tư điền bạch sa thổ các hạng mỗ xứ sở đông tây tứ cận mẫu sào xích thốn đẳng đệ khai bạ đầu nạp thừa khai minh bạch cụ.

Thân

Bản xã địa phận.

Đông cận Đại Chiêm hải môn.

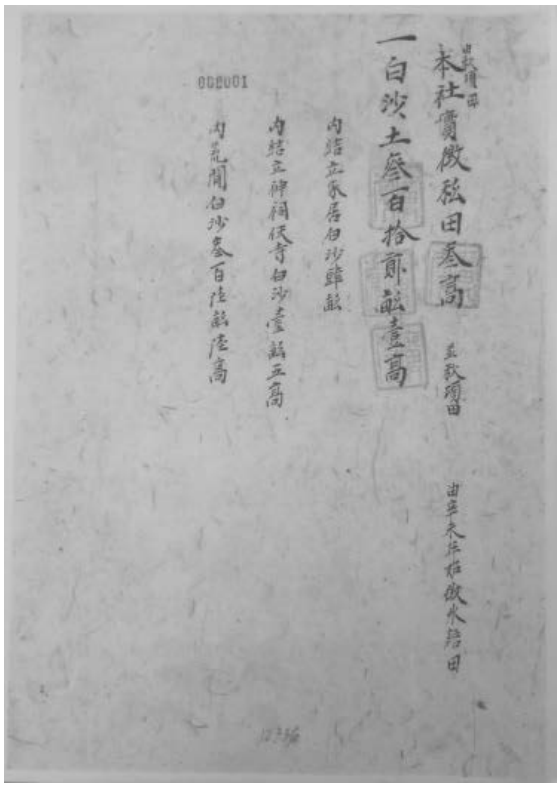

Trang đầu địa bạ xã Phước An.
Nguồn: Trung tâm QLBT DSVH Hội An

[1] Phiên âm, dịch nghĩa do CN. Lê Thị Lưu thực hiện.

Tây cận bản xã nội tổng Đại An xã địa phận Đại Phước xứ nhị xã, tịnh dĩ lập … mộc vi giới, [3] hựu cận Diên Khánh huyện Phú Triêm hạ tổng Thanh Hà xã địa phận, Cồn Động xứ nhị xã tịnh dĩ lập […] mộc […] mộc vi giới.

Nam cận giang

Bắc cận hải

Bản xã thực trưng tư điền tam sào, tịnh thu điền khoảnh.

Nội Tân Mùi niên thủy trưng ngoại ngữ điền.

Do thu vụ điền

Phù Sa Bãi Dài xứ thực trung nhất sở điền tam sào, tịnh thu hạng do Tân Mùi niên thủy trưng, bản xã đồng canh.

Đông cận giang

Tây cận giang

Nam cận giang

Bắc cận bản xã Làng Câu xứ bạch sa.

Bạch sa thổ cửu khoảnh tam bác thập nhị mẫu nhất sào.

Làng Câu xứ thất hạng nhị bách cửu thập nhị mẫu nhất cao

[4] Đông cận Đại Chiêm hải môn

Tây cận bản xã Đại Phước Cồn Cát nhị xứ bạch sa

Nam cận giang hựu cận bản xã Phù Sa Làng Dài xứ bản xã đồng canh tư điền

Bắc cận hải.

Nhất hạng nhị mẫu do bản xã cửu lập gia cư

Đông cận bản xã hoang gian bạch sa

Tây cận bản xã đình từ bạch sa

Nam cận giang

Bắc cận bản xã hoang gian bạch sa.

Nhất hạng nhị mẫu do bản xã cựu lập gia cư

Đông cận bản xã đình từ bạch sa

Tây cận bản xã Phật tự bạch sa

Nam cận sông

Bắc cận bản xã hoang gian bạch sa.

[5] Nhất hạng ngũ sào, do bản xã cựu lập Phật tự

Đông cận bản xã gia cư bạch sa

Tây cận bản xã hoang gian bạch sa

Nam cận giang

Bắc cận bản xã hoang gian bạch sa.

Nhất hạng ngũ sào, do bản xã cựu lập thần từ đình

Đông cận bản xã gia cư bạch sa

Tây cận bản xã gia cư bạch sa

Nam cận giang

Bắc cận bản xã hoang gian bạch sa.

Nhất hạng ngũ sào do bản xã cựu lập miếu từ

Đông cận bản xã hoang gian bạch sa

Tây cận bản xã Đại Phước xứ bạch sa

[6] Nam cận giang

Bắc cận bản xã hoang gian bạch sa.

Nhất hạng thập ngũ mẫu, do hoang gian bạch sa

Đông cận bản xã Phât tự bạch sa

Tây cận bản xã miếu từ bạch sa

Nam cận giang

Bắc cận bản xã hoang gian bạch sa.

Nhất hạng nhị bách thất thập nhất mẫu lục sào, do hoang gian bạch sa

Đông cận Đại Chiêm hải môn

Tây cận bản xã bạch sa gia cư hựu cận Đại Phước Cồn Cát nhị xứ bạch sa

Nam cận giang, cận bản xã gia cư Phật tự thần từ đình miếu bạch sa, hựu cận hoang gian bạch sa, hựu cận Phù Sa, Làng Dài xứ bản xã đồng canh điền

Bắc cận hải.

[7] Đại Phước xứ bạch sa thổ nhất hạng thập mẫu, do hoang gian bạch sa

Đông cận bản xã Làng Câu xứ bạch sa

Tây cận Đại An xã giới hạn Đại Phước xứ bạch sa.

Nam cận giang

Bắc cận hải.

Cồn Cát xứ bạch sa thổ nhất hạng thập mẫu, do hoang gian bạch sa.

Đông cận bản xã Làng Câu xứ bạch sa.

Tây cận Thanh Hà xã giới hạn Cồn Động xứ bạch sa

Nam cận giang hựu cận bản xã Cồn Cát xứ bạch sa

Bắc cận Đại Phước xứ bạch sa.

Dĩ thượng hữu tự chỉ tứu trương tịnh dĩ loại khai tường tận y như bạ nội. Nhược vọng khai bất thực dĩ công vi tư, dĩ điền thổ vi bạch sa, ẩn lậu điền thổ tự nhất xích dĩ thượng. Hậu sai tư […] cập hà nhân tố cáo tra quả tức xã trưởng Bằng [8] Trương Văn Bằng, chí lão Thể Phạm Đình Khương cam thụ trọng tội vô từ. Tư đoan.

Gia Long thập tứ niên thập nhị nguyệt thập nhật.

Thân

Xã trưởng Bằng Trương Văn Bằng điểm chỉ.

Hương mục Đội trưởng Ứng Lương Văn Ứng điểm chỉ.

[9] Cai đình Thi Phạm Đình Kình điểm chỉ

Cựu xã Thư Trần Viết Thư điểm chỉ

Hộ bộ Lệnh sử ty Câu kê Niên Thành nam, Cẩn Tín bá, Thủ hiệp Chiếu Quang tử, Đô Tín phụng cứu y Giáp Tuất niên nhập bạ.

Trực lệ Quảng Nam doanh Thư ký Biên Quang hầu, Tả thừa ty Công phòng Thủ hiệp Thoại Ngọc nam phụng cứu ký.

Trùm Hòa Nguyễn Văn Hòa điểm chỉ.

Lão Thể Phạm Đình Khương điểm chỉ.

Tả bạ nhập đồ Thu Trương Văn Châu tự ký.

[10] Minh Mạng thập nhị niên lục nguyệt sơ lục nhật tuân.

Dụ truy dụng phụng nạp Hộ Bộ đường tồn chiếu.

[11] Phụng cải Hộ ty ty vụ Nguyễn Văn Văn ký

Phụng đối độc

Hộ ty vị nhập lưu Thư lại Trần Duy Bửu ký

Trấn ty Hộ phòng Thí sai Chánh cửu phẩm Thư lại Bùi Viết Hiếu ký.

Vị nhập lưu Thư lại Nguyễn Văn Nhơn, Hoàng Văn Miên ký.

- Dịch nghĩa:

Bổn xã thực trưng ruộng tư 3 sào, cùng ruộng hạng thu, do năm Tân Mùi bắt đầu trưng thu ruộng ngoài.

Đất cát trắng 312 mẫu 1 sào

Đất cát trắng 4 mẫu giữ làm đất canh tác

Đất cát trắng giữ làm đất thờ thần từ Phật tự 1 mẫu 5 sào

Đất cát trắng bỏ hoang 306 mẫu 6 sào.

Xã Phụ lũy Phước An tổng Thanh Châu thuộc Võng Nhi phủ Điện Bàn, những người trong xã Xã trưởng Bằng Trương Văn Bằng, Hương mục Đội trưởng Ứng Lương Văn Ứng, Cai đình Thi Phạm Đình Kình, Cựu xã Thư Trần Viết Thư, trùm Hòa Nguyễn Văn Hòa, lão Thể Phạm Đình Khương.

Do năm Canh Qúy phụng theo tờ truyền của Công đồng quan về việc kê khai các loại đất công, tư, cát trắng, đất cát loại ở tại xứ nào, đông tây bốn bên, mẫu sào xích thước, kê khai đệ nạp rõ ràng minh bạch, cụ thể.

Địa phận của xã

Đông cận cửa biển Đại Chiêm

Tây cận 2 xứ Đại Phước địa phận xã Đại An cùng tổng lập cây làm giới hạn, lại cận 2 xã xứ Cồn Động địa phận xã Thanh Hà tổng Phú Triêm hạ huyện Diên Phước, lập cây … làm giới hạn.

Nam cận sông

Bắc cận biển.

Bản xã thực trưng ruộng tư 3 sào, cùng khoảnh ruộng thu, năm Tân Mùi bắt đầu canh trưng ruộng ngoài

Ruộng vụ thu

Xứ Bãi Dài Phù Sa, thực trưng 1 sở ruộng 3 sào, cùng hạng thu, năm Tân Mùi canh trưng, bản xã cùng canh tác.

Đông giáp sông

Tây giáp sông

Nam giáp sông

Bắc giáp đất cát trắng xứ Làng Câu của xã.

Đất cát trắng 9 khoảnh 312 mẫu 1 sào.

Xứ Làng Câu 7 khoảnh 292 mẫu 1 sào.

Đông cận cửa biển Đại Chiêm

Tây cận đất cát trắng 2 xứ Cồn Cát Đại Phước

Nam cận sông, lại cận ruộng tư cùng canh tác của xã xứ Bãi Dài Phù Sa.

Bắc cận biển.

Một khoảnh 2 mẫu, do xã cũ giữ đất làm nhà ở.

Đông cận đất cát trắng bỏ hoang của xã

Tây cận đất cát trắng đình từ

Nam cận sông

Bắc cận đất cát trắng bỏ hoang của xã.

Một khoảnh 2 mẫu, do xã cũ giữ làm đất ở

Đông cận đất cát trắng của đình từ

Tây cận đất cát trắng Phật tự

Nam cận sông

Bắc cận đất cát trắng của xã.

Một khoảnh 5 sào, do xã cũ lập thành đất thờ Phật

Đông cận đất cát trắng nhà ở của xã

Tây cận đất cát trắng bỏ hoang của xã

Nam cận sông

Bắc cận đất cát trắng bỏ hoang của xã.

Một khoảnh 5 sào, do xã cũ lập thành đất miếu thờ

Đông cận đất cát trắng bỏ hoang của xã

Tây cận đất cát trắng xứ Đại Phước

Nam cận sông

Bắc cận đất cát trắng bỏ hoang của xã

Một khoảnh đất 15 mẫu, đất cát trắng bỏ hoang

Đông cận đất cát trắng Phật tự

Tây cận đất cát trắng miếu thờ

Nam cận sông

Bắc cận đất cát trắng bỏ hoang của xã.

Một khoảng 271 mẫu 6 sào, đất cát trắng bỏ hoang

Đông cận cửa biển Đại Chiêm

Tây cận đất cát trắng của xã

Nam cận sông

Bắc cận đất cát trắng bỏ hoang của xã.

Một khoảng 15 mẫu, đất cát trắng bỏ hoang của xã.

Đông cận đất cát trắng Phật tự của xã

Tây cận đất cát trắng miếu thờ của xã

Nam cận sông

Bắc cận đất cát trắng bỏ hoang của xã.

Một khoảng 271 mẫu 6 sào.

Đông cận cửa biển Đại Chiêm

Tây cận đất cát trắng nhà ở của xã, lại cận đất cát trắng 2 xứ Cồn Cát Đại Phước

Nam cận sông, lại cận đất cát trắng miếu, đình Phật tự thần từ gia cư của xã, cận đất cát trắng bỏ hoang, cận ruộng tư cùng canh tác của xứ Bãi Dài Phù Sa

Bắc cận biển.

Xứ Đại Phước đất cát trắng 1 khoảng 10 mẫu, đất cát trắng bỏ hoang.

Đông cận đất cát trắng xứ Làng Câu của xã

Tây cận xã Đại An giới hạn đất cát trắng xứ Đại Phước

Nam cận sông

Bắc cận biển.

Xứ Cồn Cát đất cát trắng 1 khoảnh 10 mẫu, đất cát trắng bỏ hoang

Đông cận đất cát trắng xứ Làng Câu của xã

Tây cận xã Thanh Hà lấy đất cát trắng xứ Cồng Động làm giới hạn

Nam sông, lại cận đất cát trắng xứ Làng Câu của xã

Bắc cận đất cát trắng xứ Đại An.

Trên là văn tự 4 trang, đã kê khai các loại tường tận y như trong bạ. Nếu khai không đúng sự thật, lấy công làm tư, lấy ruộng, đất làm cát trắng, ẩn giấu ruộng đất từ 1 thước trở lên. Sau này có người này tố giác, tra khảo mà ra kết quả, tức xã trưởng Bằng Trương Văn Bằng, chí lão Thể Phạm Đình Khương

cam thụ trọng tội không lời biện tụng. Nay xét.

Ngày 10 tháng 12 năm Gia Long thứ 14 (*1815*)

Xã trưởng Bằng Trương Văn Bằng điểm chỉ.

Hương mục Đội trưởng Ứng Lương Văn Ứng điểm chỉ.

Cai đình Thi Phạm Đình Kình điểm chỉ

Cựu xã Thư Trần Viết Thư điểm chỉ

Câu kê ty Lệnh sử của Bộ hộ kê Niên Thành nam, Cẩn Tín bá, Thủ hiệp Chiếu Quang tử, Đô Tín phụng lệnh xem xét.

Thư ký doanh Trực lệ Quảng Nam Biên Quang hầu, Tả thừa ty Công phòng Thủ hiệp Thụy Ngọc nam phụng lệnh xem xét, ký.

Trùm Hòa Nguyễn Văn Hòa điểm chỉ.

Lão Thể Phạm Đình Khương điểm chỉ.

Người viết địa bạ thầy Thu Trương Văn Châu tự ký.

Ngày mùng 6 tháng 6 năm Minh Mạng thứ 12 (*1831*)

Truy dụng phụng nạp cho Hộ bộ đường tồn chiếu.

Phụng sửa đổi

Hộ ty ty vụ Nguyễn Văn Văn ký

Phụng lệnh đọc kiểm tra

Hộ ty vị nhập lưu Thư lại Trần Duy Bửu ký

Trấn ty Hộ phòng Thí sai Chánh cửu phẩm Thư lại Bùi Viết Hiếu ký.

Vị nhập lưu Thư lại Nguyễn Văn Nhơn, Hoàng Văn Miên ký◈

Một góc làng Phước An hiện nay - Ảnh: Hồng Việt

MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ DÂN ĐINH, HẠNG ĐINH, TUYỂN BINH QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ HÁN NÔM Ở HỘI AN

CN. Lê Thị Lưu

Dưới triều Nguyễn, hay các triều đại quân chủ trước đó, lực lượng quân đội luôn được chú trọng hoàn thiện về mặt cơ cấu, bộ máy tổ chức, biên chế số lượng và hệ thống các văn bản quy định từ tuyển quân, huấn luyện,… cho đến các hình thức khen thưởng, kỷ luật nghiêm ngặt.

Qua các nguồn tư liệu sưu tầm tại các gia đình, dòng họ, các Trung tâm lưu trữ trong cả nước đã góp phần khẳng định giá trị, tầm quan trọng, sự giao thoa văn hóa, lịch sử của Hội An. Từ quá trình nhập cư, lịch sử phát triển, sự trao đổi, mua bán hàng hóa, thuế khóa, thuyền buôn, cũng như những luật lệ, quy củ, hay những văn bản liên quan đến triều đình nhà Nguyễn, những chỉ dụ, truyền trát, bẩm tâu,… còn có những vấn đề liên quan đến việc tuyển binh, duyệt binh, đưa dân vào hạng đinh theo yêu cầu đáp ứng nhu cầu chống giặc ngoại xâm trong tình hình lúc bấy giờ.

Đối với triều đình nhà Nguyễn, công tác tuyển chọn binh lính luôn được chú trọng trên tinh thần: "*Binh lính là để giữ nước, quý về khỏe mạnh mà tinh nhanh, tài giỏi lại càng quý*". Cũng như nhằm củng cố lại tổ chức quân đội, triều đình nhà Nguyễn đã đề ra quy định chặt chẽ, quy củ theo từng hạng mức dân đinh như sau: "*Binh đinh người nào là hạng tuyển thì giao về vệ, cơ, đội, ngũ cơ; người nào là hạng mộ thì dồn vào các vệ lính mộ. Vũ sinh ở kinh, các lính mộ dồn trước ấy và dân xin thi vào thì dồn vào vệ Tuyển phong, nhưng nghiêm sức cho thượng ti và quản suất ở kinh và tỉnh ngoài đều phải chăm chỉ huấn luyện*".[1]

Về việc duyệt dân tuyển lính trong chế độ triều đình nhà Nguyễn, được đặt ra nhiều phép tắc, cách thức tuyển chọn hạng lính, dân đinh, tráng đinh,… Trong một số tài liệu Hán Nôm lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An có ghi chép như sau:

Trong tư liệu dòng tộc Nguyễn Tường ở Hội An có bản tâu của ông Nguyễn Tường Vân đang là Quyền Thượng thư Bộ Binh và Ký lục doanh trực lệ Quảng Đức Nguyễn Văn Hưng về duyệt dân tuyển lính như sau:

"*Kính phỏng rằng nếu như đến tháng 11 mở trường duyệt tuyển, thì vào khoảng tháng 8, xin ban chiếu truyền cho các trấn để truyền xuống các quan phủ huyện sức cho các xã làm đơn đăng nhập dân lậu ngoài sổ bộ và đơn thân trình về các hạng tàn phế, tàn tật với số dân lùn bé không được ba thước mộc, để tiện cho đến kỳ, quan khâm mệnh y theo khuôn khổ mà tuyển hay thải. Các loại đơn thân trình này đều cho các viên phủ huyện phê vào.*

[1] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập VIII, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.6.

Thời gian duyệt tuyển nếu tháng 11 mở trường duyệt tuyển thì vào thượng tuần tháng 10, các xã phải đệ nạp sổ bộ chấp bằng năm Kỷ Mão (1819) và đơn thân trình các kỳ tục nhập thêm của năm nay tại trấn, và đơn tục nhập này tại phủ huyện, cũng như đơn thân trình về tàn phế, tàn tật và đơn thân trình của số dân lùn bé, đều đính theo sau sổ bộ chấp bằng, nạp lên các viên phủ huyện xem xét rồi thu nạp về trấn, trấn nạp về thành, đến kỳ quan khâm mệnh tiến hành duyệt tuyển.

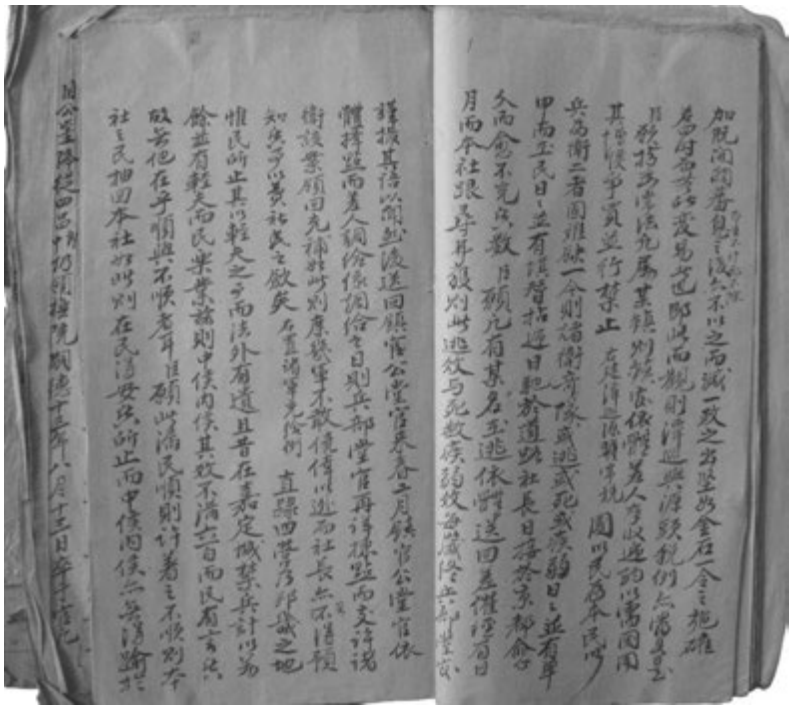

Một trang tư liệu Hán Nôm nhà thờ tộc Nguyễn Tường

Như trước kỳ duyệt tuyển, thì trấn quan và các viên phủ huyện không được phê thuận cho dân làng tăng số tuổi. Nếu như quan khâm mệnh đến duyệt tuyển thì đối với hạng tàn phế, tàn tật, các phiên phủ huyện phải bắt xã trưởng, chức dịch, dẫn họ đến trường duyệt tuyển. Còn các hạng dân khác chiếu theo sổ bộ và tờ đơn thân mà theo lệ đề chữ son vào.

Đối với quân khâm mệnh xét theo sổ bộ và đơn thân mà đề chữ son và xong, thì bắt viên cai lại của tuyển trường sức cho các trấn ty và nha lại phủ huyện viết cho xong, sau lại dùng con dấu của tuyển trường đóng vào cấp cho xã dân nhận lãnh, sao chép xong, thu lại cất tại trấn để lưu chiếu, còn sổ bộ đề chữ son thì qua khâm mệnh đem về kinh để tấu, sắc.

Nếu như có các viên trấn, phủ có kiêm lý huyện nào, hoặc có huyện viên, ai khuyến khích được xã dân tục nhập thêm, số đinh được nhiều, đến kỳ duyệt tuyển, số thải ra cũng được quân bình, các viên phủ huyện ấy được tâu lên để khen thưởng ngoài lệ định, để khuyến khích người sau. Nếu viên phủ huyện nào không khuyến khích được, lại bị phát giác là dung túng cho các xã trưởng ẩn lậu đinh số, đến kỳ duyệt tuyển nhiều dân hạng lão, tật, bị tố cáo xét ra đúng thế, thì bãi chức, các xã trưởng chiếu luật xét xử."

Hay như trong bản tâu thực tả về tình hình binh dân ở Nam Kỳ của Nguyễn Tường Phổ: "*Lính tại ngũ tuy có một vài người trong sổ Bộ, nhưng dân lậu phải thúc đồi cũng không ít, sáng sớm đăng lính như chiều lại trốn, mối tệ này thay đổi chưa hết, dân trong sổ bạ thì phần nhiều là khoa trương không thực. Cứ như thần thấy làng của bổn quán và các làng lân cận dân trong sổ*

bộ ít ỏi, nhưng hỏi về nguyên sổ bao nhiêu đinh, chịu phần lính bao nhiêu suất. Nêu rõ: có làng 40 đinh, có làng trên dưới 30 đinh, nhưng hiện tại dân chỉ có 6 đinh, thậm chí chỉ có 1 đinh giữ mộc triện (con dấu) làm việc công mà thôi. Dân đã ít thì việc lấy lính chia suất phần nhiều là thuê mướn (người ngoài), sáng sớm đăng lính nhưng chiều lại trốn ngay. Tình hình dân binh thực là cùng quẫn, bị tệ nạn xã thôn làm điêu tàn hao tổn"[2].

Tài liệu Hán Nôm hiện đang lưu giữ tại nhà ông Võ Công Khanh với số lượng gần 300 trang, đủ các thể loại về địa bạ, văn bằng, tờ nạp ngân lễ, văn tế cúng thần, khế ước, tô thuế… của phường Xuân Mỹ. Trong đó, có một vài trang tư liệu có nội dung liên quan đến việc thêm hạng người vào sổ ngạch, bộ đinh tuyển lính của triều đình nhà Nguyễn lúc bấy giờ.

Tờ truyền của Tuần phủ Nam Nghĩa họ Ngụy gửi cho phường Xuân Mỹ: "*theo đại điển đã duyệt đệ các hạng nhơn số trừ các hạng đã tuyển thải ra bao nhiêu, chỉ còn lại số khách hạngmấy người được trục vào làm thành bộ, hiệp tuyển cho phường ấp nhận lãnh để lưu chiếu đưa cho phường Xuân Mỹ số người là 32 người*"

Hoặc tờ truyền cho các xã, thôn, phường, châu của phủ Thăng, Điện: "*phải cứ y theo chắp bằng, năm Kỷ Mùi về các hạng thiệt phải nạp bao nhiêu và theo điểm cấp, tuyển, bị thải của kỳ trước bao nhiêu, cùng năm nay ngu phường thừa khai các đẳng hạng, cước chú rõ ràng.Do cước và ngạch năm Ất Sửu, lính tân tuyển ngày tháng 6 năm Đinh Sửu,trong bộ có người bị bệnh chết, năm Quý Dậu quan Công đường có án tâu lên phường nầy đã hết dân trục vào, trên có cho lại y số thôi sai sau sẽ tính trục*".

Trong tài liệu xã Minh Hương, những văn bản gốc đang lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, vào năm Minh Mạng thứ 9 (*1828*), có tờ trình của Lý Văn Phức, Thân Văn Quyền chuẩn truyền xuống các địa phương rằng: "*chuẩn xuống cho địa phương Minh Hương xét chọn trong ngạch (đinh tịch bộ) những kẻ có vật lực (người khá giỏi) đưa về kinh sung làm phố hộ. Xét rằng những kẻ này một lần di chuyển, thay đổi nơi ở không khỏi lo nghĩ đến việc khó nhọc, phí tổn cùng việc quyến luyến. Do đó xét dụ cho chiếu theo số người xã Minh Hương được sung vào phố hộ, mỗi người đồng niên phải nạp thuế bao nhiêu theo ngạch thì được gia ân miễn giảm trong 3 năm, để thấy rõ sự thể tất của ơn trên và phàm những người sau này được sung làm phố hộ thì đều được theo lệ này mà làm*".

Châu bản Triều Nguyễn, vào năm Thành Thái thứ 6, trong bản tâu của Bộ Binh về việc xin thăng bổ chức vụ, hàm tước cho tập binh, tinh binh như sau: *"... Tại Đà Nẵng làm chức Suất đội, giữ lao tù rất mẫn cán, phát huy năng lực trong việc được giao. Theo đơn xin xem xét. Thần bộ đã xem xét, vào tháng 10 năm*

[2] Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An (năm 2016), *Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 2 - Tư liệu lưu trữ của dòng họ Nguyễn Tường*, , Nxb Đà Nẵng, tr.119-120.

Thành Thái thứ 3, Viện Cơ Mật đã chấp thuận 1 khoản, nếu bổ sung vào tập binh thì xem xét thời gian dự bị chọn bổ công trạng do quan tỉnh (Quảng Nam) bàn bạc với Toà Công sứ xác nhận để đề nghị khen thưởng.

Tháng giêng, thực hành theo ngài Khâm sứ luyện tập binh lính, thăng thưởng, chuẩn theo trong khoản. Tiếp tục luyện tập binh, thưởng các đội đó, chuẩn theo tinh binh chánh đội, theo đó chuẩn thưởng hàm Tòng Bát phẩm. Đến như đội ngũ binh đinh, tạm thời khảo sát nếu làm vệ đắc lực, thưởng Chánh, hoặc Tòng cửu phẩm, Bá hộ. Phàm những lính được chọn bổ sung vào tập binh có công trạng, hoặc là làm việc tại quý Tòa sứ đắc lực, đã được quý đại quan Khâm sứ và quan Công sứ Hội An, kiểm tra bàn bạc đề nghị thì xin tuân theo thực hiện công việc đó”[3].

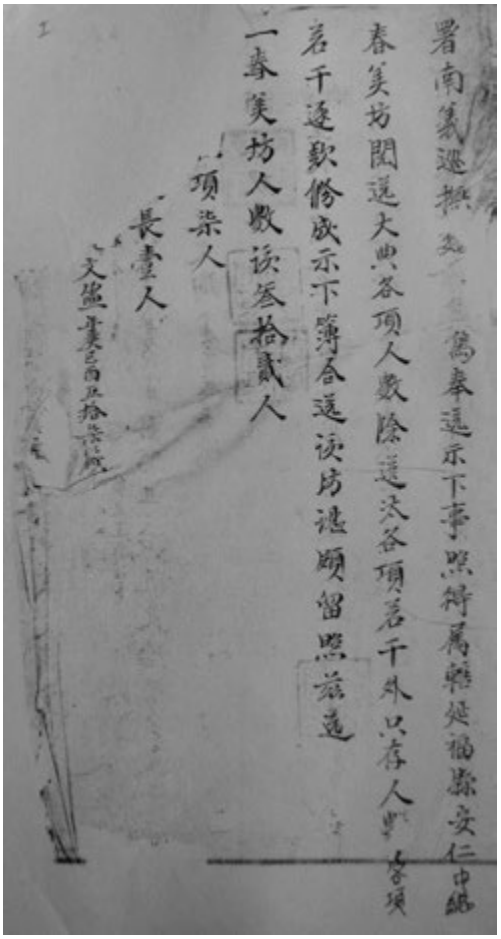

Tờ truyền của Tuần phủ Nam Ngãi

Bên cạnh những chế độ khuyến khích về thưởng tiền bạc, giá trị kinh tế, tăng cấp tước hàm, còn có những hình phạt đối với việc trốn tránh quân dịch trong lúc đất nước đang xảy ra chiến tranh cho những hành vi phạm tội, trong *Đại nam thực lục* liệt kê cụ thể như sau: “*Lệ cũ trừ ngạch phải chịu thuế, nay chiếu theo lệ giảm binh trốn tránh, lần đầu bắt được thì phạt 90 trượng, phạm lần thứ 3 thì đóng gông bêu 3 tháng, đánh 100 trượng, đều phải sung ngũ, phạm lần thứ ba thì phải giảo giam hậu, trong hạn thú thì phạm lần đầu được tha tội, phạm lần thứ hai phạt 80 trượng, phạm lần thứ ba đóng gông đeo 2 tháng, phạt 100 trượng, đều phải sung ngũ, phạm lần thứ tư thì giảo giam hậu. Liệu giảm 1 bậc để cho biết sợ chừa*”[4].

Sách Kinh thư viết rằng: “*Chỉ có hình pháp là cơm gạo tác oai tác phúc*”, vì vậy, việc phạt tội, thưởng công là việc lớn, lấy đó mà xem là quân quốc, binh dân là việc lớn của triều đình vậy. Thế nên, với những cách làm đầy quy mô, tính kỷ luật nghiêm trị những kẻ trốn lính, Nguyễn Tường Vân cũng đã đưa ra giải pháp về quy cách đối với những kẻ trốn lính như sau: “*Nước lấy dân làm gốc, dân lấy binh để bảo vệ. Hai điều đó không thể thiếu một. Nay thì trong các vệ, cơ, đội, số lính trốn, hoặc chết, hoặc*

[3] Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An (năm 2021), *Hội An qua Châu bản triều Nguyễn*, Nxb Đà Nẵng, tr.178-189.

[4] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập VIII, bản dịch đã dẫn, tr.142-143.

bệnh tật ngày ngày đều có đơn trình lên, mà tại dân làng ngày ngày đều có việc điền thế lính. Việc chuyên chở, khiêng vác ngày càng rộn trên đường sá, các xã trưởng ngày càng đến kinh càng nhiều mà càng không sung đủ binh số. Bề tôi xin rằng tên lính nào đang trốn thì theo đó tống giấy về sai tìm kiếm mà bổn làng ra sức tìm nhưng không được thì số lính trốn ấy và số chết, số tật bệnh mỗi dịp cuối năm, quan bộ binh kính làm tập tâu lên. Sau đó chuyển về cho các trấn quan, các công đường quan. Vào dịp tháng 2 mùa xuân năm sau, trấn quan và công đường quan y theo chọn lấy, kiểm đếm, mà sai người điều về. Vào ngày điều về thì quan bộ binh lại chọn, đếm mà giao cho quan cai án của các vệ lãnh về bổ sung. Như thế thì lính không dám ngấp nghé trốn mà xã trưởng cùng nhiều người được dự tri việc lính và việc đóng góp phí tổn của dân làng"[5].

Ngoài những dân đinh phải chịu phạt về trốn tránh binh số, các viên quan, hương chức địa phương chịu trách về trưng thu lương thực thiếu sót, hay việc đưa lính sung vào bộ bị thiếu lính,… những việc này cũng nằm trong diện bị giáng cấp chức vụ. Cũng như trong những việc kê khai dân số nhập đinh, nhập tịch tại các địa phương, những việc như gian khai không thiệt, có nói làm không, đương ở mà nói trốn, ngày sau có người nào tố giác mà biết được từ một tên (*dân đinh*) trở lên thì phường phải chịu gia tài nhập vào cho quan, mà còn phải chịu tội.

Trong một thời gian dài, triều đình nhà Nguyễn chống lại đội quân xâm lược khắp nơi, việc củng cố lực lượng, đào tạo binh lực chiến đấu vì chính trị khoan hòa, trọng hậu, khiến cho đất nước yên bình, nhà không đóng cửa. Vào lúc dụng binh mà như thế thì chính lệnh thi hành quả là nghiệp vương hưng thịnh, và đất đai được duy trì làm chỗ nương tựa vững chắc cho muôn dân.

Trong các chính sách tuyển binh của triều đình, tùy theo thời hạn phục vụ tại ngũ của từng địa phương, mà những đinh tráng cũng sẽ được hưởng gia ân từ một số cơ chế tuyển binh như được cấp ruộng đất, cấp tiền, hưởng lương... Lệ duyệt binh thời Nguyễn chỉ kéo dài đến đời vua Tự Đức, sau khi Tự Đức băng hà, các vua Dục Đức, Hiệp Hòa, ở ngôi rất ngắn, rồi đến các đời vua Kiến Phúc, thực dân Pháp đã áp đặt được chế độ bảo hộ lên nước ta, vua nhà Nguyễn không còn thực quyền nên các cuộc duyệt binh không còn tổ chức nữa.

Mặc dù nguồn tư liệu Hán Nôm hiện đang lưu trữ ở Hội An về đề tài này không nhiều, nhưng đã phản ánh được thành phần, tình hình dân đinh, cách thức duyệt tuyển, đưa dân vào bộ,… góp phần làm sáng tỏ nội dung duyệt tuyển binh lính, chính sách khuyến khích của triều đình nhà Nguyễn. Tuy nhiên, bất kể nội dung nào thuộc tài liệu Hán Nôm, dù ít hay nhiều cũng là nguồn tài liệu đáng trân quý, càng được bảo tồn và phát huy một cách nguyên vẹn nhất◈

[5] Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An, *Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 2 - Tư liệu lưu trữ của dòng họ Nguyễn Tường*, tài liệu đã dẫn, tr.107-108.

TIN TỨC - SỰ KIỆN

Một số hoạt động
Chào đón năm mới 2023

Hồng Việt

Trong những ngày từ 28/12/2022 - 01/01/2023, thành phố Hội An tổ chức nhiều hoạt động chào đón năm mới 2023 với những hy vọng, tin tưởng về sự phát triển thịnh đạt về kinh tế - xã hội trong năm mới, nhất là hoạt động du lịch sau thời gian dài chịu ảnh hưởng nặng bởi dịch Covid - 19. Những hoạt động đặc sắc, nổi bật diễn ra ở Khu phố cổ Hội An và lân cận đó là sự kiện "*Con đường nghệ thuật và sáng tạo*" tổ chức từ ngày 28/12/2022 đến hết ngày 08/1/2023; lễ hội "*Tinh hoa Trà Việt*" diễn ra từ ngày 30/12/2022 đến hết ngày 01/1/2023 - đây là lễ hội đầu tiên được tổ chức ở Hội An, tạo điểm nhấn độc đáo riêng trong hoạt động chào đón năm mới 2023; vào tối ngày 30/12/2022, tại sân khấu Vườn tượng An Hội là chương trình nghệ thuật chào đón năm mới hết sức hấp dẫn, thú vị với nhiều tiết mục như: biểu diễn nghệ thuật, trình diễn các ca khác xuân, dạ hội hóa trang,… thu hút đông đảo nhân dân và du khách dự xem, hòa mình vào bầu không khí vui tươi, phấn khởi chung. Vào sáng ngày 01/1/2023, lúc 9h00, thành phố Hội An tổ chức Lễ dâng Trà đầu năm và Chào đón đoàn khách quốc tế đầu tiên đến tham quan phố cổ Hội An năm 2023.

Việc tổ chức các hoạt động Chào đón năm mới 2023 không chỉ tạo thêm những sản phẩm văn hóa hấp dẫn để thu hút khác tham quan, góp phần làm cho không khí vui tươi, phấn khởi trong dịp đầu năm mới 2023, mà qua đó còn thể hiện tấm lòng hiếu khách của người Hội An đối với mỗi du khách đến với mảnh đất xinh đẹp này◈

Di tích Văn chỉ Minh Hương
được xếp hạng di tích cấp tỉnh

Trần Phương

Ngày 05/1/2023, UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc xếp hạng di tích

cấp tỉnh cho 10 di tích trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, trong đó thành phố Hội An có 01 di tích là Văn chỉ Minh Hương ở địa chỉ số 20 đường Phan Châu Trinh, phường Minh An.

Văn chỉ Minh Hương được xây dựng vào nửa cuối thế kỷ 19, là một trong những thiết chế văn hóa tín ngưỡng quan trọng của làng Minh Hương ở Hội An. Vì thế, di tích không chỉ cung cấp tư liệu quan trọng về quá trình hình thành và phát triển của làng Minh Hương ở Hội An mà còn là minh chứng cho vai trò của làng Minh Hương trong sự phát triển chung của Đô thị thương cảng Hội An suốt nhiều thế kỷ. Sự hình thành, tồn tại đến ngày nay của di tích Văn chỉ Minh Hương minh chứng cho truyền thống hiếu học, khoa bảng, tôn sư trọng đạo, lễ nghi trong văn hóa và phẩm hạnh đạo đức của người làng Minh Hương nói riêng, ở Hội An nói chung trong lịch sử vẫn đang phát huy tốt vai trò giáo dục truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, góp phần quan trọng trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Hội An hiện nay. Tuy đã nhiều lần được trùng tu, tôn tạo nhưng Văn chỉ Minh Hương vẫn bảo tồn nguyên vẹn những giá trị về nghệ thuật kiến trúc và mỹ thuật truyền thống của dân tộc vào giữa thế kỷ 19, góp phần làm phong phú loại hình kiến trúc văn hoá tín ngưỡng nói chung, miếu thờ nói riêng tại Hội An; là di tích có giá trị tiêu biểu cho tài nghệ của người thợ địa phương về kỹ thuật xây dựng, kỹ năng chạm trổ trên chất liệu gỗ và đắp vẽ trên chất liệu nề vữa.

Việc di tích Văn chỉ Minh Hương được được xếp hạng di tích cấp tỉnh không chỉ khẳng định và tôn vinh giá trị di tích mà còn góp phần tạo điều kiện để các cấp chính quyền và cộng đồng cư dân địa phương tăng cường hơn nữa trong việc quản lý, chăm nom và phát huy giá trị di tích trong thời gian đến◈

Lễ tế tiền hiền và giỗ tổ nghề mộc Kim Bồng - Cẩm Kim

Phước Tịnh

Vào sáng ngày 02/2/2023 (*nhằm ngày 12/1 âm lịch*), tại di tích đình Tiền hiền Kim Bồng ở thôn Phước Trung, đã diễn ra lễ tế tiền hiền và giỗ tổ nghề mộc Kim Bồng nhằm tưởng nhớ các bậc Tiền hiền, Hậu hiền đã có công khai khẩn đất đai và các vị Tổ nghề đã phát triển nghề mộc của làng Kim Bồng xưa. Tham dự buổi lễ có lãnh đạo thành phố Hội An, đại biểu lãnh đạo các ban, ngành của thành phố, lãnh đạo UBND xã Cẩm Kim và cộng đồng cư dân địa phương.

Năm nay, ngoài tổ chức phần lễ theo các nghi thức tế lễ của địa phương, tại trung tâm làng mộc, phần hội diễn ra với nhiều hoạt động như trưng bày, trình diễn nghề mộc, dệt chiếu, đan thúng,

điêu khắc tre; trưng bày các sản phẩm đặc trưng, OCOP; gian hàng ẩm thực; tổ chức các trò chơi dân gian… Đặc biệt, nằm trong chương chình lễ hội này, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức trưng bày và giới thiệu sách Di tích - Danh thắng Cẩm Kim. Đây là ấn phẩm do Trung tâm tổ chức biên soạn nội dung và ấn hành. Nội dung ấn phẩm giới thiệu những thông tin khái quát về di tích - danh thắng và một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu về mảnh đất và con người Kim Bồng - Cẩm Kim.

Việc duy trì lễ tế tiền hiền và giỗ tổ nghề mộc tại di tích nhằm cầu mong cho một năm mới bình an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt và tri ân công lao của các bậc tiền nhân đã có công khai phá đất đai và phát triển nghề mộc Kim Bồng, qua đó góp phần lưu giữ các giá trị truyền thống tốt đẹp của địa phương, đồng thời tạo nên sản phẩm du lịch văn hóa để thu hút khách tham quan du lịch đến với Cẩm Kim trong thời gian đến◈

Tết Trung thu ở Hội An được ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia

Phước Tịnh

Ở Hội An, vào dịp Tết Trung thu, khắp các làng trên xóm dưới, từ khối phố đến thôn quê không khí lễ hội Trung thu diễn ra rất sôi nổi với nhiều hình thức hoạt động văn hóa truyền thống như: lễ bái trời đất, gia tiên, tục bày mâm cỗ thưởng trăng, múa lân/sư/rồng, rước đèn; ca hát...

Giá trị đặc trưng của Tết Trung thu ở Hội An là được hình thành trên cơ sở truyền thống văn hóa bản địa, có sự giao lưu văn hóa của Trung Hoa - Nhật Bản và bảo tồn khá nguyên vẹn các yếu tố tích cực, được bổ sung bởi các hoạt động văn hóa truyền thống và hiện đại một cách hài hòa, thích ứng, vừa tạo nên sự phong phú, đa dạng, sôi động, hấp dẫn, nhưng vẫn giữ được đậm đà những nét văn hóa truyền thống đặc trưng của Hội An, vừa mang tính giáo dục sâu sắc vốn có của lễ hội đối với thế hệ trẻ về yêu chuộng hòa bình, tính nhân ái, lòng yêu thương hướng về những giá trị văn hóa vĩnh hằng của con người: Chân - Thiện - Mỹ.

Với những giá trị tiêu biểu về văn hóa và vai trò của di sản văn hóa phi vật thể Tết Trung thu ở Hội An đối với đời sống cộng đồng cư dân, vào ngày 14/2/2023 Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 228/QĐ-BVHTTDL, ghi danh Tết Trung thu ở Hội An, Quảng Nam vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, thuộc loại hình Lễ hội truyền thống, Tập quán xã hội và tín ngưỡng. Sự vinh danh của Nhà nước đối với di sản này là niềm vui, niềm tự hào to lớn của Đảng bộ, Chính quyền và các tầng lớp Nhân dân thành phố Hội An. Đây là

di sản văn hóa phi vật thể quốc gia thứ 6 của Hội An◈

Lễ đón nhận danh hiệu Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia Tết Nguyên tiêu ở Hội An

Hồng Việt

Tết Nguyên tiêu (*tết Thượng nguyên*) là một trong những lễ tết quan trọng có từ lâu đời của cộng đồng cư dân Hội An. Lễ tết này mang những giá trị văn hóa tiêu biểu và có những nét đặc trưng riêng so với nhiều nơi ở Việt Nam và châu Á do được hình thành trên cơ sở truyền thống văn hóa bản địa và có sự giao lưu tiếp biến văn hóa với các nước Trung Hoa, Nhật Bản qua thời gian dài trong lịch sử.

Ở Hội An, cứ sau ngày Khai hạ (*mồng 7 tháng Giêng*), người dân lại nô nức chuẩn bị Tết Nguyên tiêu. Vào dịp này, tại các hội quán và nhiều di tích tín ngưỡng trong và ngoài Khu phố cổ tổ chức lễ cúng tiền hiền, cầu an, cầu tài lộc đầu năm với ước vọng mọi việc trong năm mới được hanh thông, như ý.

Với những giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học và giữ vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng cư dân Hội An trong quá khứ cũng như hiện nay, ngày 02/2/2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 147/QĐ-BVHTTDL ghi danh Tết Nguyên tiêu ở Hội An vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, thuộc loại hình Lễ hội truyền thống, Tập quán xã hội và tín ngưỡng. Việc công nhận này là một vinh dự, tự hào lớn lao đối với Hội An trong những ngày đầu năm mới Quý Mão.

Vào ngày 05/2/2023, tại di tích đình Hội An, thành phố Hội An long trọng tổ chức Lễ đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Tết Nguyên tiêu ở Hội An. Về tham dự buổi lễ có ông Hoàng Đạo Cương - Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ông Nông Quốc Thành - Phó Cục trưởng Cục Di sản văn hóa, ông Hồ Quang Bửu - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam, bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Nam, ông Trần Ánh - Bí thư Thành ủy Hội An, ông Nguyễn Văn Sơn - Chủ tịch UBND thành phố Hội An cùng lãnh đạo các cơ quan ban ngành thành phố, phường Minh An và cộng đồng cư dân địa phương. Trước khi buổi lễ diễn ra là hoạt động rước Danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Tết Nguyên tiêu ở Hội An qua các tuyến đường phố cổ. Đoàn rước xuất phát từ đình Sơn Phong, theo đường Nguyễn Duy Hiệu - Trần Phú - Nguyễn Thị Minh Khai - Phan Châu Trinh - Lê Lợi về đình Hội An trong không khí rộn ràng, uy nghiêm.

Việc tổ chức đoàn rước và Lễ đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Tết Nguyên tiêu ở Hội An

không chỉ nhằm bày tỏ lòng thành kính với các bậc tiền hiền, cầu mong sự thịnh vượng trong năm mới mà còn tôn vinh giá trị nổi bật của Di sản văn hóa phi vật thể Tết Nguyên tiêu ở Hội An, ghi nhận sự nỗ lực của các chủ thể trong việc bảo tồn cũng như các bên liên quan trong việc xây dựng hồ sơ khoa học đệ trình công nhận di sản. Ngoài ra, đây cũng là dịp tuyên truyền nâng cao lòng tự hào và trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo tồn di sản văn hóa Hội An nói riêng, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc◈

Tổng kết và trao giải hoạt động "*Dựng cây nêu ngày Tết*" xuân Quý Mão 2023

Liễu Chi

Vào sáng ngày 17/2/2023, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi tổng kết, trao giải cho các đơn vị đạt giải trong hoạt động "*Dựng cây nêu ngày Tết*" xuân Quý Mão 2023 của thành phố Hội An. Tham dự buổi tổng kết có đại biểu lãnh đạo Ban Tuyên giáo Thành ủy, UBMTTQVN thành phố Hội An, cùng các cơ quan Phòng Văn hóa Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thể thao & Truyền thanh - Truyền hình, đại biểu UBND các xã phường và đại diện các chủ di tích, cơ quan, thôn/khối phố có cây nêu đạt giải.

Như đã đưa tin, năm nay có 44 điểm di tích, cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đăng ký tham gia chấm chọn, số lượng cao nhất từ khi phát động phong trào đến nay, Ban chấm chọn đã lựa chọn 20 cây nêu đạt tiêu chí để trao giải thưởng.

Buổi tổng kết đã nhận được nhiều ý kiến trao đổi cởi mở của các đại biểu tham dự, trong đó đề nghị các địa phương cần quan tâm và phát triển mạnh hơn hoạt động dựng nêu, qua đó tạo sự gắn kết cộng đồng cùng chung tay bảo tồn, gìn giữ và phát huy truyền thống tốt đẹp này◈

Hội nghị Tổng kết công tác năm 2022, định hướng công tác năm 2023 của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam

Bảo Vy

Ngày 28/2/2023, hội nghị tổng kết công tác năm 2022, định hướng công tác năm 2023 của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đã diễn ra tại Nhà khách Chính phủ. Hội nghị có sự tham dự của lãnh đạo các Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trưởng đại diện Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, lãnh đạo các Tiểu ban của Ủy ban

Quốc gia UNESCO Việt Nam (*tiểu ban Giáo dục, Văn hóa, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Thông tin Truyền thông*, *Công viên địa chất toàn cầu, Chương trình Con người và Sinh quyển, Ủy ban Hải Dương học liên chính phủ*…) cùng lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh/thành phố,, Ban Quản lý các khu di sản thế giới và danh hiệu UNESCO tại Việt Nam, các chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

Hội nghị đã được nghe báo cáo tổng kết của Ủy ban Quốc gia UNESCO 2022 và định hướng công tác năm 2023. Báo cáo đã đánh giá về tình hình và hoạt động của tổ chức UNESCO trong năm qua; các hoạt động hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO trên các lĩnh vực liên quan; nêu bật những thành tựu đạt được trong năm 2022 của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học tự nhiên - xã hội, và thông tin - tuyên truyền; đồng thời chỉ ra những khó khăn thách thức trong năm vừa qua, và đề ra phương hướng, trọng tâm công tác năm 2023. Hội nghị cũng đã tiếp thu ý kiến tham luận của 5 Tiểu ban, trưởng đại diện văn phòng UNESCO tại Hà Nội; ghi nhận các đóng góp của các địa phương và các tiểu ban chuyên môn MAB, Geopark và IOC, các ban quản lý các khu di sản, khu dự trữ sinh quyển, công viên địa chất toàn cầu.

Kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Ngoại giao Hà Kim Ngọc - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam nhấn mạnh các thành tựu mà Ủy ban Quốc gia UNESCO phối hợp cùng các Tiểu ban chuyên môn, Văn phòng UNESCO Hà Nội, và các cơ quan ban ngành đã đạt được trong năm 2022, góp phần quan trọng nâng cao hình ảnh, vị thế, sức mạnh của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời yêu cầu UBQG tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò của mình đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và sự phát triển bền vững chung của đất nước◈

Bàn giao mặt bằng thi công Bảo tàng thổ sản Hội An, Quảng Nam

Văn Na

Chiều ngày 03/3/2023, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp cùng địa phương và các ban ngành trên địa bàn thành phố Hội An tiến hành bàn giao mặt bằng thi công công trình Bảo tàng thổ sản Hội An, Quảng Nam tại địa chỉ nhà số 57 Trần Phú, phường Minh An.

Nội dung và quy mô đầu tư tu bổ bao gồm: Tu bổ, tôn tạo ngôi nhà số 57 Trần Phú thành không gian trưng bày; tổ chức sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật; lập hồ sơ hiện vật; phục chế hiện vật và trưng bày; đầu tư các thiết bị phục vụ quản lý và trải nghiệm cho du khách.

Đơn vị thi công là Công ty TNHH Phú Hưng & Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Mỹ thuật Hà Nội. Thời gian thi công là 150 ngày.

Việc hình thành Bảo tàng thổ sản Hội An, Quảng Nam sẽ tạo thêm điểm đến hấp dẫn thu hút khách tham quan đến thành phố Hội An trong thời gian đến◈

Đoàn công tác thành phố Wernigerode - CHLB Đức làm việc tại Hội An

Bảo Vy

Chuyến làm việc của đoàn thành phố Wernigerode, CHLB Đức tại Hội An kéo dài từ ngày 05/3 đến ngày 09/3/2023 về những nội dung liên quan đến hợp tác giữa 2 thành phố đã thành công tốt đẹp.

Vào ngày 06/3/2023, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Hội An, ông Nguyễn Văn Sơn - Chủ tịch UBND Thành phố đã đón tiếp đoàn công tác của thành phố kết nghĩa Wernigerode - Cộng hòa Liên bang Đức do bà Sandra Pech - Tổng Giám đốc điều hành (*CEO*) Công ty Công viên nhân dân Wernigerode, Phái viên của thành phố Wernigerode dẫn đầu. Chuyến công tác kéo dài đến ngày 09/3/2023 nhằm triển khai các chương trình hành động hợp tác giữa hai bên về biến đổi khí hậu.

Mục tiêu chính trong chuyến công tác của đoàn tại Hội An lần này nhằm trao đổi và thống nhất phương án thiết kế, xây dựng một Khu vườn Hội An tại Công viên nhân dân thành phố Wenigerode. Dự kiến sẽ mở cửa và giới thiệu công trình Khu vườn Hội An này đến với người dân và du khách tại Wernigerode trong dịp Lễ hội đèn lồng Hội An lần thứ III tại thành phố Wernigerode vào tháng 8/2023. Ngoài ra, đoàn công tác còn ghé thăm Trường THPT Trần Quý Cáp và THCS Kim Đồng; gặp mặt các học viên khóa đào tạo nghề dự án Hợp tác đào tạo nghề trên lĩnh vực điều dưỡng và du lịch giữa thành phố Hội An và thành phố Wernigerode.

Sự tiếp đón nồng nhiệt của thành phố Hội An đã để lại cho đoàn công tác thành phố Wernigerode những cảm xúc và tình cảm khó quên. Hai bên sẽ giữ vững mối tình hữu nghị gắn kết, và tiếp tục thúc đẩy hơn nữa những hoạt động trong khuôn khổ chương trình hợp tác giữa hai thành phố◈

Lễ cúng cầu ngư tại phường Cửa Đại

Phước Tịnh

Thường lệ hàng năm, vào ngày 16 và 17 tháng 2 âm lịch, tại di tích lăng Tiêu Diện, phường Cửa Đại, cộng đồng cư dân địa phương long trọng tổ chức lễ cúng Cầu ngư, nhằm cúng tạ ơn thần Nam Hải và cầu mong Thần phù hộ cho ngư dân được bình an trên sông nước để đánh bắt thu được kết quả.

Năm nay, lễ cúng Cầu ngư ở Cửa Đại diễn ra quy mô, bài bản. Lễ chính diễn ra vào ngày 16/2 âm lịch. Bắt đầu từ 6h00 sáng là lễ nghinh thần, kết thúc lễ nghinh thần là lễ nhập điện và tiếp theo là lễ tế chính. Vào buổi tối là hoạt động diễn xướng bả trạo và hát bội thu hút đông đảo cộng đồng dân cư và du khách tham dự.

Sáng ngày 17/2 diễn ra hội đua ghe truyền thống, đây là hoạt động nằm trong chương trình của lễ hội Cầu Ngư, đồng thời cũng là lễ phát động ra quân đánh bắt cá. Năm nay, tham gia giải có 9 đội đua đến từ các xã phường Cẩm An, Cửa Đại, Cẩm Thanh, Cẩm Châu, Cẩm Nam, Minh An, Thanh Hà, Cẩm Kim, Cẩm Hà. Kết quả chung cuộc, đội đua xã Cẩm Kim đạt giải nhất, phường Cẩm An đạt giải nhì, xã Cẩm Hà đạt giải ba.

Việc tổ chức lễ cúng Cầu ngư và tổ chức lễ ra quân đánh bắt thủy hải sản nhằm cầu mong các vị thần che chở, độ trì cho người dân đánh bắt được bội thu, đồng thời góp phần bảo tồn, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng dân cư địa phương◈

Tiếp và làm việc với đoàn công tác Tổng cục Văn hóa Nhật Bản và Văn phòng JICA Việt Nam

Bảo Vy

Vào sáng ngày 13/3/2023, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã đón tiếp và làm việc với đoàn công tác Tổng cục Văn hóa Nhật Bản và Văn phòng JICA Việt Nam về những nội dung liên quan đến tu bổ di tích Chùa Cầu và tổ chức hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản.

Đoàn công tác Nhật Bản gồm ông Hiraoka Hisakazu - Phó Trưởng đại diện Văn phòng JICA Việt Nam; ông Ejima Yusuke - chuyên viên cao cấp của Tổng cục Văn hóa Nhật Bản cùng giáo sư của các trường Đại học ở Nhật Bản, các chuyên viên cao cấp và cán bộ của Tổng cục Văn hóa Nhật Bản và Văn phòng JICA Việt Nam.

Về phía trung tâm tham gia tiếp và làm việc với đoàn có ông Phạm Phú Ngọc - Giám đốc Trung tâm và các thành viên trong Ban Giám đốc, lãnh đạo các phòng chuyên môn và chuyên viên phụ trách dự án Tu bổ di tích Chùa Cầu.

Tại buổi làm việc, hai bên tập trung trao đổi về hiện trạng cũng như tiến độ

triển khai thực hiện tu bổ di tích Chùa Cầu, tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm 50 năm thiết lập ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản; dự án xây dựng đô thị thông minh đối với đô thị Hội An

Cùng ngày, đoàn đã đến làm việc với lãnh đạo Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An, và đi khảo sát thực địa di tích Chùa Cầu để có cái nhìn cụ thể hơn về dự án tu bổ di tích đang được triển khai◈

Thành phố Hội An thực hiện kế hoạch "*Ra quân lập lại trật tự, mỹ quan đô thị trên địa bàn thành phố Hội An năm 2023*"

Khiếu Thị Hoài

Để xây dựng thành phố Hội An trở thành Thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch, là điểm đến an toàn thân thiện, góp phần thực hiện Đề án phát triển du lịch Hội An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, vừa qua, UBND thành phố Hội An đã ban hành Kế hoạch "*Ra quân lập lại trật tự, mỹ quan đô thị năm 2023 trên địa bàn thành phố*".

Theo kế hoạch, đợt ra quân này tập trung vào việc thực hiện việc lập lại trật tự vỉa hè, lòng đường, đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn thành phố để trả lại vỉa hè, lòng lề đường cho người và phương tiện tham gia giao thông, đảm bảo trật tự mỹ quan đô thị; lập lại trật tự kinh doanh, không để tình trạng cò mồi, chèo kéo du khách, bán hàng rong và buôn bán chặt chém, tình trạng ăn xin, sử dụng âm thanh quảng cáo quá lớn,… ảnh hưởng xấu đến văn hóa, văn minh du lịch và hình ảnh Hội An trong lòng du khách.

Kế hoạch ra quân lập lại trật tự sẽ được thực hiện trên địa bàn toàn thành phố, trong đó tập trung các khu vực trọng điểm như: Khu phố cổ, các điểm đến, điểm tham quan (*làng gốm Thanh Hà, rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh, bãi tắm Cửa Đại, An Bàng, Cù Lao Chàm…*).

Lễ phát động đồng loạt ra quân thực hiện kế hoạch diễn ra trên toàn địa bàn thành phố vào sáng ngày 01/3/2023. Các ngành, địa phương tập trung lực lượng tiến hành đợt cao điểm ra quân tuyên truyền, kiểm tra, xử lý các vi phạm từ sau lễ ra quân đến ngày 15/4/2023. Sau đợt cao điểm ra quân, các xã, phường chủ trì phối hợp với các ngành duy trì kiểm tra, xử lý thường xuyên.

Với sự tham gia của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến xã, phường, trong đó, lực lượng công an làm nòng cốt, phối hợp với lực lượng của Đội Kiểm tra Quy tắc, dân quân, dân phòng, Đội Văn minh đô thị của xã, phường, hi vọng, đợt ra quân này sẽ đạt được những kết quả tốt trong việc lập lại trật tự, tạo mỹ quan đô thị trên địa bàn thành phố◈

Đại hội Công đoàn cơ sở Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028

Cẩm Giang

Thực hiện Điều lệ Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, được sự thống nhất của Ban Thường vụ LĐLĐ thành phố Hội An, Đảng uỷ và Ban Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, vào chiều ngày 17/3/2023, Công đoàn cơ sở Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa đã tổ chức Đại hội Công đoàn cơ sở Trung tâm lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028. Tham dự Đại hội có đồng chí Nguyễn Đình Hòa - Thành ủy viên, Chủ tịch LĐLĐ thành phố; đồng chí Phạm Phú Ngọc - Bí thư Đảng bộ, Giám đốc Trung tâm cùng các đồng chí trong BCH Đảng bộ, BGĐ Trung tâm, đại biểu lãnh đạo các CĐCS và toàn thể đoàn viên công đoàn Trung tâm.

Tại Đại hội, BCH Công đoàn cơ sở Trung tâm khóa VII đã trình bày báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2018 - 2023 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2023 - 2028, báo cáo kiểm điểm của BCH Công đoàn cơ sở Trung tâm nhiệm kỳ 2018 - 2023. Đại hội đã lắng nghe, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo LĐLĐ thành phố và của lãnh đạo Đảng bộ Trung tâm. Đại hội đã tập trung thảo luận làm sáng tỏ nội dung hoạt động Công đoàn. Đại hội thống nhất cao với mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ đề ra trong nhiệm kỳ 2023 - 2028. Các báo cáo đã nêu bật những kết quả đạt được trên các lĩnh vực hoạt động của Công đoàn cơ sở Trung tâm cũng như hạn chế cần khắc phục.

Đại hội đã tiến hành bầu cử BCH Công đoàn cơ sở Trung tâm khóa VIII gồm 07 đồng chí đại diện cho trí tuệ tập thể đoàn viên Công đoàn Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ LĐLĐ thành phố, sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng ủy và lãnh đạo đơn vị, sự phối hợp giữa các đoàn thể và đoàn viên của đơn vị, sau 01 ngày làm việc khẩn trương và nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm, hiệu quả, Đại hội Công đoàn cơ sở Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An khóa VIII, nhiệm kỳ 2018 - 2023 đã thành công tốt đẹp. Đại hội tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng ủy, lãnh đạo đơn vị, các tổ chức đoàn thể và VC-NLĐ nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất và quyết tâm cao độ, phát huy tinh thần trách nhiệm, sáng tạo của các tập thể và cá nhân nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đã đề ra◈

Các hoạt động chào mừng 15 năm thành lập thành phố Hội An

Hồng Việt

Từ ngày 23/3 đến ngày 01/5 năm 2023, trên địa bàn thành phố Hội An

diễn ra nhiều hoạt động Chào mừng 15 năm thành lập thành phố Hội An (*2008-2023*) gắn với kỷ niệm 48 năm Ngày giải phóng Hội An (*28/3/1975-28/3/2023*). Riêng trong tháng 3, các hoạt động được tổ chức gồm: Thông tin tuyên truyền ý nghĩa của sự kiện bằng hình thức trực quan và trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang thông tin điện tử; giải quyết chế độ chính sách, đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội; viếng nghĩa trang liệt sĩ; hội trại "*Sắc màu tuổi trẻ*", trưng bày ảnh "*Thành tựu - 25 năm một chặng đường; hoạt động hưởng ứng "Giờ trái đất*" vào tối thứ 7 ngày 25/3; tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; đăng cai Giải bóng đá nữ (*5 người*) vô địch tỉnh Quảng Nam năm 2023; Giải bóng bàn các nhóm tuổi thành phố Hội An năm 2023; tọa đàm "*Bảo tồn và phát triển môn đua thuyền tại Hội An*"; Chương trình trải nghiệm tự hào Hội An gắn với kỷ niệm 60 năm triển khai phong trào Nghìn việc tốt.

Việc tổ chức các hoạt động Chào mừng 15 năm thành lập thành phố Hội An (*2008-2023*) gắn với kỷ niệm 48 năm Ngày giải phóng Hội An (*28/3/1975-28/3/2023*) không chỉ là dịp nhìn nhận, đánh giá thành tựu của thành phố trong 15 năm qua mà qua đây nhằm nâng cao lòng tự hào, tinh thần trách nhiệm, động viên mọi tầng lớp nhân dân đoàn kết, hăng hái thi đua lao động sáng tạo góp phần phát triển Hội An ngày càng toàn diện, bền vững, đậm đà bản sắc; đẩy mạnh quảng bá văn hóa và con người Hội An, thu hút du khách đến với Hội An ngày càng đông đảo hơn◈

Trích Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh

Ngày 28/12/2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 18/2022/TT-BVHTTDL Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh. Trong tập Thông tin Nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên soạn xin được giới thiệu nội dung Thông tư để cùng tham khảo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung lập hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

"3. Hồ sơ khoa học di tích phải được định dạng ".doc" hoặc ".docx" và ".pdf"để lưu trữ.".

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 6:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu Điều 6 như sau:

"Lý lịch di tích phải được kê khai đầy đủ tại thời điểm lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích, gồm các nội dung sau đây:".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 6 như sau:

"a) Giới thiệu khái quát về phạm vi, quy mô, diện tích, bố cục mặt bằng tổng thể của di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái khu vực di tích; đánhgiá khái quát hiện trạng kỹ thuật của di tích, nêu rõ mức độ hư hại, xuống cấp của ditích (nếu có).".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 6 như sau:

"9. Thực trạng bảo vệ và phát huy giá trị di tích:

Nêu rõ tên của tổ chức, cá nhân trực tiếp là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích và thực trạng việc tổ chức bảo vệ và phát huy giá trị di tích, tình trạng vi phạm di tích (nếu có);

Trường hợp di tích thuộc sở hữu chung hoặc sở hữu nhà nước thì phải ghi rõ quyết định thành lập Ban (tổ) bảo vệ hoặc quản lý di tích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 8:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 8 như sau:

“a) Bản vẽ mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500;

Đối với di tích lịch sử: bản vẽ mặt bằng tổng thể phải thể hiện rõ vị trí các công trình, địa điểm, vết tích còn lại liên quan đến sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với di tích;

Đối với di tích khảo cổ: bản vẽ mặt bằng tổng thể phải thể hiện đầy đủ các địa điểm khảo cổ thuộc di tích đã được phát hiện, thăm dò, khai quật;

Đối với danh lam thắng cảnh: bản vẽ mặt bằng tổng thể phải thể hiện được đường đồng mức và vị trí các công trình xây dựng thuộc khu vực danh lam thắng cảnh, có chú thích về quy mô của công trình xây dựng đó;

Trường hợp di tích có diện tích lớn: bản vẽ mặt bằng tổng thể thực hiện theo tỷ lệ phù hợp, bảo đảm thể hiện được toàn bộ phạm vi di tích.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Tập bản vẽ kỹ thuật được lập tại thời điểm lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích, được đóng thành quyển khổ giấy A3, bìa mềm, có dấu giáp lai và xác nhận củathủ trưởng đơn vị lập hồ sơ khoa học di tích.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Ảnh khảo tả di tích, hiện vật thuộc di tích được chụp tại thời điểm lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích, được in trên giấy ảnh, cỡ ảnh từ 10cm x 15cm trở lên,được dán lên giấy bìa và đóng thành quyển khổ giấy A4; phải đánh số thứ tự, chú thích đầy đủ nội dung, người chụp và thời gian chụp ảnh, có dấu giáp lai và xác nhậncủa thủ trưởng đơn vị lập hồ sơ khoa học di tích;

Ảnh tư liệu được sưu tầm để đưa vào tập ảnh phải ghi rõ xuất xứ.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Bản thống kê hiện vật thuộc di tích được lập tại thời điểm lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích, được đóng thành quyển, bìa mềm, có dấu giáp lai và xác nhậncủa thủ trưởng đơn vị lập hồ sơ khoa học di tích.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 12 như sau:

“b) Đường bao quanh toàn bộ khu vực bảo vệ I của di tích phải được thể hiện bằng màu đỏ, đường bao quanh toàn bộ khu vực bảo vệ II của di tích phải được thể hiệnbằng màu xanh trên bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích; trong khu vực bảovệ I của di tích phải thể hiện rõ vị trí các công trình, địa điểm, cảnh quan thiên nhiên, khu vực thiên nhiên có giá trị lịch sử, văn hóa, khảo cổ, địa chất, địa mạo, địa lý, đadạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù;”.

Điều 2. Thay thế cụm từ tại Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng

7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung lập hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

Thay thế cụm từ "*Căn cứ Luật đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;*" tại phần căn cứ của Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL thành "*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*".

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Cục Di sản văn hóa chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức triển khai, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

2. Đối với hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được lập và gửi cơ quan có thẩm quyền trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa có quyết định xếp hạng di tích thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp◈

Phố cổ Hội An nhìn từ trên cao - Ảnh: Quang Ngọc

THÀNH PHỐ SUCRE BOLIVIA

Sưu tầm và dịch: Bảo Vy

Sucre được biết đến là thủ đô đầu tiên của Bolivia, do người Tây Ban Nha lập nên vào nửa đầu thế kỷ XVI. Nhiều công trình tôn giáo mang niên đại thế kỷ 16 được bảo tồn tốt phản ánh sự hòa quyện giữa kiến trúc bản địa và phong cách kiến trúc phương Tây.

Giá trị nổi bật toàn cầu

Giới thiệu tổng quan

Nằm nép mình dưới chân đồi Sica Sica và Churuquella, Sucre là ví dụ điển hình cho một công trình được bảo tồn gần như nguyên vẹn, mà ở đó thể hiện sự đan xen giữa kiến trúc bản địa và kiến trúc châu Âu. Vào năm 1538, Sucre được thành lập bởi người Tây Ban Nha với tên gọi Ciudad de la Plata de la Nueva Toledo (*Thành phố Bạc của New Toledo*), thường gọi là La Plata. Năm 1839, thành phố được tuyên bố trở thành thủ đô đầu tiên của Bolivia, và đổi tên thành Sucre để vinh danh nhà lãnh đạo cách mạng Antonio Jose de Sucre.

Cũng như nhiều thành phố khác được thành lập bởi người Tây Ban Nha trong thời kỳ thuộc địa vào thế kỷ XVI, Sucre có những con đường hẹp được bố trí ngay trung tâm thành phố tạo thành một mạng lưới. Sự thịnh vượng của các mỏ bạc ở Potosi đã tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế của La Plata, nơi được xem là một trung tâm văn hóa lớn lúc bấy giờ (*Đại học San Francisco Xavier, Học viện Caroline*). Năm 1609, Tòa thành La Mã chọn La Plata làm nơi đặt Toà tổng giám mục. Kể từ đó trở đi, thành phố này trở thành một địa điểm quan trọng và có giá trị văn hóa lớn.

Trong thời kỳ hưng thịnh, phát triển có rất nhiều công trình kiến trúc quan trọng đã được xây dựng ở Sucre. Hầu hết các công trình này được sơn màu trắng với mái nhà bằng đất sét đỏ theo phong cách thuộc địa. Một số công trình tiêu biểu trong khu vực trung tâm lịch sử Sucre còn lại hiện nay gồm: Hội trường Độc lập; Thư viện Quốc gia; Bảo tàng Công giáo. Bảo tàng Công giáo

Metropolitan vốn là một nhà thờ. Nhà thờ này được xây dựng từ năm 1559 và được xây dựng mở rộng, tu bổ liên tục trong suốt 250 năm sau đó. Hội trường Độc lập được xây dựng từ năm 1621. Đây là một công trình có ý nghĩa lịch sử vô cùng quan trọng của Bolivia. Nó không chỉ là một tòa nhà đơn thuần mà là minh chứng lịch sử cho sự hình thành nước cộng hòa Bolivia ngày nay. Hội trường Độc lập là nơi đã diễn ra lễ ký bản Tuyên ngôn độc lập của Bolivia. Hiện nay, bên trong công trình này vẫn còn trưng bày nhiều hiện vật có giá trị, trong số đó có bức chân dung khổ lớn của Simon Bolivar cùng bức tượng của Tướng Antonio Jose de Sucre và Tướng José Ballivian - những nhân vật anh hùng của Bolivia - những người dẫn đầu đội quân giành thắng lợi trong trận chiến với quân đội Peru xâm lược.

Tiêu chí (iv): Các công trình kiến trúc tại trung tâm lịch sử thành phố Sucre chính là những di sản của thành phố. Những công trình lịch sử này được bảo quản tốt và còn nguyên vẹn giá trị cho đến ngày hôm nay. Những công trình kiến trúc này là sự kết hợp phong cách kiến trúc một cách hòa quyện, khéo léo giữa phong cách Phục Hưng, Baroque và Gothic.

Tính toàn vẹn

Khu vực khoanh vùng của di sản thành cổ Sucre bao gồm các tòa nhà mang niên đại từ thế kỷ XVI đến XIX phản ánh các giá trị nổi bật toàn cầu, là sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc bản địa pha lẫn kiến trúc châu Âu. Khu vực thành phố được bao phủ với tổng diện tích 472.8 ha, cùng với phần đệm rộng 358.24 ha, phản ánh rõ nét các đặc trưng

và những giá trị quan trọng của tài sản di sản. Khu di sản luôn được duy trì bảo tồn thường xuyên, và không chịu bất cứ ảnh hưởng tiêu cực nào từ quá trình phát triển của xã hội.

Tính chân xác

Thành phố lịch sử Sucre thể hiện tính chân xác trong thiết kế, nguyên vật liệu, cũng như vị trí và cảnh quang xung quanh. Những công trình kiến trúc mang đậm sự kết hợp giữa phong cách bản địa và ngoại nhập, vẫn được bảo tồn một cách hài hòa với các yếu tố môi trường xung quanh.

Các yêu cầu đặt ra trong công tác quản lý và bảo vệ di sản

Cơ quan cấp nhà nước chịu trách nhiệm quản lý di sản thành phố lịch sử Sucre là Bộ Văn hóa. Rất nhiều những chính sách về bảo tồn và trùng tu di sản thành phố Sucre đã được xây dựng và ban hành như Quy định di sản lịch sử (*chương IV*), Giám sát việc bảo vệ di sản lịch sử (*chương III*), Kế hoạch quản lý Sucre 1974. Kế hoạch bao gồm việc hỗ trợ về mặt xã hội, kinh tế và giáo dục thông qua phát triển du lịch văn hóa được xem như nguồn lực để duy trì và bảo tồn trung tâm thành phố lịch sử. Các công cụ chủ chốt mà thành phố áp dụng bao gồm Kế hoạch tổng thể để phục hồi trung tâm thành phố lịch sử; và Quy định bảo tồn khu lịch sử, cùng sự trợ giúp của các công cụ pháp lý và kỹ thuật nhằm kiểm soát các can thiệp vào ba khu vực được bảo vệ của trung tâm thành phố lịch sử; bao gồm các biện pháp khuyến khích và trừng phạt. Unidad Mixta Municipal de Patrimonio Histórico - Plan de Rehabilitación de las Areas Históricas de Sucre "*PRAHS*" (*Đơn vị cấp thành phố về định hướng di sản lịch sử - Kế hoạch phục hồi cho các khu vực lịch sử của Sucre "PRAHS"*) chịu trách nhiệm cho việc giám sát việc thực thi các quy định; bất kỳ hành vi hay can thiệp nào đối với trung tâm lịch sử thành phố cần phải nhận được sự chấp thuận của đơn vị này. Việc trùng tu và bảo tồn thành phố lịch sử Sucre dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế, với sự tài trợ của các cấp quốc gia và quốc tế.

Để gìn giữ các giá trị nổi bật toàn cầu của thành phố lịch sử Sucre qua thời gian đòi hỏi phải có sự xác minh và giám sát tính chân xác và toàn vẹn của tài sản di sản này trước các mối de dọa và nguy cơ tiềm ẩn. Bên cạnh đó, thì vấn đề về bảo tồn di sản văn hóa cũng cần được chú trọng hơn nữa trong kế hoạch phát triển di sản Sucre◈

Nguồn: https://whc.unesco.org/en/list/566/ gallery /

Nhà xuất bản Đà Nẵng
Số 03 - Đường 30 Tháng 4 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3797874 - 3797823 * Fax: 0236 3797875

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc NGUYỄN THÀNH
Chịu trách nhiệm nội dung: Nguyễn Kim Huy
Biên tập: Trần Văn Ban

Thực hiện liên kết xuất bản: **Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An**
ĐC: 10B Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 02353862367, Email: hoiancmmp@gmail.com, Website: hoianheritage.net
OAzalo: Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An

HỘP THƯ

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên soạn đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Nguyễn Chí Trung, Trần Văn An, Trương Hoàng Vinh, Nguyễn Thị Vĩnh Linh, Võ Hồng Việt, Phạm Phước Tịnh, Trần Thanh Hoàng Phúc, Trần Phương, Nguyễn Văn Thịnh, Trần Thị Lệ Xuân, Lê Thị Ngọc Hương, Lê Thị Lưu, Thái Thị Liễu Chi, Khiếu Thị Hoài, Huỳnh Thị Bảo Vy, Nguyễn Trần Cẩm Giang,... Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên Ban Biên soạn không thể đăng hết những tin, bài đã nhận. Những tin, bài còn lại Ban Biên soạn sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.

Bìa 1: Chùa Cầu - Tranh của họa sĩ Goto, Nhật Bản

Bìa 4: Đoàn rước Danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia Tết Nguyên tiêu ở Hội An - Ảnh: Phước Tịnh

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In - Phát hành sách và TBTH Quảng Nam.
260 Hùng Vương, TP.Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367. Email: chebaninqnam@gmail.com.
Số ĐKXB: 1612-2023/CXBIPH/13-30/ĐaN. GPXB số: 323/QĐ-NXBĐaN, do Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp ngày 30/5/2023. Mã số ISBN: 978-604-84-7307-5. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2023.